

quê hương đậm tuyển tập thơ văn

SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



3 1223 06800 7890



người Việt lưu ở trong / 1990

INTERNATIONAL CENTER

MAR 2 2005

quê hương ngân dân

tuần báo thơ văn

• Copyright © 1990 by NGƯỜI VIỆT LƯU VONG

All rights reserved. Printed in the U.S.A.

• Tuần báo QUÊ HƯƠNG NGÂN DÂN do

NGƯỜI VIỆT LƯU VONG Xúc tác và phát hành

Tháng 4, 1990 tại California, Hoa Kỳ

Trưởng Ban NGUYỄN KIM

in lần đầu tiên 1.000 bản

Trên đây là bản ASIAN PUBLISHING

Tuần báo QUÊ HƯƠNG NGÂN DÂN

được in bằng giấy in màu

INTERNATIONAL CENTER
MAR 3 2002

- Copyright © 1990 by NGƯỜI VIỆT LƯU VONG

All rights reserved. Printed in the U.S.A.

- Tuyển tập QUÊ HƯƠNG NGÀN DẶM do
NGƯỜI VIỆT LƯU VONG Xuất bản và Phát hành
Tháng 4, 1990 tại California, Hoa Kỳ

Tranh Bìa: NGUYỄN KHAI

In lần thứ nhất 1,000 ấn bản

Trình Bày & Ấn Loát: ASIAN PUBLISHING

Tuyển Tập Được Thực Hiện Bằng Bộ Chữ Việt VNI
Trên Hệ Thống Desktop Computer 386

quê hương ngàn dặm

tuyển tập thơ văn

VIETNAMES 895.9228 Q3017
Quê hương ngàn dặm :
tuyển tập thơ văn.
California : Người Việt
Lưu Vong, 1990.

3 1223 06899 7890

Vào Tập...

Sau khi miền Nam bị Việt Cộng cưỡng chiếm thì nền văn học được tạo dựng trong mấy mươi năm qua bị xóa bỏ để thay vào đó nền văn hóa Mác-xít. Các nhà văn, nhà thơ miền Nam hầu hết đều gác bút. Những cây viết tên tuổi bị cưỡng bức đi “học tập cải tạo”. Một số bị dày dọa đến chết trong tù. Một số khác tuy không bị tù nhưng cũng không chịu cầm bút trở lại vì không được tự do sáng tác. Viết theo chỉ thị để bán rẻ văn chương cho Đảng, người văn nghệ sĩ chân chính, dám sống theo lý tưởng của mình không muốn làm vì không chịu tự bôi đen tên tuổi. Còn sáng tác theo lương tri, theo những điều mình suy tư thì có thể mất mạng hoặc bị đi “cải tạo tư tưởng.” Cả một kho tàng sách vở, báo chí quý giá của miền Nam tự do bị Đảng ra lệnh đốt bỏ. Đảng đã lập lại rập khuôn hành động của Tần Thủy Hoàng vào năm 213 trước Tây Lịch. Từ đó, nền văn học tự do và nhân bản của miền Nam đã mất luôn sinh khí.

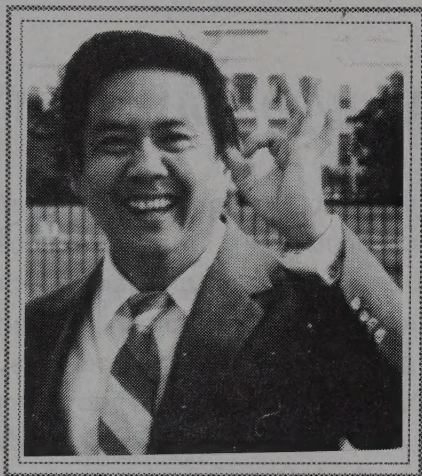
Nhìn lại miền Bắc, trong mấy mươi năm qua, dưới chế độ chuyên chế, Đảng đã đàn áp tư tưởng nên nền văn chương miền Bắc không thể phát triển. Không có tự do tư tưởng ắt không có tác phẩm văn chương đúng nghĩa. Giờ đây từ Nam chí Bắc, trong vườn hoa văn nghệ của Đảng chỉ còn mỗi một loại hoa “Mác-xít”. Hay nói theo Phan Khôi: “Trăm hoa đã trở thành cúc vạn thọ.”

Trong khi đó thì sinh hoạt văn học nghệ thuật hải ngoại được khai sinh do lớp người đi trước. Một số đã cầm bút trở lại. Họ cầm bút với tất cả nỗi bơ vơ lạc lõng, với tất cả nỗi đắng cay cơ cực của đoạn đời lưu lạc nhưng họ vẫn cố gắng nhen nhúm lên ngọn lửa văn học nghệ thuật. Ngọn lửa tuy leo lét nhưng cũng đủ ấm lòng những kẻ ly hương. Và cho đến khi làn sóng người vượt biên ra hải ngoại tìm tự do mỗi ngày một đông. Lớp người này ra đi với một tấm lòng u ẩn, bỏ lại sau lưng một quê hương lầm than. Trong đó có những người, trước 1975, chưa từng cầm bút nhưng họ thấy cần phải nói lên tội ác của cộng sản, những kẻ đã đưa quê hương và dân tộc xuống vực thẳm. Họ cầm bút để phản ánh một giai đoạn lịch sử đen tối của đất nước và cũng để giải tỏa những u ẩn của chính mình. Vì vậy sáng tác mới mỗi ngày một nhiều. Hay có, dở có, tạo ra cảnh “*vàng thau lẫn lộn*”, bảo ngọc bị lẫn với mắt cá.

Chúng tôi, những người thành lập nhà xuất bản NGƯỜI VIỆT LƯU VONG nghĩ rằng: “*Những tác phẩm có giá trị đích thực, những châu ngọc của ngôn ngữ, nếu không tìm cách lưu giữ và bảo tồn, sẽ bị mất dần theo ngày tháng,*” một thiệt thòi lớn cho dòng văn học hải ngoại nói riêng và nền văn hóa dân tộc, nói chung. Vì mục đích trên, chúng tôi quyết định cho xuất bản tuyển tập thơ văn mang tên QUÊ HƯƠNG NGÀN DẶM coi như một góp công trồng thêm vào vườn hoa chung của dân tộc một loài hoa quý.

NHÀ XUẤT BẢN NGƯỜI VIỆT LƯU VONG

TRẦN TRỌNG.



ANH VÂN

Tên thật là QUÁCH NGỌC VÂN, sinh ngày 24 -04-1938 tại làng Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu.

Trước năm 1975, dạy học. Nhập ngũ năm 1967 khóa 25 Trường Bộ Binh Thủ Đức. Hiện định cư tại California, Hoa Kỳ.

Bắt đầu viết văn vào cuối năm 1979. Đang cộng tác với Văn Nghệ Tiền Phong, Tiểu Thuyết Nguyệt San (do VNTP ấn hành), Ngày Nay (Kansas) và Sóng (Cannada).

Đã có bài đăng trên Văn, Làng Văn, Tuần Báo Sáng.

Tác phẩm đã xuất bản: TRÁI ĐẮNG (1989)

NĂM NĂM GẶP LẠI

Trường nằm im nghe tiếng mưa rơi lộp độp trên mái nhà. Giọt mưa đều đều như những giọt buồn làm ướt sũng hồn anh. Gian phòng thật yên lặng, yên lặng đến nỗi Trường nghe được tiếng tíc tắc của cái đồng hồ reo trên bàn viết. Không khí lạnh lẽo càng làm cho Trường cảm thấy như chìm sâu hơn trong nỗi cô đơn tịch mịch. Viên thuốc Valium 10 không giúp anh đi vào giấc ngủ dễ dàng mà chỉ làm anh thấy váng vất khó chịu. Cuộc điện đàm với Ân vẫn còn làm anh đau đốn, bứt rứt lẫn giận hờn. Trường thắc mắc tự hỏi: “Tại sao Hương qua được bên này mà không cho anh gặp mặt, lại ở trọ nhà Ân? Tại sao lúc đến được trại tị nạn, Hương không thông báo cho anh biết để anh làm giấy bảo lãnh nàng? Hương có biết năm năm qua, trên đoạn đường đời hiu quạnh, anh vẫn âm thầm bước đi với hình ảnh Hương trong lòng? Hương có biết được điều đó chẳng? Hương đã phụ bạc anh? Không. Hương không phải hạng người như vậy. Hương và anh đã cùng nhau thề thốt, sẽ chờ đợi nhau. Thế tại sao Hương không muốn gặp lại anh khi đã đặt chân tới Mỹ?”

Những lời trong lúc điện đàm với Ân như còn âm vang trong đầu: “Trường đó hả? Ân đây!” “Có gì không anh Ân?” “Có chuyện quan trọng muốn nói với mày. Hương đã qua được bên này và hiện đang ở nhà tao.” Ống liên hợp điện thoại trong tay Trường rơi xuống sàn nhà. Trường nghe nghẹn cứng ở ngực, mặt anh nóng bừng. Anh cúi xuống lượm cái ống liên hợp lên. Tiếng nói của anh run

rẫy, dứt đoạn: “Cái gì? Anh nói cái gì? Hương...đã qua và hiện...đang ở nhà anh à? Hương qua được bao lâu rồi?” “Một tháng.” Cơn giận dữ từ đâu ủa tới, Trường hét trong điện thoại: “Một tháng? Hương đã qua một tháng! Nhưng tại sao Hương không cho tôi biết mà lại ở trọ nhà anh? Tại...” Trường bị hụt hơi. Tiếng cuối cùng anh phát âm không thành tiếng. Đầu dây bên kia, tiếng Ân vẫn dịu dàng: “Mây bình tĩnh lại. Hương không muốn gặp lại mây chỉ vì Hương có nỗi đau riêng. Hương khổ lắm! Bao nhiêu lần Hương muốn tự tử nhưng...” “Nhưng gì? Hương đau khổ à? Hương có nỗi đau riêng à? Còn tôi? Tôi có đau khổ không? Đ.m., tôi ngu quá! Năm năm rồi, bao nhiêu người đàn bà tìm đến với tôi, tôi đều từ chối để đợi Hương. Hương biết chuyện đó không?” “Hương biết chuyện đó. Tao đã nói cho Hương biết chuyện đó. Và vì biết chuyện đó nên Hương càng không muốn gặp mây.” Trường nghe cơ thể rời rã. Anh im lặng, nước mắt chảy dài xuống má. Tiếng Ân vẫn nhỏ nhẹ, đều đều: “Mây còn đó không Trường? Mây còn đang nghe tao phải không? Hương yêu mây lắm và không hề phụ bạc mây. Tình bạn giữa tao và mây đã hơn hai mươi năm, tao nghĩ rằng mây có thể tin những gì tao nói.” “Nhưng tại sao Hương đã qua một tháng nay, tới bây giờ anh mới cho tôi biết?” “Tao đã nói, tại vì Hương có nỗi đau riêng nên không muốn gặp lại mây. Hương bảo nếu cho mây biết Hương hiện ở nhà tao thì Hương sẽ bỏ đi. Vợ tao đã thuyết phục Hương dữ lắm. Có lẽ bây giờ Hương đã xiêu lòng. Tội nghiệp Hương lắm. Hương thay đổi nhiều, gầy ốm và già hơn xưa. Mỗi lần nhắc tới mây, Hương đều khóc. Việc mây và Hương có trở lại được với nhau không đều tùy thuộc vào sự rộng lượng của mây cả.” Cơn giông tố trong lòng đã lắng xuống, giọng Trường buồn rầu: “Nhưng chuyện gì đã xảy ra cho Hương?” “Tao không thể nói gì nhiều hơn cho mây biết. Tao muốn để chính Hương nói rõ với mây tiện hơn. Nhưng có một điều tao có thể quả quyết

với mây là Hương rất yêu mây, vẫn còn yêu mây. Lòng Hương không có gì thay đổi.” “Tôi đến nhà anh ngay bây giờ được không?” “Không được. Từ chỗ mây đến nhà tao gần trăm dặm, trời lại tối rồi. Ở vùng tao đang mưa gió dữ lắm. Dường như cơn bão rút từ Texas thổi qua. Vả lại tao muốn cho Hương biết trước để Hương chuẩn bị tinh thần gặp mây. Thôi “bye” nhé Trường. Tao biết tin này sẽ làm mây khó ngủ. Hãy uống một viên thuốc an thần cho dễ ngủ.”

Ân gác máy điện thoại. Trường uống một viên thuốc ngủ rồi lên giường nằm.

Tiếng tíc tắc của cái đồng hồ reo vẫn vang lên đều đặn trong gian phòng hiu quạnh. Trong cái sâu thẳm của đêm dài, mắt Trường vẫn mở thao láo nhìn lên trần nhà. Khúc phim dĩ vãng lần lượt trở về với anh:

“...Trường gặp Hương trong một buổi lễ tuyên thệ, được tổ chức trong một cái nhà chứa nông cụ, giữa cánh đồng rộng mênh mông. Theo thông lệ của tổ chức, nếu đoàn viên là một sĩ quan của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cũ, sẽ được nhận vào ban tham mưu và phải tuyên thệ. Vì lý do an ninh, buổi lễ được tổ chức thật đơn giản, gồm có người đứng đầu tổ chức và hai đoàn viên thâm niên, trong đó có Hương. Sau buổi lễ, Hương đến bắt tay Trường, mừng anh như một tân chiến hữu. Mắt Hương trong sáng nhìn anh, tay Hương ấm áp và mềm mại trong tay anh. Trường ngạc nhiên nghe trái tim anh bất ngờ đập rộn ràng trong lồng ngực. Rồi Trường và Hương yêu nhau, yêu nhau tha thiết. Hương đã trao thân cho Trường cũng trong gian nhà chứa nông cụ, nơi mà định mệnh đã buộc chặt họ vào nhau trong lần đầu gặp gỡ. Những cái hôn, những ánh mắt, những nụ cười gởi cho nhau đã giúp cả hai vượt qua những gian nan, thử thách và hiểm nguy trong đấu tranh. Cả hai thấy tình yêu của họ chói chang hạnh phúc. Họ vừa là chiến hữu vừa

là đôi tình nhân thắm thiết. Vì vậy Trường đã cảm thấy mối tình của anh và Hương thật đẹp đẽ, thật lý tưởng và cũng thật lãng mạn. Anh có cảm tưởng như anh và Hương là hai con người cách mạng, là một anh hùng và anh thư đang trên đường đấu tranh cứu nước.

Vì đã xem đó là một mối tình trân quý nên khi tổ chức bị phá vỡ, kẻ đứng đầu tổ chức bị bắt, Trường phải bỏ chạy ra nước ngoài, anh vẫn cố gắng giữ gìn, nâng niu, ấp ủ mối tình đó, đủ can đảm chờ đợi Hương trong năm năm dài. Anh càng trân quý mối tình, anh càng yêu Hương thì cơn giận của anh càng dữ dội. “Tại sao Hương qua bên này mà lại không muốn gặp anh? Hương đã thay lòng đổi dạ hay vì hoàn cảnh nào mà Hương không muốn gặp anh?”

Đêm càng khuya càng yên tĩnh. Trường nghe lạnh ở hai bàn chân dù anh đang đắp mền. Anh nằm đã dậy nghe cái lạnh thấm vào da thịt và nghe được cả cái cô đơn đang lớn dần trong tâm hồn. Trời bên ngoài vẫn còn mưa, cơn mưa dai dẳng, giọt mưa thê thiết rơi đều đều trên mái nhà như một bản nhạc buồn. Viên thuốc ngủ đã thấm. Hai mí mắt Trường nặng trĩu. Anh nhắm mắt lại, mang theo gương mặt nhoẹt nhoe nước mắt của Hương vào giấc ngủ chập chờn.

Ngày hôm sau, nghe tin tức thời tiết, Trường biết trời đã im gió nhưng mưa vẫn còn lâm râm không dứt. Bầu trời thấp và xám đục, âm u như nỗi buồn lê thê trong lòng Trường. Anh quyết định đến nhà Ân để gặp Hương: “Dù thế nào cũng phải gặp lại Hương xem vì lý do gì Hương không muốn gặp lại anh. Để xem nỗi đau riêng của Hương là nỗi đau gì?”

Sau một đêm với giấc ngủ chập chờn, đầu Trường còn cảm thấy váng vất khó chịu. Trường lên ngồi trên chiếc

Mustang thể thao màu đỏ. Chiếc xe rồ máy rồi lao đi trong buổi sớm mai mịt mù, lạnh lẽo. Hai hàng cây bên đường đã trụi lá, chạy dài thẳng tắp. Hình ảnh Hương lãng đãng hiện về với những kỷ niệm đẹp dễ ngày xưa, những ngày tháng anh và Hương cùng chiến đấu bên nhau, nhiều hiểm nguy nhưng hạnh phúc. Cái hạnh phúc mà anh phải đánh đổi bằng năm năm đợi chờ trong nhớ thương mòn mỏi. Và bây giờ Hương đã đến Mỹ, nàng lại chẳng muốn gặp anh. Trường nghe cái đắng cay như dâng lên đầu lưỡi. Anh cho tay vào túi, lấy một điều thuốc ra châm lửa. Điều thuốc đầu ngày không làm Trường thấy dễ chịu. Miệng anh như đắng hơn. Anh lại dụi bỏ điều thuốc. Chiếc xe vẫn chạy với tốc độ đều đều trên con đường vắng tanh của ngày cuối tuần.

Tự nhiên Trường muốn quay về: “Hương đã không muốn gặp mình, tại sao lại phải lết đầu đến gặp Hương? Năm năm nay mình cũng sống trong đau thương ray rứt, có riêng gì Hương đâu?” Tuy nghĩ vậy nhưng anh vẫn cho xe chạy đều với vận tốc 70 dặm giờ. Trường thở dài cảm thấy hạnh phúc của đời người thật mong manh và ngắn ngủi. Đã ba mươi tám tuổi đời, trong đó hết sáu năm trong quân ngũ, đánh giặc phờ người, chạm mặt tử thần như ăn cơm bữa. Sau đó là bốn năm tù, sống lê lết kiếp sống của một con vật, nuôi hận thù như kẻ đang nằm gai nếm mật. Rồi năm năm sống vất vưởng như ốc mượn hồn trên mảnh đất tạm dung. Xác ở bên này nhưng tâm hồn thì ở bên kia bờ đại dương, trên xứ sở thương yêu nhưng nhiều khổ lụy, trong đó có Hương và bao nhiêu người thân đang ngụp lặn trong bóng tối của địa ngục. Hạnh phúc đời anh có được bao ngày? Vào đến thành phố, Trường cho xe chạy chậm lại. Mưa đã tạnh nhưng bầu trời vẫn còn âm u, lạnh lẽo.

Chẳng mấy chốc, Trường đã đậu xe trước sân nhà Ân. Anh bước lên thềm, đưa tay bấm chuông. Ân ra mở cửa.

Thấy Trường, Ân mừng rỡ.

— Trường, tao biết thế nào mày cũng tới. Vào gặp Hương đi. Ráng ~~an~~ ủi Hương nhé Trường.

Quỳnh, vợ Ân cũng chạy ra, dặn nhỏ:

— Phải khéo ~~an~~ ủi Hương nhé anh Trường. Hương đau khổ lắm đó.

Trường bước vào nhà, gương mặt lầm lì, hỏi trống:

— Phòng Hương đâu?

Quỳnh chỉ phòng Hương rồi hai vợ chồng cùng rút lui vào phòng riêng để Trường và Hương được tự do. Trường đến gõ cửa phòng Hương nhưng bên trong vẫn im lặng. Dường như Hương cũng biết Trường đến. Trường đẩy cửa bước vào. Hương ngược mắt nhìn Trường, giọng tắt nghẹn:

— Anh!

Mặt Trường tái mét. Đồ vật ở trong phòng bỗng nhiên quay cuồng trước mắt Trường khi anh thấy Hương đang ẵm một đứa bé trong tay. Trường cười nhạt, cố gắng giữ bình tĩnh để nói được với Hương một câu đầy khinh bỉ:

— Thế ra nỗi đau của riêng em là đứa nhỏ này đây à?

Hương vẫn ngồi im. Trường quay người lại, bước ra ngoài rồi đưa tay đóng sầm cửa lại.

Ân chạy ~~ra~~ nắm tay Trường.

— Mày làm gì vậy Trường?

Trường gỡ mạnh tay Ân, chạy thẳng ra xe. Ân chạy theo, la lớn:

— Trường, trở lại! Mày làm gì lạ lùng vậy?

Nhưng Trường đã leo lên xe, bỏ về.

Quỳnh cũng chạy ra, trong tay đang cầm cái remote control của TV, ném mạnh xuống đất. Thái độ giận dữ.

— Để tối nay em gọi điện thoại, mắng ảnh một trận mới được. Con người gì hồ đồ. Gần bốn mươi tuổi mà còn như con nít.

Ân cúi xuống lượm cái remote control lên, dẫn Quỳnh vào phòng Hương. Hương vẫn còn ngồi im lặng trên giường, gương mặt tái mét.

Quỳnh đến ngồi bên Hương, choàng tay qua ôm vai Hương.

— Anh Trường hiểu lầm em đó.

Ân tiếp lời vợ:

— Phải, Trường hiểu lầm em đó! Anh biết tánh nó, nóng nảy nhưng tốt bụng. Năm năm rồi, lúc nào nó cũng thương nhớ em. Sự nóng nảy của nó chứng tỏ nó là con người dễ xúc cảm. Trường yếu đuối lắm nhất là phương diện tình cảm. Nhìn đứa nhỏ, nó tưởng em phản bội nó. Nó thương em nhiều nên giận em nhiều. Để anh viết thư nói rõ ràng với nó. Anh cam đoan với em, nó sẽ trở lại ngay để xin lỗi em, sau khi đọc thư anh.

Quỳnh nóng nảy:

— Thư với từ gì? Để tối nay em mắng ảnh một trận cho ảnh biết.

Ân can gián:

— Anh biết tánh thằng đó. Lúc nó nóng giận, em gọi điện thoại tới, nó sẽ cúp, không chịu nghe em đâu. Vài ngày sau, nguôi giận, nó sẽ đọc thư anh.

Ân quay qua Hương, nói lời an ủi:

— Hương, em đừng buồn. Trường hiểu lầm em. Nó yêu

em quá nên không còn sáng suốt để suy luận bất cứ việc gì. Tính nó vẫn thế, không có gì thay đổi.

Thấy Hương vẫn ngồi yên lặng, mặt mày ngơ ngác, Quỳnh quay qua nói với chồng:

— Tối nay em ngủ với Hương, anh nhé?

Ân gật đầu:

— Phải, tối nay em nên ngủ với Hương.

Hương thở mạnh, nói với vợ chồng Ân:

— Anh chị đi nghỉ đi. Em không sao đâu.

Sau hai ngày nằm vùi, Trường đã nguôi ngoai cơn sầu. Anh cảm thấy đầu óc trống rỗng, không còn suy nghĩ gì được. Toàn thân anh nhẹ bồng như đang rơi lơ lửng giữa khoảng chân không. Trường có cảm giác như vừa trải qua một cơn bệnh nặng. Hai đêm rồi trong đầu anh cứ lờn vờn những câu hỏi: “Đứa nhỏ sờ sờ ra đó, sao Trường lại bảo Hương không phụ bạc mình và nỗi đau riêng của Hương là nỗi đau gì?”

Bống có tiếng của thằng Hoàng ở cạnh nhà:

— Cậu Trường, cậu có thơ, cháu lấy vô cho cậu nè.

Trường bước ra, hé cửa nhận thơ.

— Cám ơn cháu nhé Hoàng.

Trường ngồi xuống ghế, tay mân mê cái thơ của Ân. Anh tần ngần chưa chịu xé thơ ra: “Ân viết gì trong này? Vợ chồng Ân thương mình như đứa em ruột. Nếu Hương đã phản bội mình thì vợ chồng Ân đâu có kêu mình phải an ủi Hương. Mình nóng nảy quá! Tại sao không tìm hiểu xem nỗi đau riêng của Hương là gì? Tình yêu giữa mình và

Hương cũng đã kéo dài hơn một năm chớ ngăn ngủ gì. Minh cũng đã hiểu nhiều về con người của Hương. Hương đâu phải hạng người trắc nết, hư hỏng. Vậy nỗi đau riêng của Hương là gì? Vậy nỗi đau riêng..." Tự nhiên mình thấy Trường nổi đầy gai ốc. Và như có tiếng sét vừa nổ trong đầu Trường, rồi những tia sáng chói lòa tóe ra làm anh hoa mắt. Anh đưa hai tay lên ôm đầu: "Hay là... Hương bị thảm họa Thái Lan? Hay là Hương..." Tay Trường run rẩy xé cái phong bì, những dòng chữ của Ân đập mạnh vào mắt anh:

San Diego, ngày...tháng...năm 19...

Trường thân,

Tao không ngờ ngày gặp lại Hương, thái độ của mày phũ phàng như vậy. Mày bỏ về, Hương ngơ ngác nhìn theo rồi ngơ ngác nhìn vợ chồng tao. Hương im lặng nhẫn nhục, không than phiền gì về thái độ của mày cả. Hương cũng không khóc nhưng từ trong đôi mắt tối sầm lại của Hương, tao thấy cái lâu đài hạnh phúc mà Hương cố xây đắp trong hi vọng, sụp đổ tan tành. Tao tin rằng mày hiểu lầm Hương nên tao mới viết lá thư này. Bằng không thì tình bạn hơn hai mươi năm của chúng mình đã chấm dứt. Mày đã tàn nhẫn hỏi Hương: "Thế ra nỗi đau riêng của em là đứa nhỏ này đây à?" Đúng. Đứa nhỏ đó là nỗi đau riêng của Hương, nếu không có mày chia sẻ. Đứa nhỏ đó không phải là chứng tích của sự phản bội mà là nỗi oan khiên Hương phải gánh chịu trên đường vượt biển tìm mày. Nỗi đau to lớn của cả một dân tộc đã đổ trên đầu Hương và những thiếu nữ yếu đuối, bất hạnh như Hương. Nỗi đau thương đó chúng ta phải kính trọng. Thảm họa do bọn thú rừng Thái Lan gây ra cho đồng bào ta vẫn còn là một vết thương nhức nhối cho tất cả người Việt không cộng sản, chớ không riêng gì những nạn nhân của bọn thú—người đó. Thảm họa trên đường vượt biển của đồng bào ta còn là một vết đen ô nhục

trong lương tâm nhân loại. Người dân trên các quốc gia tự do có thể tảng lờ, mắt ngơ tai lấp nhưng chúng ta thì không thể. Người Việt chúng ta phải chia sẻ nỗi đau đó, phải đau cái đau đó chứ chưa muốn nói Hương là người yêu của riêng mây. Chỉ vì muốn nối tiếp những tháng ngày hạnh phúc bên mây mà Hương phải đem cả mạng sống ra đánh đổi và Hương đã phải trả một cái giá quá đắt. Sống chung với Hương được một tháng, thỉnh thoảng trong đêm khuya thanh vắng, tao nghe những tiếng thét hãi hùng của Hương trong giấc ngủ. Những lần như vậy, vợ chồng tao đều chạy vào phòng Hương. Thường thì lúc đó, Hương đã ngồi dậy, đầu tóc rối bù, đôi mắt ngơ ngác, đầy vẻ kinh hoàng trên nét mặt. Những lần như vậy, tao mong có mây ở đây chứng kiến, thử xem mây có cảm được nước mắt hay không. Mấy đêm nay, vợ tao phải ở cạnh Hương, cứ sợ Hương quần trí rồi tự vận. Trường thân...

Nét chữ đã nhòe nhoẹt, nhảy múa chập chờn bởi một màn nước mỏng bao phủ đôi mắt Trường. Rồi những giọt nước đau thương từ mắt anh theo nhau chảy dài xuống má. Trường bóp nát lá thư, hai tay ôm lấy đầu khóc nức nở. Tiếng khóc càng lúc càng lớn, càng lúc càng thương tâm như xé ruột: “Hương, Hương... tha lỗi cho anh! Hương, tha lỗi cho anh!”

Trường cố đè nén tiếng khóc, chạy vào phòng tắm rửa mặt. Anh thay vội bộ quần áo, xỏ chân vào đôi dép, phóng ra xe vọt đi. Cảnh vật chao đảo trước mắt Trường, anh cố trấn tĩnh cầm vững tay lái, mắt mở to để nhìn cảnh vật được rõ ràng hơn. Hơn một giờ sau, Trường cũng tới được nhà Ân.

Như lần trước, Trường bấm chuông, Ân ra mở cửa. Thấy Trường, mắt Ân sáng lên. Ân ôm chầm lấy người bạn mà anh thương như đứa em ruột. Ân nói với giọng xúc động:

— Tao biết thế nào mày cũng trở lại. Quả tao nhận xét không lầm về con người mày. Phải xin lỗi và ráng an ủi Hương.

Trường gật đầu:

— Hương đâu?

— Trong phòng, vào đi.

Trường đẩy cửa, bước vào. Anh im lặng đứng nhìn Hương đang ngồi cúi gằm mặt. Nhìn dáng dấp khổ đau của người yêu, Trường nghe nghẹn cứng ở ngực và đau nhói ở tim. Anh bước tới ôm Hương vào lòng.

— Hương, Hương...

Tiếng khóc lớn bỗng vượt ra khỏi cuống họng làm cơn tức nghẹn ở ngực Trường nhẹ đi. Tiếng khóc không kèm lại được, Trường đưa tay vuốt tóc Hương, giọng nói nghẹn ngào, đứt đoạn:

— Hương...tha lỗi...cho anh.

Tiếng khóc của Trường làm thằng bé đang ngủ ở trên giường khóc thét lên. Quỳnh từ ngoài bước vào, gương mặt đầm đìa nước mắt, cúi xuống ẵm đứa bé ra ngoài. Ân đang ngồi hút thuốc ở ghế sofa, miệng mỉm cười nhưng đôi mắt cũng đỏ hoe.

Vài phút sau, Ân và Quỳnh mới nghe tiếng khóc của Hương. Tiếng khóc như một nguồn nước thoát ra từ con đê vỡ, cuốn theo những đau đớn câm nín, những tức tưởi nghẹn ngào, những ê chề phiền muộn. Lệ từ mắt Hương cũng theo nhau chảy xuống như tiếp rửa sạch những khổ đau còn sót lại trên gương mặt hao gầy của nàng.

Khi cơn xúc cảm đã lắng xuống, Trường vẫn còn ôm Hương trong lòng. Anh hỏi nhỏ:

— Tha lỗi cho anh nhé Hương?

Hương gật đầu. Trường nói tiếp:

— Anh vô tình làm em đau khổ nhiều hơn.

— Em hiểu anh. Em không buồn giận gì anh hết.

— Cảm ơn em.

Hương ngập ngừng một lúc rồi hỏi Trường:

— Còn đứa bé, anh tính sao?

Trường hôn lên má người yêu.

— Còn tính gì nữa? Chúng ta sẽ đặt cho nó một cái tên Việt Nam. Nó sẽ mang họ của anh. Nó sẽ là con của chúng ta. Chúng ta sẽ không bao giờ nhắc đến nguồn gốc của nó. Nó sẽ là một bé Việt Nam lớn lên trên nước Mỹ như bao đứa trẻ Việt Nam khác. Chúng ta sẽ gây dựng tương lai cho nó và dạy nó biết yêu Tổ quốc Việt Nam của chúng ta.

Hương gục đầu lên vai Trường.

— Cảm ơn anh.

— Sao lại cảm ơn anh?

— Em cảm ơn sự rộng lượng của anh, cảm ơn tình yêu của anh dành cho em, cảm ơn anh đã chia sẻ nỗi đau đớn của em.

Bỗng có tiếng gõ cửa, rồi tiếng Ân vọng vào:

— Ông bà tâm sự lâu quá. Chúng tôi vô được chưa?

Trường buông Hương ra, trả lời:

— Mời anh chị vô.

Quỳnh ẵm đứa bé đang ngủ trên tay cùng Ân bước vào. Ân cười hề hề:

— Ông bà hạnh phúc quá! Gương vỡ lại lành rồi phải không?

Trường cũng cười:

— Gương có vỡ đâu mà lại lành.

Hương đứng bên Trường cũng mỉm cười, nụ cười thật đẹp, đôi mắt ánh lên niềm hạnh phúc tràn đầy của một người vừa nhìn thấy lại ánh sáng cuộc đời, tìm lại được mối chân-tình-yêu tưởng đã mất đi sau năm năm xa cách.

ANH VÂN



BÙI BÍCH HÀ

Tên thật là BÙI BÍCH HÀ, sinh tại Huế, thuộc dòng dõi gia phong.

Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm môn Pháp Văn.

Trưởng thành và dạy học ở miền Nam. Chị viết với nhiều bút hiệu: Chi Hương, Thái Hà, Vương Tiểu Muội (Văn Hóa Ngày Nay, bộ mới, do nhà văn Nhất Linh chủ trương

Hiện cộng tác với các báo: *Người Việt*, *Thế Kỷ 21*, *Xây Dựng*, *Phụ Nữ Diễn Đàn*, và nhiều báo khác

Tác phẩm đã xuất bản:

BUỔI SÁNG MỘT MÌNH (1989)

CƠN ĐAU

Tôi trở mình thức giấc trong cái yên lặng cố hữu của gian nhà thường chỉ có tôi là người thứ nhất thức dậy lúc đầu ngày. Cửa phòng đóng chặt, các cửa sổ kéo rèm. Một bóng đèn ngủ vàng ủa càng làm rộng thêm, sâu thêm, cái không khí hoang sơ của một ngày cuối đông lạnh lẽo.

Theo thói quen, tôi quay nhìn đồng hồ đặt trên đầu bàn đêm. Còn hơn nửa tiếng nữa mới tới giờ tôi để chuông báo thức. Một cảm giác nặng nặng trên mí mắt phải và một bên mặt phải làm tôi ngờ ngợ. Tôi đưa một bàn tay lên xoa nắn nhẹ nhẹ, nghĩ thầm chắc đêm hôm qua tôi đã nằm nghiêng bên phải quá nhiều hoặc là đã để gối tuột khỏi đầu. Tiếng một con chim tu hú khắc khoải tìm bạn trên một ngọn cây dọc con đường hiu quạnh bên ngoài. Những ngọn cây hai bên đường mùa này trở đầy hoa tím, nhắc nhở không nguôi hàng cây sầu đông trong khu vườn rộng nhà tôi năm xưa ở một khu ngoại ô thành phố Huế. Thuở ấy, những ngày mùa đông mây xám thấp ngang đầu, hoa sầu đông nở tím ô cửa sổ học trò của cô gái nhỏ, tôi ngồi hàng giờ ngắm những chùm hoa sầu đông rét mướt ấp ủ những cơn mộng đầu đời mong manh.

Từ bấy đến nay, đã biết bao mùa đông hoa tím rụng qua đời, đã biết bao đắng cay phiền muộn, tôi vẫn còn hàng ngày đi dưới những cơn mưa hắt hiu của hoa sầu đông tím!

Tôi bỏ chân xuống tắm rồi đi vào phòng rửa mặt. Những vốc nước lạnh đầu tiên vỗ lên hai mắt đem lại một

cảm giác cay xè, bỏng rát. Tôi chớp mắt, mi mắt như có những hạt cát cứng và sắc. Tôi nhìn vào tấm kiếng soi sáng rõ dưới chùm đèn điện bằng thủy tinh, sững sờ thấy một bên mắt tôi sưng tấy, dấu sưng lan rộng xuống một phần gò má làm da mặt tôi ở chỗ ấy căng bóng lên. Trong khoảng khắc, một cảm giác buồn rầu như một cơn gió lạnh thấm vào xương sống lưng làm người tôi cứng lại.

Tôi mặc quần áo xong mà gian nhà vẫn còn chìm đắm trong giấc ngủ. Tôi ra bếp, làm thức ăn sáng và thức ăn trưa cho mọi người đem theo đến sở, kể cả thức ăn để dành cho mấy đứa nhỏ còn đi học cần ăn lúc nào cũng có.

Tiếng vòi nước chảy trong sự tĩnh mịch sâu thẳm của buổi sáng chỉ có một mình tôi, bóng ngọn đèn soi trên cái sink rửa bát khô ráo có một vẻ gì cô quạnh bỗng làm tôi rưng rưng nước mắt. Mọi khi, tôi không có thì giờ để nghĩ luẩn quẩn như hôm nay. Tôi làm tất bật, quay quắt như một cái chong chóng để chuẩn bị đủ mọi thứ cho một gia đình sáu người.

Ấm nước pha cà phê reo sôi trên bếp. Tôi pha thêm một tách trà nóng để hơ bên mắt đau của tôi. Con trai tôi dậy từ lúc nào, đã y phục tươm tất, một tay bỏ vào túi quần chắc là để tìm chìa khóa xe, tay kia vờ lấy túi thức ăn trên bàn rồi biến ra cửa không kịp nhìn tôi:

— Bye bye, Mom!

Tôi toan đứng dậy đi thì chồng tôi ra tới nơi. Anh nhặt tờ báo ngoài hè rồi quay vào uống ly cà phê. Mãi đến hôm nay tôi mới có dịp để ý là chồng tôi thường ăn sáng mà không nhìn thấy tôi ngồi trước mặt. Anh dở những trang báo xào xạc, anh đọc tin tức một cách bình thản và ăn uống một cách bình thản, như thể anh không có một chút thưởng thức nào. Tôi vẫn ấp hai bàn tay bên ngoài cái tách trà nâng cao ngang tầm mắt để xông. Tách trà đã nguội nhưng

hình như tôi cố tình kéo dài để chồng tôi có thể nhìn thấy một bên mí mắt tôi đau, tuy vậy, sau cùng anh bỏ tờ báo, uống cạn tách cà phê rồi đứng dậy:

— Em đi chưa?

Ngay sau câu hỏi, anh quay lưng đi ra cửa, hai tay vỗ vỗ những cái túi áo jacket áng chừng để kiểm soát lại vài cái bút, gói thuốc lá hay cái bật lửa, theo một thói quen cố hữu của anh trước khi rời nhà.

Tôi đến sở làm như thường lệ. Các bạn tôi kêu lên khi nhìn thấy tôi:

— Trời ơi, mắt Hân đau kìa!

Người khác:

— Trời ơi, sao chị không nghỉ đi bác sĩ? Mắt chị sưng quá!

Những câu hỏi tới tấp, những lời nói của bạn bè như những mũi kim chích râm ran vào thân thể tôi, làm tôi chợt cảm thấy hình như một cái gì trong tôi vừa hao mòn và tàn tạ.

Đến trưa thì một bên mắt tôi càng sưng to. Tôi quyết định về nhà để đi bác sĩ. Lúc tôi cầm ống điện thoại gọi đến phòng mạch lấy hẹn xong, tôi có ý nghĩ gọi cho chồng tôi ở chỗ anh làm việc. Tôi đã quay số, đã nghe tiếng chuông reo và tiếng người tiếp viên ở tổng đài nhưng tôi lại gác máy. Một cảm giác mỗi một bất ngờ làm lòng tôi tê lạnh. Nếu chồng tôi nghe tôi gọi, anh ấy cũng không giải quyết được gì, tôi chỉ làm anh thêm bận tâm vô ích vì nỗi đau là của riêng mỗi người. Dù cho chúng tôi có thương yêu nhau đậm thắm, dù cho chúng tôi có thương yêu nhau đến mức độ “tuy hai mà một” thì cũng vẫn có một giới hạn cho chúng tôi trong cơn đau. Từ lúc tôi banh da xẻ thịt để sinh đứa con đầu lòng, tôi đã hiểu rõ thân phận của con người là cô

đơn. *Dẫu anh có đi với em tới đầu ghềnh cuối bãi, dẫu anh có thể chết bên cạnh em và vì em thì cũng vẫn có một nơi chốn anh không thể cùng em đến: đó là trong cơn đau.*

Một giây đồng hồ trước khi con tôi chết ngộp dưới dòng nước phũ phàng trong một chuyến vượt biên, nó cũng có cái ý nghĩ của tôi: nó chết một mình! Tôi không thể chia sẻ một chút gì với cháu trong nỗi bất hạnh của riêng nó đâu chính cháu là một phần xương thịt của tôi. Vì vậy, tôi ngậm miệng trong cơn đau. Tôi nghĩ: *“Có một thứ trên đời người ta sẵn lòng đem cho, một phần hay đem cho hết nhưng người ta lại không thể trút bỏ đi đâu được, người ta cứ phải khư khư giữ lấy một mình như một thứ oan khiên: đó là nỗi bất hạnh, tuổi già và cơn đau.”*

Tôi nhớ lại một ngày khi Mai biết chồng có tình riêng, cô ấy đòi chết. Cô uống ba mươi bảy viên Optalidon để vĩnh biệt cuộc đời nhưng số phận lại muốn cô được người ta chữa chạy cứu sống. Lúc tôi vào nhà thương thăm Mai, cô ấy cầm tay tôi mỉm cười:

— May quá, còn được gặp lại Hân! Lúc đối đầu với cái chết, mình thấy mình lẻ loi quá, cô đơn quá. Chạy trốn một nỗi cô đơn để lại chui đầu vào một nỗi cô đơn còn rộng lớn hơn, còn ghê gớm hơn, còn tận cùng hơn, thật đại quá! Trước sau gì rồi cũng phải chết, tội gì hoại thân để đi tìm?

Tôi đến phòng mạch bác sĩ lúc 5 giờ chiều. Có nhiều người khách cũng như tôi, đang ngồi chờ. Vẻ mặt người nào cũng đăm chiêu. Họ lơ đãng cầm một tờ báo lên, lật qua trang mà không đọc rồi lại đặt trả tờ báo và chỗ cũ. Có người ôm chặt tờ báo trên ngực, như thế để chắc chắn là họ còn bám víu vào một cái gì đó trên cõi đời này. Một ông làm ra vẻ lạc quan, thỉnh thoảng huýt sáo khê một điệu hát rời rạc, cái khung cửa sổ bằng kính trước mặt tôi lờ mờ chảy những hàng nước mưa lặng lẽ. Một bà mắt lom lom

nhìn người đối diện rồi ngập ngừng hỏi:

— Bà khám bệnh lần đầu hay là thân chủ quen?

Người được hỏi tỏ ra không có gì quan trọng, trả lời hờ hững:

— À, tôi cứ lâu lâu ghé check lại sức khỏe ấy mà!

Nhưng tôi thì không dấu được ai với một nửa bên mặt sưng húp của tôi.

Một người tốt bụng ngỏ lời:

— Chắc chỗ chị làm có nhiều hóa chất, chị bị dị ứng hay nhiễm độc mắt đấy thôi, chị nghỉ ngơi, rửa thuốc vài lần chắc hết.

Một người khác ra vẻ thông thạo:

— Có khi sưng thế này là thận đấy!

Nói rồi vị ấy chép miệng:

— Ôi! Thận thì thận, chẳng có sao! Ở đây xứ văn minh, họ cứ mổ cắt tuốt rồi cho thận giả vào, xài tốt hơn thứ thiệt.

Tôi kiên nhẫn ngồi nghe quý vị đồng bào bàn luận, lòng đứng đưng như nghe chuyện của ai.

Mới tuần lễ trước, tôi đi đưa đám ma anh Kiên và mới sáu tháng trước, tôi tình cờ trông thấy anh ngồi chờ ở một phòng mạch bác sĩ, tay chống cái gậy. Hỏi thăm thì anh tươi cười đáp: “Ui dào, có tuổi rồi chị, nó cứ đau nhức lưng tung, chắc lại bị phong thấp ấy mà!” Thực sự thì anh không bị phong thấp, anh bị ung thư phổi. Anh đã chống trả một cách quyết liệt với cơn bệnh và khi biết rõ mình sẽ phải thất bại, anh chờ đợi cái chết như chờ đợi một người thân đến đón anh đi xa.

Nghe kể lại rằng lúc qua đời, anh chỉ chột nhẹ nhàng

khép đôi mắt lại, như đi vào một giấc ngủ êm đềm. Biên giới giữa sự sống và sự chết nó liền lạc đến nỗi khó mà nghĩ rằng một cái gì khủng khiếp đã xảy ra, một cái gì đó đã thực sự chấm dứt, ít nhất là cho đến khi mọi việc bắt đầu rơi vào quên lãng thì người ta cũng đồng thời quên hết mọi chuyện rồi!

Ông bác sĩ yên lặng khám bệnh cho tôi. Tôi thích sự yên lặng của những ông, bà bác sĩ lúc họ khám bệnh, nó giống như sự bí ẩn của cõi sống và cõi chết.

Sau cùng ông ta bảo tôi:

— Tôi cho làm các thử nghiệm cần thiết về thận của bà. Thứ bảy, bà sẽ nhận được thông báo kết quả.

Tôi cảm ơn, vừa đi ra vừa ngẫm nghĩ *“Cầu trời cho mình còn đủ thời giờ để được thông báo mọi kết quả thử nghiệm.”*

Thành phố đã lên đèn. Những chiếc xe hơi đủ màu và đủ hình thù chạy ngược xuôi trên những con đường ngang dọc, như một đàn thú điên. Một chiếc xe của tôi có chạy lẫn vào dòng xe cộ này hay không thì cũng chẳng có gì thay đổi, chẳng có gì thêm bớt vào đời sống ở đây. Tuy vậy, cái ý nghĩ có thể tôi đang đi lần cuối cùng trên những đoạn đường này, nhìn ngắm lần cuối cùng những cái bảng hiệu quen thuộc trên các cửa tiệm tôi từng ra vào này, bỗng làm tôi cảm thấy lòng nhũn đi vì một cảm giác bùi ngùi và thương tâm.

Xe về đến trước sân. Ngọn đèn ở cửa đã được chòng tôi hoặc một đứa con nào của tôi thấp sáng như mọi đêm. Tôi thường có ý nghĩ ngọn đèn trên ngạch cửa của những ngôi nhà Việt Nam ở đây giống như những ngọn nến cầu nguyện tôi vẫn thấy người ta đốt lên trong nhà thờ, để xin ơn hoặc tạ ơn. Chúng tôi tạ ơn một ngày bình yên và xin ơn một ngày trở về cố quốc.

Còn bao nhiêu buổi chiều, buổi tối nữa tôi còn được nhìn thấy ngọn đèn báo hiệu một sự sống ấm cúng đang tồn tại bên sau cánh cửa này? Và nếu một ngày kia không còn có tôi trên cuộc đời, chắc chắn ngọn đèn vẫn sẽ còn sáng mỗi chiều, mỗi đêm, êm ả, vô tình. Thật ra, thiên nhiên và cảnh vật có gì gắn bó với con người đâu, chỉ tại thần trí ta, tâm hồn ta, tình cảm ta, đã gắn bó với thiên nhiên và cảnh vật, đem sự sống của chính mình, tình yêu và nỗi đam mê gửi vào những vật vốn vô tri vô giác để thấy nơi chúng hình ảnh cái tâm thức siêu hình, sâu thẳm và tha thiết trong mỗi chúng ta.

Cơn mưa phùn cầm cầm gió rét trên một hè phố nhếch nhác những thân lá rửa mục, những bông hoa sầu đông lạc loài dưới một vòm trời mây xám đều hiu có thật đã nhất thiết gợi nhắc với tất cả mọi người chốn quê hương xa vời, khuất nẻo hay chính nỗi nhớ nhung hoài niệm không nguôi chỉ riêng trong lòng tôi, đã trải lên cảnh vật bức tranh ngày dĩ vãng?

Không một ai trong nhà nghe tiếng xe tôi về đến sân. Giờ này có lẽ chồng tôi đang nằm nghỉ trong phòng, chờ bữa cơm tối được dọn ra, với một ly rượu khai vị trên bàn đêm, con gái tôi đang loay hoay làm một món gì đó trong bếp, vừa làm vừa nhún nhảy theo một băng nhạc cassette nghe bằng headphone để không quấy rầy ai hoặc vừa làm vừa lầu bầu gắt gỏng vì cái công việc ăn uống phiền phức làm cô mất thì giờ, con trai tôi đứa lớn chắc chưa về, còn đứa út hẳn là đang dán mắt vào một show nào đấy trên màn ảnh ti vi. Với những hình ảnh quen thuộc cố hữu ấy trong đầu, tôi buồn rầu cho tay vào ví lục tìm chìa khóa để mở cửa một mình. Trong thoáng giây, tôi chợt nhận ra rằng từ một lúc nào không còn nhớ rõ, mỗi người chúng tôi trong gia đình trở thành một cái bóng thâm lặng đi bên lề cuộc đời nhau. Đã hết những nỗi vui rào rạt như những con sóng

nhỏ vỗ vào bờ cát ấm một ngày mùa hè long lanh mặt trời, đã hết những buốt đau thảng thốt làm giá lạnh buồng ngực, héo khô má môi, nghẹn ngào hơi thở, đã hết những thao thức băng khuâng, những đợi mong gượng nhẹ một tiếng chân, một mắt nhìn, một nụ cười, đã hết ngay cả những đắng cay, những mật ngọt để biết nhau còn sống tràn đầy và thưởng thức.

Tôi bước chân vào nhà, tự nhiên nghe xôn xao trong lòng một nỗi nôn nao khó tả. Những phòng ngoài không có ai. Tiếng nước chảy xối xả trong buồng tắm, chắc là một đứa con nào của tôi đã về. Tôi đi vào phòng. Dưới ánh sáng mờ nhạt của bóng đèn đầu giường, chồng tôi đang thiếp ngủ, mắt vẫn còn đeo kính và tờ báo để trên ngực. Tôi đứng lại trên ngưỡng cửa để nhìn anh một lúc. Khoảng cách giữa chúng tôi chỉ có mấy bước chân nhưng hình như không gian ấy đã lạnh ngắt, đã đông đặc một nỗi ngăn trở lâu dài. Sự tĩnh mịch chung quanh làm tôi nghe rõ tiếng anh ngáy sè sè, như thể đời sống đầy những lo âu và nhọc nhằn ở đây đã lấy đi hết nơi anh cái sức lực của tuổi thanh xuân ngày nào, tiếng anh thở như mắc nghẹn, như quanh quất ở một đường khí quản chất chứa cặn bã thời gian và phiền muộn.

Tôi nhẹ nhàng thay áo, hết sức rón rén để không làm chồng tôi thức giấc và có lẽ để tôi được một mình lâu hơn.

Tôi muốn nằm ngả lưng một lát cho đỡ mệt song cái ý nghĩ bỗng dừng đến nằm bên cạnh anh vào một lúc không phải là giờ đi ngủ thường lệ làm tôi cảm thấy khó chịu và bức bối. Tôi nghĩ thầm trong đầu: *ngày mai phải kê thêm một cái giường nhỏ trong phòng.*

Tôi ngồi duỗi hai chân trong chiếc ghế bành. Bắp thịt trên gò má tôi giật nhẹ nhẹ. Dưới hai mi mắt vừa nhắm lại, chỉ còn trắng xóa một hư không mịt mù sương khói. Nỗi

mệt mỏi như một lớp hơi nước bốc lên từ những chiếc gối dựa êm ấm, thấm ngấm và lan tỏa khắp cơ thể rời rã của tôi. Tôi chợt mỉm cười vu vơ một mình, nhớ lại con đường dốc quanh vào đầu thị xã Đà Lạt với những dậu hoa bìm bịp vàng rực rỡ. Trong cái lạnh hanh hao, khô nẻ của Đà Lạt mùa hè, màu sắc những đóa hoa bén sắc như những lưỡi dao nhọn, nhìn một lúc tưởng chừng máu rịn ra từ hai tròng mắt, từ các lỗ chân lông nở lớn mọc thành gai ốc khắp người.

Ở chỗ con đường dốc quanh vào đầu thị xã ấy có một cái khách sạn nhỏ bằng gỗ của người Pháp, tên là Sans Souci. Cái khách sạn này là nỗi ám ảnh êm đềm của tôi trong suốt nhiều năm tháng gieo neo của một đời người. Mỗi lúc tâm hồn kiệt quệ, khế nhắm mắt lại là tôi thấy hiện lên trong đầu cái bảng hiệu Sans Souci dưới một khoảng trời rộng rãi màu lam nhạt, bên một rìa đường có những bụi hoa tươi thắm cười cợt trên cái rạt rào của biển lá xanh. Tôi thấy tôi đi trong tay chàng, va li đặt dưới chân, tra cái chìa khóa vào một cánh cửa nào đó mà tôi không bao giờ có cơ hội bước qua. Nghĩ đến “chàng”, tôi lại cười một mình. Có một chút gì mịn như phấn, êm như nhung, thơm ngát ngào như quế bồng dưng dấy lên xung quanh tôi và trong chính tôi, một nỗi rung động không cùng bồng làm tôi nức lên vì choáng ngợp một hạnh phúc kỳ dị.

Suốt cả cuộc đời, dường như tôi đã mãi miết vùi chôn những ngày tháng hăm hiu trong cái mộng tưởng về một hẹn hò hảo huyền với chàng. Suốt cả cuộc đời là một hiến dâng thường trực, tự hào và mãn nguyện cho một chiếm hữu vô hình, thiêng liêng và bền chặt. Vẫn đã biết chỉ là hư không, chỉ là mộng ảo, chỉ là bến bờ mê hoặc. Thời gian vô tình cứ trôi mãi về một chân trời cách trở, cho đến bây giờ tóc đã xám, mắt đã quầng, tất cả đã nguội lạnh, đã tro than, đã muện màng hối tiếc...

Chồng tôi chợt thức giấc. Chàng đảo mắt nhìn quanh gian phòng và nhìn thấy tôi. Đôi mắt anh đậu lại trên người tôi một lúc như để xác định cái hình ảnh về tôi là thật:

— Đã có cơm chưa em?

Từ bao nhiêu năm, anh chỉ hỏi em có thể. Từ bao nhiêu năm, em dính liền với bữa ăn sáng, bữa ăn trưa, bữa ăn tối, với đôi dép, cái tắm, cục xà bông và hồ nước tắm của anh. Ôi! đôi mắt thâm trầm huyền hoặc năm xưa, đôi mắt mà khi mới gặp nhau, mỗi lần nhìn đã khiến em nghĩ đến mùa đông dài vô tận thời thơ ấu nơi quê ngoại, đôi mắt chứa chan bao điều tình tự cho cái tâm hồn khát khao những nỗi đam mê xa lạ của em, cái thế giới vô biên và bí ẩn trong đôi mắt anh ngày ấy có thật hay không, hay là em đã không có cách vào và anh không đành lòng mở? Hay nữa là sau cùng, những ý nghĩ của em thực ra cũng chỉ là ảo tưởng vẽ vời mà thôi?

Tôi lắc đầu:

— Em mới đi bác sĩ về, mệt quá!

Giọng chàng trầm trầm, như bị trĩ xuống vì một cái gì nặng lắm:

— Em đau sao?

A! Thì ra anh vẫn không nhìn rõ mặt em. Đã bao lâu rồi ta không nhìn rõ nhau hay ta chỉ nhìn nhau trong cái tranh tối tranh sáng chớp chờn này?

— Em bị sưng một bên mắt và một nửa mặt. Bác sĩ bảo có thể thận em bị trục trặc.

Hình như đôi mắt chồng tôi mở lớn hơn một chút. Sự im lặng như một tấm lưới rộng và nhanh chụp lên chúng tôi cơn thẳng thốt bất ngờ. Song chồng tôi vẫn ngồi bất động ở chỗ của anh, nhìn tôi chăm chú rồi chép miệng:

— Khổ rồi đấy em ạ! Mong rằng em không đau gì nhiều.

Tiếng chàng u uẩn, rời rạc, hai vai chàng rũ xuống như một ông già.

Tội nghiệp anh. Vì suốt cuộc đời làm vợ của em, em vẫn thường là cây cột chống cho anh nương tựa, để vực anh từ những vực đời chênh vênh, phiên muộn, để vực em từ những bờ làng thua thiệt, thế nhưng kể từ một ngày dâu bể, đời trôi dạt đến phương này, em bỗng mệt nhoài với sức nặng của chính mình, nên em để mặc anh và em cùng trôi tuột trên con dốc đời trống trơn, vô nghĩa!

Không còn những cái mốc hẹn hò, không còn những đường quanh chờ đợi, không còn một phiến đá, một tàn cây để làm dấu quay về. Chỉ còn một lối đi trước mặt, mở ra với ngày lên, với đêm xuống, đưa tới một nấm mồ. Trên lối đi này, có lẽ em đang tranh bước với anh!

Đã từ lâu lắm hình ảnh chồng tôi bỗng làm tôi xúc động:

— Anh ra ăn cơm đi, chắc con đã làm giúp em mọi thứ rồi!

Chàng cho cả hai bàn tay lên vuốt mái tóc đã hoa râm, chậm chạp đứng dậy, như thể cái ý nghĩ phải ăn một bữa cơm cũng làm chàng đau khổ.

Sáng hôm sau tôi dậy muộn. Chỉ còn mình tôi trong gian nhà rộng, với mấy con cá màu lặn cắm bơi lội nhón nhờ trong cái hồ nước nhỏ. Trời hôm nay bớt mây, một chút nắng hanh hao nhóm trên đầu những ngọn lá dài theo bờ rào, gọi nhắc một điều gì mong lung, thăm lặng, chợt đến, chợt đi, chợt gần, chợt xa, chợt quên, chợt nhớ.

Liệu tôi còn bao nhiêu thời giờ nữa ở nơi chốn này? Sự chia lìa đã sẵn trong cái vô tình của tính vật chung quanh. Rồi cũng giống như con chim nhỏ đang nhảy nhót trên cỏ xanh, chỉ một vỗ cánh im lìm đã mất hút vào hư vô, khu

vườn vẫn chẳng có gì thay đổi, những con chim khác lại đến nhảy nhót trên cỏ xanh. Chỉ thiếu một đôi mắt buồn rầu sau cửa sổ sáng nay, chỉ thiếu một trái tim đang đập nghẹn ngào những nỗi tiếc thương vô vọng, chỉ thiếu một cơn tức giận mệnh mông đang vò xé tấm hình hài hữu hoại, chỉ thiếu một ngày hôm qua trên tờ lịch đã xé bỏ.

Giờ này các bạn tôi trong sở làm đang túi bụi với công việc của họ. May ra một vài người chắc sẽ nhắc nhở hỏi thăm tôi. Nếu tôi còn cơ hội, tôi sẽ nói cho Rosa biết tôi rất yêu thích tiếng cười của cô, tiếng cười ngắn, đục, hăm lại thành chuỗi trong cổ họng, như tiếng một con bò câu mái gù trên bờ hồ nước nhà tôi năm xưa, tiếng cười gợi lên hình ảnh của một hạnh phúc thắm vụng và tràn đầy, của một người không thể giấu nổi sung sướng của mình.

Trong canh bạc đời đen đỏ, với Thượng đế làm một người hồ lý vừa khoan dung vừa khắc nghiệt, vừa sòng phẳng vừa ăn gian, mọi người tham dự cuộc chơi đều biết họ sẽ đứng lên trắng tay, ấy vậy mà trong cơn say mê được thua, thường khi người ta quên hoặc người ta giả vờ quên nên thiếu người chịu chơi hào sảng và không mấy ai chịu cười khi tàn cuộc.

Từ nhiều năm, tôi đã sẵn sàng cho một lên đường chờ đợi. Nếu thứ bấy này, ông bác sĩ báo kết quả thử nghiệm bình thường, chắc chắn tôi sẽ có cái tâm trạng của một người bị ép ngồi nán lại một cuộc vui mình đã muốn già từ.

BÙI BÍCH HÀ



ĐOÀN ĐỨC NHÂN

Đoàn Đức Nhân sinh năm 1925 tại Hà Nội. Hiện định cư tại Pháp. Tốt nghiệp Ban Kinh Tế Học ở Đại Học Quốc Lập Tôn Trung Sơn và Đại Học Quốc Lập Đài Loan.

Hội viên Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội. Bí Thư Cận Vệ của cụ Nguyễn Hải Thần.

Biên tập viên Tạp chí Quê Mẹ ở Pháp.

VƯỜN CHANH PHÙ ĐỔNG

• ĐOÀN ĐỨC NHÂN

Tôi nhận được ba hột chanh giống anh bạn Đặng Trần Vận gửi từ Paris tới. Trong thư kèm theo anh viết: “Đây là chanh giống làng Phù Đổng. Quả to hơn nắm tay. Tôi chỉ còn ba hột này biếu anh thế là hết. Nhớ ngâm nước một đêm cho mềm vỏ hãy đem ương. Khi nào cây ra lá lấy thái chỉ ăn với thịt gà.”

Anh hứa cho tôi hột chanh giống này từ tuần trước, khi anh tới thăm mang theo cây lục huyền cầm tự tay anh chế tạo và được giải danh dự 10,000 quan ở Đấu Xảo Exploits manuels năm 1979 tại Palais CNIT Paris. Anh mang theo đàn và một bầu tâm sự sâu muộn. Đàn anh làm không phải để tranh giải với thiên hạ mà để tặng một người tình, một người vợ. Nhưng Janine làm dâu Việt Nam hơn mười năm thì bị bạo bệnh. Trước khi nhắm mắt vĩnh viễn chị không trần trối gì chỉ kêu em gái mặc cho chị bộ y phục Việt Nam để tỏ lòng chung thủy với chồng, với quê hương nhà chồng. Từ một năm nay chị yên giấc ngàn thu ở nghĩa trang Pierre Lachaise trong chiếc quần lĩnh đen và cái áo dài màu tím, cái áo dài trang nhã, thơ mộng và quý báu chứ không phải cái “áo dài” cũn cốn, phản mỹ thuật thấy nhan nhản hiện giờ.

Chiếc đàn lại trở về tay anh.

Tôi cầm đàn lên xem bỗng kinh ngạc rụng rời. Toàn thân chiếc đàn không bằng gỗ thông như thường lệ mà là những que diêm ghép lại. Hàng ngàn, hàng vạn chiếc que diêm được mài nhẵn thẳng tắp, ăn khớp không một kẽ hở để thấy vết keo. Quanh mép đàn và khẩu âm những hoa văn ngũ sắc chạy đường chỉ tinh xảo tuyệt vời. Tôi kinh ngạc không hẳn vì cái đàn kỳ lạ mà vì trong khoảnh khắc ý thức được ở đời này còn có một khối tình vĩ đại như đức tin của những người xây cất nhà thờ thời Trung cổ để hoàn thành một công trình như vậy, một công trình đòi hỏi hàng trăm ngày cặm cùi.

Tôi ôm đàn gảy thử một nét nhạc. Tiếng đàn trong ấm mà náo nức lạ lùng. Thì ra đây không phải là cái đàn tiêu xảo đẹp mắt. Anh bạn tôi đã được thụ huấn những bí quyết làm đàn lại dùng cái học sở trường về kỹ sư âm thanh để hoàn thành một cây đàn, dĩ nhiên không thể đem so sánh với những cây danh cầm Ramirez, nhưng cũng có thể được liệt vào hạng đàn nhà nghề. Anh tâm sự:

— Cây đàn này là phần hương hỏa Janine để lại. Những tưởng cùng nhau xây tổ ấm lâu dài, ngờ đâu chỉ là mộng.

Tôi nhìn kỹ tự nhiên thấy anh già nhiều, mặc dầu vẫn còn cái phong thái cách đây 33 năm khi người xứng ngôn giới thiệu anh với kiều bào ở rạp Cluny Paris là con chim lạ mới từ Việt Nam bay sang. Tôi hỏi:

— Bây giờ cậu còn hát không?

— Hát mạnh chứ, anh gạt gù, còn già dặn hơn xưa nữa là khác.

Tôi an tâm, thầm nghĩ anh chàng này còn thích hát, còn tự tin thế thì đời chưa đến nỗi nhẵn nhúm như bộ mặt.

Lúc anh ôm đàn hát bản *Người Hậu Phương* của Phạm

Duy thì tôi thấy lại giọng hát của con chim lạ ở rạp Cluny năm nọ, vẫn mộc mạc, đầm ấm, mỗi lời vẫn gói tròn trong cảm xúc lịm ngọt. Tôi chưa thấy ai diễn tả được tốt cùng những tình tự quê hương trong nhạc Phạm Duy bằng anh. Anh hát tự nhiên, thật thà, chất phác như giọng người đồng quê không hề bị ảnh hưởng ngoại lai. Tôi mê nhạc Phạm Duy, nhưng nhiều khi lại bị lạc lõng ngay cả trong những nét nhạc ngũ cung bởi những giọng hát lai căng. Còn với anh nhạc Phạm Duy bao giờ cũng xôn xao âm hưởng Việt, nghe bình dị như tự ngàn xưa vẫn có những nét nhạc ấy và giọng hát này.

Anh ở chơi với tôi từ trưa tới chiều, rồi từ chiều tới khuya, hết hàn huyên anh lại hát, lại ngâm thơ, lại kể chuyện mãi không chán. Phạm Duy và anh cùng người Kinh Bắc. Phạm Duy người Đình Bảng anh người Phù Đổng, lại cùng ôm đàn lê gót trong những chiến khu Bắc Việt, nhưng khi nghe hai người cất giọng ngâm thơ thì rõ ràng mỗi người một phong thái. Phạm Duy, con người mặt Đình Bảng, dáng Chợ Dầu, đầy hào khí đấu tranh, ngâm thơ nghe thấy sông nước thì thâm, mây bay vùn vù rồi chợt có những lời bị ném mạnh ra tựa sét nổ, người nghe hoảng hồn như bị cú thoi sơn. Còn anh giọng ngâm bao giờ cũng êm ả như nắng chiều trên đồng vắng, như lời mẹ ru con, như giòng sông Đuống làng anh ngăn ngơ nhớ thương người. Ba hột chanh giống anh gởi cho nằm chinh ình trên mặt bàn như còn say giấc mộng du. Tôi không nỡ cầm lên xem, ghé mắt xuống nhìn những nét nhăn nhúm trên mặt vỏ khô queo. Hột nằm xa nhất đã bị tiêu hết sinh khí, lép kẹp thiếu não. Kế cạnh là hột đầy thương tích, đầu vỏ bị tróc tẽ cong ra để lộ chút nhân trắng tinh đã bị dập thành bột. Chỉ còn hột chót được nguyên vẹn, vỏ ngoài nhăn nhúm nhưng không xây xát, nhìn kỹ đoán được bên trong còn cô đọng sức sống mãnh liệt của một hạt mầm. Tôi băng

khuâng nhìn ba hột chanh gói ghém nắng gió và mầm sống rút từ lòng đất nơi quê đức Phù Đổng Thiên Vương bỗng đọng lưu lạc nơi đây. Những hột chanh trông bé nhỏ tầm thường mà khi gặp đất sẽ bùng ra một sinh lực thần kỳ, nẩy mầm, đâm lá rồi ra hoa, kết trái, những trái to hơn nắm tay.

Tôi ngâm những hột chanh cho mềm vỏ rồi đem ươm vào loại đất màu trộn cát trong một cái chén trên phủ bông gòn, xong đặt tất cả trong bao ni lông thổi phồng, cột chặt để giữ hơi ẩm. Trời tháng sáu có nắng liên miên, căn gác nhỏ làm phòng đọc sách của tôi ở Garches bị nắng xiên khoai nóng ngộp như trong nhà kính, thật lý tưởng cho việc ươm cây. Hôm sau bảnh mắt tôi đã bồn chồn trèo lên cởi bao ni lông ra xem, vừa nhấc miếng bông gòn lên thì hân hoan như mở cờ trong bụng. Hột chanh lép và hột bị dập vẫn nằm ngay đủ, nhưng hột còn, lại chỉ qua một ngày đêm đã chương mọng, vỏ khô nhẵn nhúm nở căng óng màu nâu nhạt. Mầm sống đã cựa dậy sau giấc ngủ dài. Mầm sống mãnh liệt mang nắng gió, trời xanh từ mảnh vườn nhà ai ở làng Phù Đổng nay bỗng nằm đây trực diện với tôi trong căn gác nhỏ này. Tôi cười thầm khi nhận thấy mình bồi hồi như gặp lại người tình cũ xa cách từ thửa ra đi. Chưa chi tôi đã hình dung ra một cây chanh cành lá xum xuê gai góc rậm rạp và nặng trĩu những quả xanh tươi.

Bất giác tôi nắm bàn tay lại ngẫm nghĩ. Quả phật thủ của tôi ít nhất cũng to bằng trái cam Bố hạ. Anh bạn nói chanh Phù Đổng to hơn nắm tay. Tôi đâm ra phân vân. Ngày còn ở nhà cũng đã có lần tôi đạp xe từ Cầu Đuống dọc bờ đê qua làng Phù Đổng mà chưa bao giờ để ý thấy những quả chanh lớn hơn trái cam Bố hạ. Phân vân một hồi rồi tôi cũng bỏ qua. Ở vùng Paris cây chanh của tôi có ra quả chắc cũng chỉ to bằng hạt mít, không chừng lại chỉ ra toàn lá. Anh bạn chẳng nói cây ra lá thì lấy thái chỉ ăn

với thịt gà, có thấy anh nói đọi chanh ra quả làm nước chanh đường uống đâu.

Không khí trong phòng nóng hầm như vào tháng hè ở Việt Nam, tôi bỗng thèm những cốc chanh đường ngồi uống cùng bạn bè ở bờ hồ Hoàn Kiếm hay ở phố Huế những buổi chiều oi ả. Những cốc chanh đường làm bằng chanh cốm xinh xinh thơm phức. Nhà hàng bỏ đá cho nước mát mé miệng cốc. Cả bọn thi nhau quấy tan đường mà không một giọt nước được trào ra ngoài. Bữa nào bàn kế bên có những em cười cười nói nói thì thôi cuộc thi vui như Tết. Những chuyện đó bây giờ xa lắc. Tôi ngồi lặng thinh nhìn hột chanh nằm bất động đẹp như một giọt hổ phách trong chiếc chén sành.

Ngày hôm sau, rồi lại hôm sau nữa, luôn một tháng hột chanh hổ phách của tôi vẫn nằm ì thân xác không nhúc nhích. Tôi nghĩ cái hột giống này nằm trong bao bì lông có lẽ không thích hợp bèn lấy ra khỏi bao đóng chặt cửa sổ rồi đặt máy phun hơi ẩm biến phòng sách của tôi thành một nhà kính để hột giống được thoải mái hơn. Buổi chiều bà vợ tôi lò mò trèo lên quét dọn, vừa nghe mở cửa đã thấy bà chạy xuống rầm rầm:

— Ông làm gì mà đóng cửa kín mít lại phun nước sè sè, ngập quá, ông không sợ sách vở mốc hết à?

Tôi hoảng hồn, trong bụng chịu đòn bà hay thật, nghĩ ngay ra được sách vở bị mốc. Còn tôi chỉ nghĩ được tới làm sao cho hột giống nảy mầm là cùng. Tôi trèo vội lên phòng, đặt lại chén hột giống vào bao ni lông, mở cửa sổ cho thoáng hơi và tắt máy phun nước. Xem lại bộ tem Việt Nam và những sách quý như toàn bộ mộc bản của Bạch Thạch thấy chưa suy suyển mới thở phào nhẹ nhõm. Nhưng nằm ì mãi rồi một sáng ở đầu hột chanh giống cũng thấy hé ra chiếc mầm nhỏ li ti trắng nõn. Tôi khoe ẩm với vợ rồi tả cảnh

đầy đủ chi tiết cây chanh Phù Đổng, những chiếc lá xanh lục thắt đáy lưng ong vò ngửi thơm hắc, những cành đầy gai cứng lầy nhể ốc, những bông hoa cánh trắng, nhị vàng thơm mát như Eau de Cedrat, những quả to hơn nắm tay. Thực ra thì tôi tả cảnh cây chanh trong góc vườn nhà tôi ở làng Đại Từ, quả chỉ bằng trái quýt. Vốn tính đàn bà thực tế bà làm ngay tôi cụt hứng:

— Cái hột bưởi Thái Lan ông trồng ngoài balcon đã năm năm rồi mà mới nhỉnh được 15 phân tây, lèo tèo vài cái lá lại suýt nghèo trong mùa đông lạnh vừa qua thì cái hột chanh của ông chắc phải đợi tới St Glain Glain (ý nói Tết Congo) mới ra hoa ra quả. Mà làm gì có quả chanh to hơn nắm tay được?

— Sao lại không, tôi cãi lại với giọng chắc như đinh đóng cột. Bà về Saigon đã thấy và ăn bưởi Biên Hòa rồi chứ. Quả bưởi to gấp hai, gấp ba quả bưởi Tây Pomeles thì quả chanh Phù Đổng lớn gấp hai, gấp ba trái chanh Menton có gì lạ. Không lạ mà còn hợp lý nữa là khác.

Cũng như tôi, bà chưa bao giờ được thấy trái chanh Phù Đổng nên chịu ngay. Còn tôi tuy ngoài miệng nói cứng nhưng trong bụng lại bán tín, bán nghi, lên gác gọi dây nói cho anh bạn. Tiếng anh ở đầu dây:

— Úi dời, anh không tin à? Tôi nói to bằng nắm tay nhưng thực sự có quả còn to bằng quả bưởi Tây.

Thế là tôi hết bán tín, bán nghi mà nghi một trăm phần trăm rồi. Tôi nghi anh bạn tôi ra đi với hình ảnh quả chanh cốm, nhưng quả chanh cốm cứ theo ngày tháng lớn dần trong ký ức anh. Với cái đà này thì vài năm nữa quả chanh Phù Đổng của anh phải to bằng trái bưởi Biên Hòa.

Nhưng tôi giữ kín không cho vợ biết. Tôi còn xây dựng tương lai với bà nữa: Khi nào chanh ra nhiều là ta sẽ mua

một con gà mái tơ, rửa sạch, xát muối tiêu, nhồi rau thơm rồi hấp chín, xoa tí dầu vừng, để thật nguội cho nước ngọt thấm hết vào thớ thịt mới chặt ra ăn với lá chanh Phù Đồng thái chỉ thì tuyệt.

Tôi thận trọng không dă động gì tới chuyện nước chanh quả. (Viết tới đây tôi sực nghĩ có lẽ anh bạn tôi xa nhà lâu đã lẫn trái chanh với trái cháp, quả lớn có nhiều nước chua người ta thường dùng để gọi đầu).

Mầm chanh lớn nhanh, chẳng bao lâu đã lò dò bám vào đất. Tôi biết từ nay hột chanh giống của tôi sẽ nhờ đất người mà sinh tồn nảy nở. Tôi cũng biết lớn lên nó có thể không giống hột cây mẹ như những cây chanh chiết cành, nhưng dầu sao nó cũng không thành một cây chanh Tây mà sẽ đơm hoa, kết nụ theo mầm giống mình là chanh Phù Đồng.

Hột chanh ra mầm thì tôi đụng phải một vấn đề nan giải. Nghỉ hè hàng năm đã kề cận, phòng thuê trên núi cao gần 2,000 thước, mầm chanh của tôi làm sao sống nổi ở nơi vắng bóng cây cối, chỉ toàn một loại cỏ cần. Để lại thì biết ai mà gởi gắm, biết ai thương một hột chanh như mình mà nhờ chăm sóc. Con cái đi xa, còn anh bạn đã cho hột giống cũng sửa soạn đi hè nốt. Bà vợ tôi bàn gởi mầm chanh cho vườn trồng cây chuyên môn nhưng tôi e ngại hột chanh này đối với họ thật vô giá trị, họ sẽ bỏ cho chết héo. Rút cuộc tôi phải làm một cái lồng kính nhỏ sang mầm chanh vào chậu đất nung rồi khênh theo tất cả lên núi.

Căn phòng thuê ở Alpe d'Huez độ cao 1820 thước. Mặt nhà trông ra thung lũng sâu hút, sau là dãy núi trùng điệp đầy đó tuyết đóng quanh năm. Cây cối ở đây, ngoài loại đỗ quỳen núi, loại việt quất thấp lè tè hay loại cây liễu điệp hoa tím hồng từng chùm dựng thẳng tắp còn toàn cỏ cần. Tối bữa trước bữa sau thấy mây lưng trời bỗng dưng sà

xuống, sương lam từ thung lũng dâng lên mù mịt, gió kéo về lạnh như cắt. Tôi vội vàng mở lò sưởi cho cây ấm. Qua đêm trời lại trở nắng rồi nắng liên miên hết ngày này qua ngày khác, từ sớm tới gần chín giờ tối còn thấy mặt trời. Trong lồng kính hấp nóng, mầm chảnh lớn dần, ra vẻ dễ chịu.

Một sớm đi thăm nhà thờ Notre Dame des Neiges gần nơi trọ thấy ngay chính diện một cây phong cầm cao ngất ngưỡng hình bàn tay Fatma mà Harlem Desir đã phỏng theo làm phù hiệu SOS Racisme đề cao tình anh em bốn bể một nhà với khẩu hiệu “Touche pas à mon pote” (Chớ đụng vào bồ tôi). Tôi về nhà nhái cái khẩu hiệu của Harlem Desir viết lên lồng kính “Touche pas à mon pot, à mon pote” (Chớ đụng vào chậu cây của tôi, vào bồ tôi.” Hai vợ chồng phòng kế cạnh sang chơi tỏ vẻ thắc mắc tò mò:

— Chậu cây gì của ông mà quý thế?

Bản tính thích cười cợt, tự nhiên tôi ồm ờ:

— Đây chỉ là một hột chanh mầm tầm thường nhưng nếu nhìn nó bằng nội tâm thì sẽ lĩnh hội được sự chung thủy của một kiếp sống phù du.

Bà vợ nghĩ thoáng một giây rồi hỏi đột ngột:

— Phải chăng là một hình thức thiền?

Tôi vội lắc đầu, không dám cười về cái thiền hột chanh đến quá bất ngờ từ một người ngoại quốc võ vế triết học Á Đông, còn loay hoay thì ông chồng tỏ ra thành thạo:

— Ông ương cây chắc để làm bonsai?

Tôi lắc đầu:

— Không, tôi trồng cây, bón xối cho cây thật lớn và hy vọng cây ra nhiều hoa, nhiều quả.

— Tưởng gì, người vợ nhanh nhẩu nói, ở đất này thiếu gì chanh, ông muốn bao nhiêu mà chẳng có, việc gì phải nhiều khê, vất vả thế. Tôi lại ốm ờ: Nhưng chỉ có hột chanh này tôi mới có thể nhìn bằng nội tâm.

Câu chuyện ông nói gà bà nói vịt chấm dứt ở đây chuyển sang vấn đề khác, ông bà hàng xóm hẳn nghĩ tôi là thằng gàn.

Trời vẫn nắng liên miên. Mầm chanh nhẩn nha đâm rễ sâu vào đất, đầu mầm hé ra một búp lá nhỏ tí đứng thẳng tắp. Tôi dắc ý về quyết định mang theo hột chanh giống lên núi. Nhưng hai ngày trước khi chúng tôi hạ sơn, đương đêm trời dở chứng, gió đầu kéo về âm âm, sáng dậy ngớt gió thì tuyết rơi xuống trắng xóa, sương lam dưới thung lũng dâng lên từng đám dày đặc. Chậu cây lại phải chui vào lồng kính. Hơi gió lọt qua khe cửa lạnh buốt da thịt. Tôi vận lò sưởi mà vẫn ngay ngáy lo cho mầm chanh. Đến ngày xuống núi may trời bớt lạnh, nhưng đường nhựa dưới đồng bằng lại nóng như đốt, gió trong xe chẳng khác gì tạt hơi lửa vào mặt, việc chăm lo cho mầm chanh khỏi chết héo thật vất vả.

Về nhà trời sắp sửa sang thu, luôn luôn có nắng ấm tôi thường mở toang cửa sổ phòng sách cho chanh có nắng gió lùa vào. Rồi cuộc mưu sinh bận rộn tôi ít có thì giờ chăm nom mầm chanh như trong những ngày hè nhàn rỗi.

Nhưng đêm nay tôi nhớ tới chanh. Lên gác vừa mở cửa ánh trăng như dòng thác căm ngả ào vào phòng sách rồi đứng sững bất động. Tôi trầm mình vào dòng thác trắng mát, ngẩng nhìn trên trời cao gương trăng vàng vạc vẫn y như thửa nào tôi nhìn trăng bằng cặp mắt thơ ngây, thửa nào nhìn trăng lòng rạo rực mối tình đầu. Đêm khuya nghe rõ sự vắng lặng. Ngoài tôi chỉ có bóng chanh in đậm nét trên chậu cây chan hòa ánh sáng. Hai chiếc lá nhỏ xịu, nở

ra lúc nào lảng lướt như đôi mắt ngơ ngác nhìn trăng. Tôi lảng tai thấy hơi thở của chanh, yếu ớt và êm ấm như hơi thở của trẻ thơ sao lạc loài nơi đây, đất khách quê người. Bất giác tôi thương cảm vợ, không biết cho mình hay cho chanh. Có lẽ cho chanh và cả cho mình, giờ đây đối diện dưới ánh trăng thu, một đàng dầy dạn giang hồ, một bên ngây thơ trứng nước mà cùng một góc trời lặn đạn.

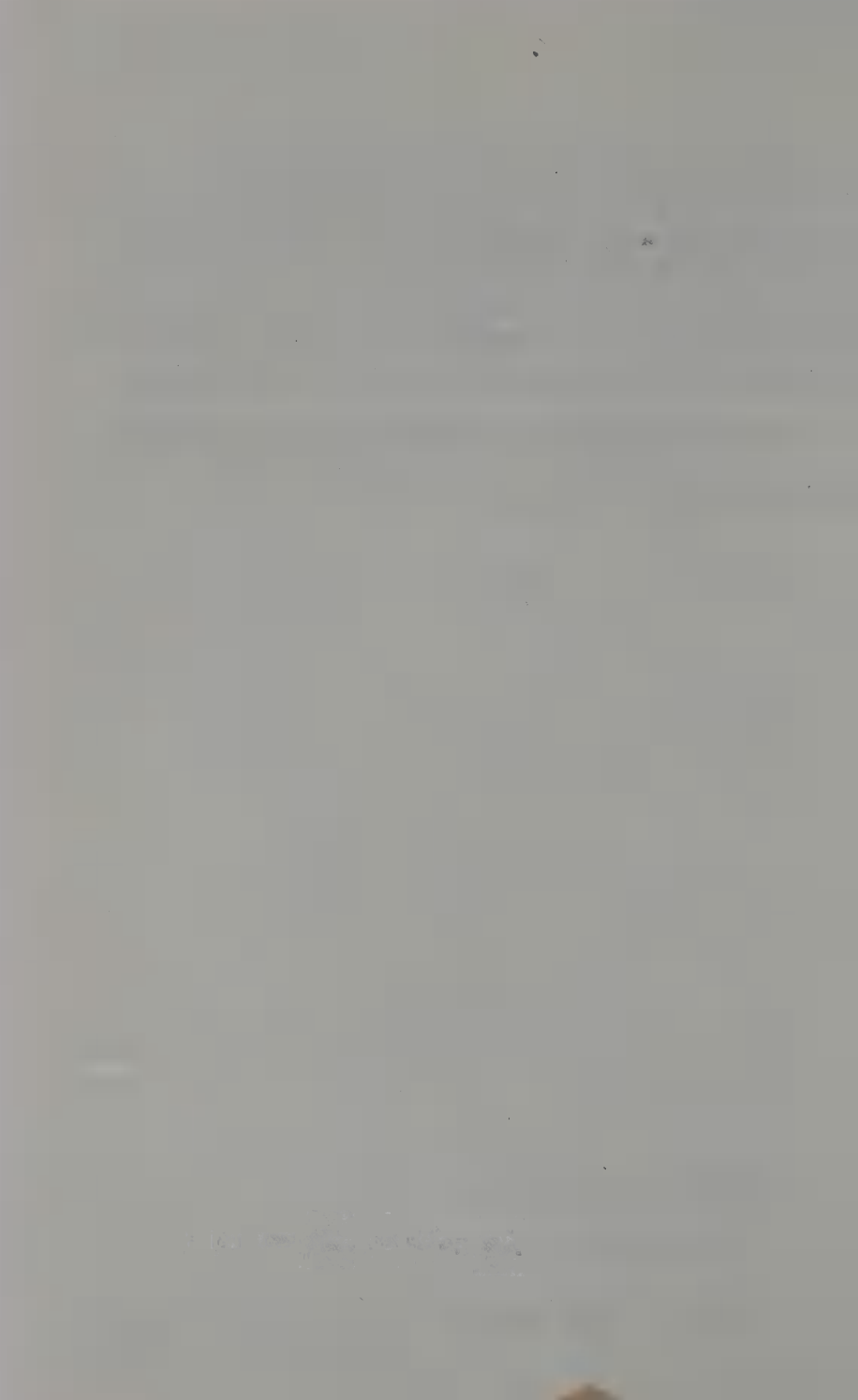
Tôi thầm hẹn sẽ chăm bón cho chanh lớn mạnh rồi một ngày kia sẽ cho chanh biết quê quán chanh không phải nơi đây mà ở làng Phù Đồng, bên bờ sông Đuống. Tôi sẽ kể chuyện đức Thánh Gióng “ăn bẩy nong cơm, ba nong cà. Uống một hơi nước cạn đà khúc sông” (1) uy nghi thần dũng, đánh một trận bốn cướp nước tan hoang, kinh hồn bạt vía, xong Ngài lại trở về đồng ruộng, công danh phú quý không màng. Tôi sẽ kể nơi quê chanh, những chiều mặt trời đỏ trên mái rạ có tiếng trẻ đùa đầu xóm, những đêm trăng sáng tỏ mặt người có cặp tình nhân ngồi dưới chân đề nhìn nước chảy miên man, bóng trăng thề lặng lẽ ngược dòng, những sớm mưa Ngâu rầm rì trong khóm chuối, những trưa hạ hàng tre lao xao khua nắng rơi rụng vàng bờ, à ơi tiếng bà ru cháu. Tôi sẽ kể những mùa hoa cau, hoa bưởi, hoa chanh đua nhau gọi hương cho gió tới những cánh bướm đông đưa cứ mê mãi màu tím, màu vàng của hoa soan, hoa cải hay những cánh hoa gạo đỏ rực đường làng. Những buổi chập choạng, vừa nhọ mặt người, tiếng chim về tổ riu rít chưa im, hoa nhài ở một góc vườn khuất bóng đã vội lả lơi xông hương ngào ngạt, chờ cửa trời mở hội trăng sao. Những ngày mồng tám tháng tư, hội làng có trận đánh giặc Ân lòng người nô nức. Những đêm tĩnh mịch tiếng xay lúa rào rào, có tiếng trẻ tỉnh giấc gọi mẹ u ơ, những ngày giặc kéo về làng đốt phá tan hoang, con sông Đuống đưa người biên biệt về đâu, nay vẫn chảy qua những xóm làng điêu tàn, đói rách.

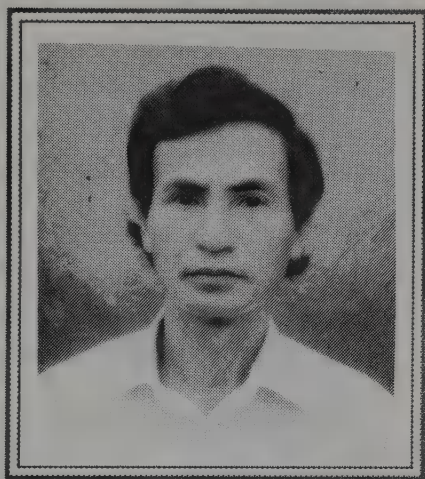
Tôi nhủ thầm sẽ vun sỏi hết lòng cho chanh lớn mạnh, đơm hoa kết trái để có những hột chanh làm giống gởi cho bà con, bè bạn xa gần, cho những ai còn luyện nhớ những quả chanh gói ghém nắng gió và trời xanh đất Việt. Những cây chanh Phù Đồng sẽ mọc nhan nhản khắp nơi, tôi mơ màng thấy vườn chanh Phù Đồng bên bờ sông Đuống trải dài bao la vòng quanh trái đất, giờ phút nào cũng có những cây rung rinh ánh nắng và những cây mơ mộng nhìn trăng.

Giờ đây nhìn xuống tôi chỉ thấy hai chiếc lá nhỏ xanh láng như cặp mắt ngây thơ, tin cậy. Tôi trầm lặng chẳng nỡ dời chân đi.

ĐOÀN ĐỨC NHÂN

(1) Về ở làng Phù Đồng.





HỒ CÔNG TÂM

Sinh năm 1938 tại Hà Nội, di cư vào Sài Gòn đầu năm 1955. Hiện định cư tại Hoa Kỳ.

Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Sài Gòn.

Nhập ngũ khóa 20 sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Biệt phái dạy học từ 1969.

Sau 1975 bị Cộng sản bắt đưa đi tù "cải tạo" thời gian 5 năm 8 tháng 20 ngày qua các trại Cần Đốt, Trại Chấp Pháp Ty Công An Long An, Trại Cải Tạo Bồn Bồn (Mộc Hóa).

Hiện cộng tác với các báo: Lửa Việt, Sóng (Canada), Xây Dựng (Texas), Ngày Nay (Kansas) v.v..

Thi phẩm đã xuất bản:

SỐNG TRONG NỖI CHẾT (1987)

XUÂN THA HƯƠNG

Xuân đến vườn ai khoe sắc thắm
Chim xanh rộn rã hót từng đôi
Trai ong gái bướm ngây tình mới
Lối cỏ nhung thơm rộn gót hài

Vì đâu lưu lạc phương này nhĩ
Mười mấy năm mà lệ chữa vơi
Vội vã người đi quên ước hẹn
Ngày về khói lạnh nắng tàn phai

Quê cũ thềm xuân phơi áo rách
Trâu gầy kéo ách chẳng còn ngơi
Nhà ai lũ trẻ thơ kêu đói
Những bước chân quơ thật rã rời

Ngày ấy chen chân vào cải tạo
Rừng xanh vui lấp những đời trai
Đến nay tóc ngả màu sương khói
Sông núi chưa nguôi hận ngút trời

Người xưa phục quốc ra sao nhĩ
Mãi mãi chiêu binh dựng võ đài
Cùng cốc thâm sơn ngàn khổ hạnh
Hay bốn hải ngoại nhậu lai rai

Đời nay cơm áo sao mà nặng
Xe với nhà lo muốn huyệt hơi
Bằng hữu nhắc chi niềm cố quốc
Hỡi ơi tình nghĩa bạc như vôi

Ra đi nào phải vì cơm áo
Mà chiếc hình hài cũng tả tơi
Những cái không đâu mà khổ lụy
Hỡi ơi lẩn quẩn chuyện khôi hài

Mười mấy năm trời đau đớn quá
Đứa còn cải tạo, đứa quê người
Bao giờ gặp lại khung trời cũ
Chợt tỉnh chợt mê lại khóc cười

Ngày mai ta chết chôn đâu nhỉ
Nấm mộ bên trời chắc lẻ loi
Trăng giải nghìn đêm sương lạnh lẽo
Gió mưa gào buốt những đêm dài

Xuân này viễn xứ sao mà tẻ
Đợi mãi chưa nghe vọng núi đồi
Xuân tới quê ta rền vó ngựa
Rượu mừng chiến thắng sẽ mềm môi

El Toro, 1988

HỒ CÔNG TÂM

HUYẾT HẬN

Não nề cung kiếm treo trên vách
Tiếc thuở ngang tàng chiến địa xưa
Hào kiệt lưu vong ngồi bó gối
Rượu sầu buông chén ngó băng quơ

Chiến mã gục đầu tuôn huyết lệ
Dặm dài hiu hắt nguyệt sườn non
Gươm cùn dếp cỏ e sương gió
Tóc bạc lơ thơ đợi chết mòn

Huyết hận còn lưu trang chiến sử
Tháng năm nào xóa nhục muôn đời
Một đi thăm thẳm ngàn lưu luyến
Đau xót gọi thầm cố quốc ơi

Cờ nghĩa tung bay nóc cổ thành
Bao giờ thấy lại mảnh trời xanh
Quê hương réo gọi binh minh dậy
Sóng lại “gầm lên khúc độc hành”

El Toro, 1988

HỒ CÔNG TÂM

TRÁI TIM VONG QUỐC

Rời mái tóc cũng ngả màu sương khói
Hận lưu vong đè trĩu nặng đôi vai
Mắt đăm đăm trời cổ quốc u hoài
Nghe tan tác những vàng son chói lọi

Những thương tích năm xưa còn lở lói
Những ghen ngào đau nhói nỗi chia ly
Những nỉ non thề thốt lúc ra đi
Những hăm hở hẹn nhau ngày trở lại

Nơi viễn xứ ôm mối sầu tê tái
Những ngày xanh theo năm tháng úa vàng
Mây trắng về sông núi phủ màu tang
Ai chết đó mà linh hồn quần quại

Gửi búi tóc và trái tim bất hoại
Qua ngàn trùng sóng nước đến quê hương
Tóc thả trôi cho gió cuốn bên đường
Bay vút vờn như linh hồn Do Thái

Tim một thuở sầu chưa nguôi quần quại
Máu còn tươi như trái chín trên cành
Hãy tắng treo trên ngọn cổ thụ xanh
Cho chim chóc muôn phương về rửa rói

Trái tim ấy ba năm còn đỏ lói
Máu còn tươi như tiết đọng mặt trời
Trái khổ đau, hãy nuốt vội chim ơi
Tim ta đó, ôi trái sầu với với!

Fountain Valley, 1989

HỒ CÔNG TÂM

LỜI NGƯỜI DƯỚI MỘ

Hoa đã héo thủa em thay màu áo
Nắng đã tàn từ dạo ấy em đi
Anh nằm đây xa lắm bước vu qui
Chiều hiu hắt nụ hôn mềm ngày cũ

Mây lơ đãng nhớ biển xưa vằn vối
Trời mùa thu quạnh lắm vết chân quen
Giọt mưa rơi tí tách những đêm đen
Rồi anh nhớ buổi mai hồng em khóc

Ôi những buổi anh theo về xóm học
Đường Thị Nghè hạnh phúc quá xa xăm
Em có về sau những tháng những năm
Anh vẫn đợi lá me rơi thêm cũ

Ôi thủa ấy đoá hồng vừa chớm nụ
Giông bão về xé nát những lòng non
Anh nằm đây xa lắm những đường mòn
Xa những vết chân son vàng lá phủ

Em có về chiều ghé thăm mộ cũ
Cúng dừng buồn đừng khóc nhé nghe em
Giặc đã đào bới nát mộ thân quen
Hận thù ấy lẽ nào em quên được

Fountain Valley, 1989

HỒ CÔNG TÂM

XA RỒI KỶ NIỆM

Xa lắm rồi em ngày tháng cũ
Con đường hò hẹn lúc quen nhau
Gió lay tà áo màu lưu luyến
Hương tóc người yêu chưa biết sâu

Xưa bên gối mộng đầy hoa bướm
Văng vẳng còn nghe cả tiếng cười
Kỷ niệm xôn xao vào lớp học
Nhảy lên trang vở mới đôi mươi

Xa lắm rồi em thu quyển rũ
Thánh đường chuông đổ nhạc lưng hương
Chia tay buổi ấy về đâu nhỉ
Em có về chẳng nẻo nhớ thương

Anh vẫn từng đêm nuôi kỷ niệm
Tìm nhau trong mộng buổi chia tay
Con trăng mùa cũ chừng thương nhớ
Đôi mắt người xưa suốt tóc bay

Ôi cánh bèo mơ về bến cũ
Muôn lần tan tác lúc ra khơi
Tha hương ai đó mà chưa xót
Xa lắm còn nghe tiếng rụng rời

Ontario, 1990

HỒ CÔNG TÂM

TRẢ LẠI

Rồi một buổi ta về lòng đất lạ
Tuyết rơi đầy phủ kín kiếp lưu vong
Thôi già từ vàng trắng úa rêu phong
Hồn lạc lõng ở phương trời vô định

Rồi một buổi ta về nơi thanh tịnh
Trả nổi sầu chất ngất lại nhân gian
Trả mùa đông tháng giá lại cơ hàn
Với mặc cảm ra đi đầy tội lỗi

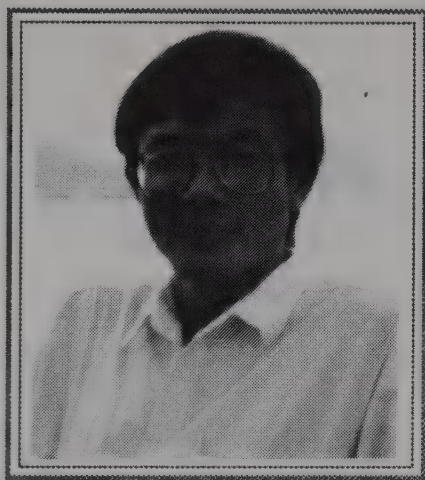
Rồi một buổi ta về trong bóng tối
Trả lại người ánh sáng với chiến công
Trả lại người nguyên vẹn một dòng sông
Với đau xót một cây cầu gãy đổ

Rồi một buổi ta về nơi cổ mộ
Xa thế nhân ở tận cuối trời quên
Trả lại người cả cuộc sống bon chen
Với chua chát của kiếp người ty nạn

Rồi một buổi ta già từ súng đạn
Trả quê hương tang tóc lại cho người
Với chiến công thui chột những mầm tươi
Người ở lại với hận thù chồng chất

El Toro, 1987

HỒ CÔNG TÂM



LÊ ĐẠI LÃNG

Tên thật là HỒ ĐẮC TÚC, sinh ngày 22-09-1959 tại Huế. Hiện định cư tại Melbourne, Úc Châu.

Tốt nghiệp Cử Nhân Xã Hội. Đi làm tại Melbourne và các trại cấm ở Hong Kong.

Các báo đang cộng tác: Quê Mẹ (Paris), Nhân Văn, Làng Văn, Sóng (Canada), Hoa Niên (Úc), Ngày Nay (Kansas), Tivi Tuần San (Úc), Tập Hợp Sydney (Úc).

Tác phẩm đã xuất bản:

NƯỚC MẮT TRONG TIM (Bút ký Hong Kong, 1990)

TÌNH CA BIỂN

LÊ ĐẠI LÃNG

Người con gái ngồi yên trước mặt Thành rõ ràng đang bối rối khi Kathy bắt nàng kể cảnh bị hải tặc Thái Lan tấn công. Nàng nhìn Thành cầu khẩn, nước mắt chực tràn xuống. Thành quay qua Kathy, bỗng thấy chán ghét ghê gớm người đàn diện phái đoàn Úc lúc nào cũng chực nghe những câu chuyện thương tâm mà đối với cô ả, chắc là phải trở thành ly kỳ lắm. Chàng nói chậm chậm:

— Cô nên hiểu thật khó trình bày một câu chuyện như vậy. Nó có thể...

Kathy ngắt lời Thành:

— Tôi muốn kiểm chứng có thật là cô ta bị tai nạn đó không. Tôi đã nghe quá nhiều câu chuyện bịa đặt nên thực là khó cho tôi để tin thêm một câu chuyện bịa đặt tương tự khác.

— Không ai lại bịa đặt một câu chuyện làm tổn thương đến mình như thế, nhất là một người con gái.

Kathy cười khó hiểu:

— Sao lại không! Nhất là khi “tình thương” của tụi tôi đã “mỏi mệt” thì người tỵ nạn phải tìm mọi cách để được nhận chớ.

...Fatigue compassion! Thành ngơ ngác lập lại khi nghe cái chữ lạ lòng này phát ra từ miệng Kathy. Còn sự bất hạnh của người tỵ nạn chúng tôi thì không có vẻ gì là thấm

một cả. Chàng nói tiếp.

Kathy có vẻ nổi nóng vì Thành đã đi ngoài câu chuyện.

— Anh đang làm phí thì giờ của tôi. Hãy trở lại công việc của một thông dịch viên đi.

Thành cũng nổi nóng đang tính quạt lại thì cô gái chột cắt ngang:

— Được, được. Tôi sẽ kể cho cô nghe về câu chuyện của tôi.

Người con gái đi vào cuộc hải trình bằng cuộc rượt bắt giữa tàu quốc doanh Việt Cộng và chiếc ghe vượt biên. Và rồi trẻ con bắt đầu lên cơn sốt khi bước qua ngày thứ năm thiếu nước. Người tài công, do một cơn mơ kỳ lạ được dẫn dắt từ cõi vô hình, đã quyết định là phải tể sống một đứa con nít để chiếc ghe được đến chốn bình yên. Anh ta đã tìm một đứa trẻ đi một mình, không có thân nhân, liệng thẳng bé xuống biển trước những đôi mắt kinh hoàng của tất cả những người đi trên ghe trong đêm tối mờ mịt. Hình như là có tiếng gào rú ghê rợn vọng lên từ vùng thăm thẳm phía dưới, bao quanh chiếc ghe khốn nạn. Qua ngày hôm sau thì gặp hải tặc. Không, đúng hơn là chiếc ghe tự ý chạy đến hướng chiếc tàu sắt Thái Lan, để xin nước, để được cứu, hay để được dẫn đi đâu cũng được, miễn là không phải là người trên chiếc ghe chất cứng giữa biển khơi vô vọng...

Kathy chăm chú lắng nghe, thỉnh thoảng ngắt lời cô gái hỏi thêm một chi tiết. Song song với bàn phỏng vấn là một đồng nghiệp của Kathy, một chàng trai tóc quăn vàng đang lục vấn một thanh niên tóc rẽ tre đâm ra tua tủa. Phía đối diện, cách một tấm phong cao đến ngực người đứng, là phái đoàn Gia Nã Đại. Cũng như Úc, phái đoàn Gia Nã Đại cũng chỉ có hai nhân viên, nhưng có tiếng là hay “hốt rác”, nhận “diện chùa” bất cứ người nào nói được một câu tiếng

Anh. Mấp mé phía ngoài cửa hội trường lúc nhúc người qua lại, những đôi mắt đầy hy vọng nhìn vào các dãy bàn phỏng vấn. Những vầng trán cau lại trên những đôi mắt lo âu của người ngồi chờ được kêu tên. Thỉnh thoảng tiếng loa phóng thanh xướng tên vỡ to đột ngột khiến Kathy nhăn mặt khó chịu, lẩm bầm một câu gì đó mà Thành thực tình không hiểu nổi.

— Đàn ông bị dồn lại, bị quăng xuống biển nếu chống đối. Hai chị em tôi bị bắt lên tàu... Người con gái nấc nghẹn, nhìn Kathy, nhìn Thành, hay nhìn vào một khoảng không đỏ như những tia gân máu đỏ hằn trong mắt. Tiếng khóc, tiếng rên siết, để xây nên tiếng cười của bọn hải tặc. Thú tính là tiếng cười nằm lên trên sự đau khổ. Có những đôi mắt tò mò nhìn qua khi người con gái gục đầu xuống bàn, hai vai run lên, và bất động.

— Người em ở đâu?

Người con gái vẫn bất động. Một con ruồi bay quanh quần rồi đậu xuống chõng hồ sơ đang mở ra trước mặt Kathy. Người con gái chột ngẩng lên, đứng dậy, đôi mắt ráo hoảnh. Nó chết rồi, bà biết không, nó chết rồi, chết rồi. Nàng lẩm bầm nói, chậm chậm bỏ đi, không cần biết là cuộc phỏng vấn đã chấm dứt hay chưa. Kathy quay sang Thành, nhún vai:

— Cũng như những câu chuyện khác, có gì lạ đâu.

— Nên tình thương mới mỗi một chớ. Thành trả lời, nhìn bàn tay Kathy đang lựa lựa mấy con dấu. Những móng tay sơn màu tím của Kathy dừng lại, cầm một con dấu đè lên tấm thẻ xanh của người con gái chữ "Pending" tươi màu mực đỏ.

Chỉ cần sống một mùa trên đảo Bidong, dĩ nhiên là mùa đó phải có ít nhất là một phái đoàn vào phỏng vấn, thì

những đặc ngữ ít thông dụng nhất cũng trở thành dễ hiểu. Tựu trung thì chữ “xù” (rejected) là phổ biến nhất. Phái đoàn “xù”; dứa rơi trúng đầu thì gọi là dứa “xù”. Phái đoàn xù không chết nhưng dứa xù là chết chắc. Còn lại là chờ. “Chờ chết mẹ”, như lời của Hòa trọ ở chung nhà với Thành. Ngày Thành mới được đưa lên đảo, Hòa đang làm ở Ban Hồ Sơ Người Mới Đến, với nhiệm vụ nấu mì gói cho đồng bào mới nhập trại “ăn đỡ lòng sau những ngày lênh đênh trên biển.” Nó chuyên môn, sau khi mang những chén nhựa đựng mì đến phát từng người, “canh me” hễ ai nói được chút tiếng Anh là “bắt” về ở chung nhà để học thêm. Đã không biết bao nhiêu ông thầy ăng-lê đã đến và đã đi qua căn nhà Hòa, một căn nhà gió lộng tứ bề nằm chênh vênh trên Đồi Tôn giáo, để nó một mình đứng tiền. Tàu Blue-Dark ra khơi chở theo biết mấy ước mơ của người ở lại đảo. Trên đường dắt Thành về nhà, Hòa đã cười chum chim để lộ hàm răng sún trống trải, nói một câu nó đã lặp lại không biết bao nhiêu lần rồi:

— Anh về ở nhà em ngon lắm à nhe. Đến chừng định cư không chừng anh lại đi trước.

Cái viễn ảnh được nhận đi định cư đối với Hòa vẫn là một điều khó thành sự thực. Hết phái đoàn Gia Nã Đại đến phái đoàn Úc “xù” với không một lý do nào cả. Mà nó cũng chẳng thắc mắc gì nhiều bởi trên đảo thiếu gì người có khi chưa hề gặp mặt phái đoàn mà vẫn bị xù như thường. Em học tiếng Anh, đỡ buồn chứ không ham gì chuyện định cư nữa. Hòa tâm sự. Nhưng mớ tiếng Anh chưa giúp ích được gì thì Hòa đã khổ vì nó. Một hôm không biết vì cơ sự gì Hòa đã chửi một thằng lính Mã Lai một câu chắc là tục tĩu lắm khiến tên lính áp dụng ngay hình phạt vẫn thường dùng với đám dân tỵ nạn trên đảo: cạo trọc đầu rồi bắt đứng một chân giữa cầu Jetty phơi nắng. Khi Thành hỏi nó đã chửi câu gì thì Hòa cười hì hì:

— Em quên mất rồi. Mà mấy thằng này chó đẻ lắm anh ơi.

— Tụi nó làm cái gì?

— Tụi nó hay mần ẩu con gái đi một mình hoài à. Nhiều khi nó chọc con gái mình, thấy rất là nhục. Cái đó kêu là gì?

— Cái đó là cái gì?

— Cái... nhục đó!

— Tự ái dân tộc.

— Đúng rồi. Mình thấy tức. Em mà có súng, giết mẹ cha con tụi nó hết.

Đôi mắt Hòa tóe lên tia dữ dội. Cái đầu trọc chôm chôm cộng với hàm răng sún khiến bộ mặt nó coi rất du đấng. Một thằng du đấng thương dân mình.

— Từ từ rồi tính vụ đó, bây giờ rán học tiếng Anh đã mày.

— Dạ. Hòa dạ ngọt ngào. Tự nhiên em thấy khoái anh à, coi anh cũng tay chơi chớ giống sao.

Thành cười ha hả, chàng cảm thấy hết sức thoải mái:

— Tao là tay chơi thứ thiệt chứ giống gì mày.

— Bị dzậy em mới mời anh về.

— Chứ không phải để học tiếng Anh à!

— Không. Anh mới gặp mà không ngán hàm răng sún của em là em chịu rồi.

Thành thấy Hòa nói chuyện thật ngộ.

— Sún thì có gì là ngán. Nhất-lé nhì-lùn tam-hô tứ-sún, mày đứng hạng chót bệt.

— Em bị hải tặc đục đó. Hòa nói, nhìn Thành thở dốc vì lần đầu tiên leo lên đồi Tôn giáo. Anh ngồi nghỉ một tí cho khỏe rồi trưa ăn cơm Cao ủy. Bây giờ làm một “cử” cho tỉnh người đã.

Hòa gỡ ống thuốc Lào treo ở cột nhà xuống, lôi từ túi quần soọc ra bịch thuốc Lào nhỏ xíu, vê vê một “bi” tròn lẩn. Nó châm lửa đưa ống thuốc cho Thành. Làm một hơi đi anh Hai, thuốc “xịn” đó nghe. Câu nói của Hòa trọc làm Thành nhớ lại những ngày thiếu thuốc: thuốc hút và thuốc uống. Năm tháng đã quẳng lại sau lưng. Bây giờ đang ở “cửa khẩu của tự do”, bắt đầu đời sống bằng một chén mì gói và bi thuốc Lào. Thành kéo sâu một hơi thuốc. Cho khói tràn đầy hai cuống phổi, trắng cả con tim, sâu tận ruột non ruột già mà thở ra một khối mù dỉ văng. Có thật là dỉ văng không? Ai lại nỡ quẳng lại năm tháng đằng sau lưng, sao đành nhỉ?

Thành như bắt gặp lại mình, một con người đích thực tái sinh từ bóng tối cô tịch quê hương. Rõ ràng là tự do, ít nhất, tung tăng trên viên cát dài nho nhỏ nhìn ra biển khơi rộng bạt ngàn. Chàng thường dừng chân thật lâu, hoặc lặng người trên những tảng đá đen lăm lũi xếp lên nhau từ triền đồi ra mép biển, để ngùi ngùi thương cảm ngược nhìn bức tượng “Thuyền Nhân” trắng xóa như những ngọn sóng bạc đầu chênh vênh đứng giữa đồi và biển. Bức tượng đó, những thuyền nhân đã kể về “Thuyền Nhân”, ghi lại hình ảnh bi hùng của một ông già đang kéo một cô gái từ dưới nước lên sau khi họ là hai kẻ sống sót duy nhất trên chiếc tàu vượt biển bị đánh bật lên bờ trại đảo. Người già ướn sững, tóc cô gái ướn sững, nhể nhại vất lên thân. Bờ vai xương xẩu của người già nhô lên, gầy guộc hai tay nắm lấy vai nhỏ của người con gái để lôi lên từ biển gầm hung hãn. Hẳn là sóng phải táp táp và ống quần của người con gái. Hẳn là gió phải thổi bời quất trả nên tóc hai người mới rồi

bồi thế kia. Và hẳn là người già phải lấy sức mạnh từ nỗi cô đơn đìu hiu trống vắng không một ai xoay tay tiếp cứu giữa trùng trùng vạn nỗi thê lương. Nền chi tượng, từ bàn tay xúc động của một nghệ sĩ thuyền nhân nào đó đã đi qua trại đảo, mới hẳn lên một nỗi cô đơn nhưng kiêu hãnh đứng giữa đời xa lạ thế kia. Thành nhiều lần thấy cái đầu trọc của Hòa bất động cạnh những phiến đá dưới chân tượng. Điều này không phải là không lạ bởi vì bức tượng đứng giữa triền đồi Tôn giáo chênh vênh và những đợt sóng ì ầm tung tóe vỗ dưới chân; muốn đến gần phải trèo từ mép đồi cao vót xuống hoặc phải từ bờ biển vòng lại khó khăn. Vậy mà Hòa vẫn ra đây nhiều lần, tí cái đầu trọc lộ da vì nắng, cạnh phiến đá đen lăm lũi, im lìm như đầu đã hóa thành đá. Những lần như thế Thành cũng ngồi bất động, nghe đều đều tiếng sóng vỗ cho đến khi cái đầu trọc hơi cựa quậy rồi đứng lên đi vòng qua bờ cát. Thành lặng lẽ đi theo một lúc.

— Thí dụ như mình không muốn sống ở đây, không muốn sống ở nước định cư, cũng không muốn về Việt Nam, thì mình phải làm sao hả anh Thành?

— Như vậy là mày muốn xuống biển ở à.

— Dạ. Hòa dạ ngon ơ như đồng ý với cái ý của Thành.

— Đừng có điên. Mày còn cả một đời trai sáng lạn.

Hòa không cười, mặt nghiêm trang buồn bã. Bỗng Hòa kéo tay Thành đứng lại, chỉ một cô gái đang ngồi trên bãi cát. Anh thấy chị đó không. Chị Xuân đó, đi chung tàu với em. Bị hải tặc. Em đã đánh lộn với nhiều thằng mất dạy trên đảo này vì cứ cười hô hố khi thấy chị.

Ồ, chị Xuân, chị Xuân. Chị Xuân và cô em gái bị bắt qua tàu hải tặc. Hòa bị một cú đấm đi luôn hai hàm răng cửa, những người khác bị chẻ đầu bằng búa trong tiếng

cười man rợ. Khi lũ cướp kéo đi, trên chiếc ghe khốn nạn chỉ có những xác người thoi thóp thở trong nỗi căm lạnh của địa ngục biển. Chỉ có phép lạ mới giải thích được tại sao chiếc ghe lại lết được tới chốn. Ấy thế mà người ta không chết ngay trong nỗi kinh hoàng mà chết vì trí nhớ về cuộc hải hùng. Có những đau đớn âm thầm, những chịu đựng âm thầm, và cái chết thì tuyệt không một ai hay biết ngoại trừ tiếng sóng biển reo hò vỗ tay đưa đám. Như người em gái của chị Xuân, đã lặng lẽ đi dần xuống biển, tựa như nàng đã chọn biển làm mồ chôn êm ái nhất cho tan đi nỗi tuyệt vọng ê chề đã xúc phạm đến linh hồn trong trắng của nàng. Người ta đoán là nàng đã đi tìm cái chết như thế. Người ta đã tìm thấy xác nàng tấp vào bờ khi ánh bình minh chói lòa trên trại đảo.

— Cô ấy tự tử liền khi vừa tới đảo sao? Thành hỏi.

— Không, chỉ mới đây thôi. Vài tuần trước ngày anh tới đó.

Thành nhìn Xuân đang ngồi dối mặt ra xa mút chân trời. Không hiểu rồi nàng sẽ theo cô em gái đi xuống biển hay không khi ở một chỗ nào đó trong cái cõi xa hút mà nàng đang thần thờ thả mắt đã đánh trọng thương trên thân xác nàng, khiến linh hồn nàng héo rũ như đoá hồng nắng úa. Thành thử mấy hôm sau lúc nhìn Xuân ngồi trả lời phỏng vấn với Kathy, rồi đến khi Xuân lão đảo bỏ đi, Thành đã muốn chạy theo nàng, giữ nàng lại, nhìn xuống mái tóc chẳng khi nào chải của nàng, để nói một điều gì đó thật thân mật. Em đã bị nhiều thứ từ chối rồi, phải không! Niềm vui đã từ chối em, trên cuộc hải trình. Bởi thế nên cái sống đã từ chối em, trên cuộc hải trình. Tự do đã từ chối không tặng em đôi cánh thiên thần ngây thơ, đã đón em bằng cuộc thảm khốc. Và em lại bị từ chối bởi *cuộc thảm khốc của em chẳng có gì kỳ lạ mà là nỗi chung của biết bao người*. Nhưng tôi muốn nói với em một điều này, rằng có

một thứ chẳng bao giờ từ chối em, hay có một điều em chẳng bao giờ bị từ chối, đó là linh hồn trắng như giọt sương mai lóng lánh đọng trên một đóa hồng, hay vụn lời chiêu niệm gửi đến em từ những trái tim đời rỏ máu của những người đã nằm yên trong lòng biển hay đã đi qua sóng gió hải hùng.

Dĩ nhiên là Thành đã không nói được như thế vì ý nghĩ đến với chàng không nhanh hơn những bước chân lão đảo đang đi khuất sau cánh cửa hội trường của Xuân. Phải đợi đến khi Hòa trọc dất Thành đến khu “long-house” của Xuân, phải đợi đến khi Thành tần ngần kể cho Xuân nghe quyết định của Kathy về nàng; rồi phải đợi đến khi Thành ngồi bên Xuân ở dãy băng-công của nhà thờ trên đồi Tôn giáo nhìn xuống mặt biển xanh biếc dưới chân, Thành mới lúng túng nói đại để một điều tương tự, không chính xác và thật là vụng về làm sao, về những ý nghĩ mà chàng đã giữ từ buổi đầu. Xuân chẳng nói gì như thể những ý nghĩ mà Thành đang bộc lộ không lớn hơn tiếng sóng rì rào và một buổi chiều loang trên đảo. Nàng đứng dậy, nhìn chàng thản nhiên như nhìn bất kỳ một vật thể xa lạ nào, chậm chậm đi ra khỏi cửa nhà thờ và biến mất dưới chân đồi.

Những buổi chiều chàng-nói-và-nàng-bỏ-đi xuống đồi như thế đã đi vào đời sống Thành, quen như một ly cà phê buổi sáng. Lâu rồi đối với Thành thói quen đã biến thành nỗi nhớ, chàng đã không giữ được cho mình một thói quen nào cả, hay chính đời sống bất trắc đã đuổi nó đi. Bây giờ có vẻ như Thành đang bắt đầu tập một thói quen. Không lẽ năm tháng đã để lại sau lưng! Thành thở dài. Những điều đã ủ trong lòng trước khi đi vẫn nóng hổi, nó đã không rơi suốt cuộc hải trình. Chàng thấy mình một hôm, trong buổi cơm chiều, nói với Hòa trọc như đang tự dặn mình:

— Khi tính chuyện đi mây có nghĩ là dừng chân ở đảo này không?

Hòa trọc đang cắn trái ớt một cách khổ sở vì hai nướu răng không đủ cứng.

— Chắc chắn là không rồi. Chừng “đụng chuyện” mới thấy cái gì mình tính lại không tới.

Cái “đụng chuyện” của Hòa chính là người con gái xấu số đi chung ghe nhưng hồn nàng chắc là đang phát phơ trên đảo. Hòa đã đến nghĩa trang khu F, nơi người ta chôn nàng bên những thuyền nhân chết trên đảo. Hòa đã đi xuống bờ biển, chỗ mà người ta đoán là nàng đã rời bờ xuống nước. Kỳ lạ thật, hẳn đã thương người con gái bất hạnh và bạc phận bằng với nỗi căm phẫn mà hẳn dành cho bọn hải tặc. Tình yêu và hận thù cùng một lúc sánh vai nhau trong con người ngang tàng của hắn. Tình yêu đó đã chứng kiến biết bao nhiêu chuyến tàu chở người rời đảo đi định cư mỗi trưa nắng nóng bỏng, và mỗi chuyến tàu ra khơi là mỗi lần tình yêu thấp lửa trong Hòa dẫu tuyệt vọng bởi những chuyến tàu đi đâu mang được sự căm lạnh của năm mờ trên nghĩa trang khu F.

— Cái gì làm cho mày muốn xuống biển ở?

— Anh biết rồi mà, anh Thành.

— Ừ thì tao biết. Mê mẩn dữ à. Thành nói lớn, cố làm vẻ vui giỡn. Chàng có thói quen bông đùa vào những lúc lòng chàng một nỗi buồn. Hãy giữ lấy nhau, hơi thở, tình yêu và hãy hận thù sự vô luân. Còn lòng ái quốc thì sao? Chàng hiểu rõ lắm. Chàng chỉ tự hỏi ý nghĩ về đất nước tự nhiên đến, hoặc có thể nó đến mỗi khi thấy mình ở trong trạng thái trống vắng tưởng chừng như tất cả nỗi đau mang ngày đi có thể bị bẻ gãy. Thật là không hiểu nỗi khi mà đau khổ chưa hẳn đã rèn nên sức mạnh của ý chí. Chỉ ở một mức độ nào đó thôi. Thành bần khoản. Chàng đã sống cực khổ của ngày dài lê thê trong nước. Vậy mà chàng đã khật khờ leo qua được những ngày đó chắc là nhờ thấp thoáng

bóng tình yêu. Có phải vậy không cũng không biết nữa. Bây giờ chàng lại nhìn thấy những người chạy thoát như chàng lại phải trải qua cơn tàn ngược vô luân ngoài biển cả mà sự tưởng tượng phong phú nhất cũng khó có thể chịu được.

— Mắc nợ gì đâu! Hòa chếp miệng, hai nướu răng sưng đỏ vì ớt. Tiếng loa phát thanh từ Khối Thông Tin gửi đi một bản nhạc vọng lên từ bên dưới. Ngờm ngợm người đi lên đi xuống đồi, vô nhà thờ hay đứng lóng ngóng trước cửa chùa. Căn nhà Thành ở nằm sau chùa và đối diện với hai cái nhà thờ — một Tin Lành và một Thiên Chúa giáo. Từ đó ban đêm dưới ánh đèn dầu chàng có thể nghe cùng lúc tiếng tụng kinh niệm Phật lẫn với lời cầu kinh dâng Chúa. Chàng lại có thể nghe tiếng sóng, tiếng gió, và tiếng người qua lại tấp nập. Về khuya một chút chàng có thể bắt được giọng hát thoang thoảng dưới bãi biển, phát ra từ một máy cassette ở quán cà phê. Nhạc vàng. Đời sống nếu cứ như thế và không nghĩ ngợi gì thì quả là dễ chịu. Thành đã nhiều lúc buồn nhẹ nhàng khi ngồi ở quán cà phê bãi biển, nghe giọng hát của cô ca sĩ nào đó đã chạy khỏi nước từ 75, đầu môi rít đỏ một điếu thuốc đắng và trước là mặt biển đen thui. Trong những lúc như thế người ta thường nhớ lại những hình ảnh đã qua, chàng lại có cả quê hương để nhớ trong muôn nẻo khuất mù.

Thành xuống đồi. Tiếng tụng kinh vắng lại từ sao. Chàng thấy quý từng giây phút vì rồi có lúc chàng sẽ bỏ chốn này mà đi, có thể là mãi mãi không về. Chàng nghĩ đến Xuân. Chàng nghĩ đến những người con gái đã quen. Những ngày khó nhọc. Những đêm “nằm bãi” dài trông ngóng. Những vết sẹo tù in dấu hai chân. Rồi chàng lại trở về với ý nghĩ Xuân. Nỗi buồn đã đọng trên môi, trên mắt, và mái tóc không chải của nàng. Biển đã xô em vào đảo nhỏ, và đặt em bên hiên của những niềm vui con gái.

Lạ thật, tại sao anh lại thương em nhỉ? Thành đi sát chân đồi, trên bãi cát, tưởng như đang trò chuyện với Xuân. Có thể, bởi mình gặp nhau bên hiên đồi, lắng nghe tiếng cười khúc khích của những trò vui bình thường chưa lần tham dự nên mới nhận ra nhau đấy. Thành băng ngang quán cà phê Leiba đang tiếng nhạc khu vang thì cùng tiếng sóng rì rào. Những mái đầu chụm lại bên nhau trên những chiếc bàn trên cát. Những tiếng cười bị gió mang đi xa, tan biến. Thành đi, đi cho qua một buổi tối, đi cho hết một buổi tối trước giờ giới nghiêm. Chàng đi trước mặt những người ngồi trên cát, đi sau lưng những người ngồi trên cát, đi qua những túp nhà leo lét đèn dầu có những gã đàn ông ngồi thần thờ (sao mà giống bên nhà quá vậy). Con đường nhỏ đưa đến khu Cao ủy và các phái đoàn ở băng ngang trại lính Mã Lai. Thành chậm rãi nhìn từng tên Task-Force ngồi hoặc đứng bên trong hàng rào, đôi mắt hau háu nhìn ra ngoài chờ cất giọng cười hô hố nếu có cô gái nào đi ngang qua. Chàng sẽ không thể kể cho Kathy nghe về cảm nhận của người mất nước đối với một tia nhìn hay một nhếch mép của người bản xứ. Chỉ có người mất nước, với tâm hồn nhạy như sợi dây đàn căng ra từ hai vực đau thương, mới rung được dù chỉ va đụng với gió nhẹ vô tình. Cũng như Kathy sẽ không thấu được, rằng chỉ có tình thương mới mỗi mết còn sự đau khổ thì không bao giờ chán nản từ già những con người chọn biển làm sinh lộ cuối cùng. Kathy chỉ hiểu — mặc dù Thành thực tình nghĩ Kathy không hẳn là tiêu biểu của mẫu người Tây phương — nhiều lắm là những buổi tiệc từ già ướm lẹ như tối nay chàng được mời đến.

Căn phòng của Kathy chỉ có cái bàn con nhỏ sáng dưới bóng đèn trắng nê-ông. Mấy người từng làm chung với Kathy đang đầu hót bằng tiếng Việt chen tiếng Anh. Khói thuốc ngợp cả phòng, vậy mà Kathy đóng ập cửa ngay khi

Thành vừa bước vào.

— Bí mật. Tôi phải đóng, không lại rắc rối với tụi Mã. Kathy nói, cười tươi rói, lôi trong ngăn kéo ra một chai rượu bọc giấy kỹ lưỡng.

— Làm sao có được cả đồ quý này?

Kathy cười khoái chí:

— Tôi bỏ trong va-li dưới đồng quần lót, bọn lính Mã đâu soát được.

Mọi người cười ồ, nâng ly “cheer” loạn xạ. Kathy như bóc bộ mặt của phái đoàn để thay vào những nét tươi tỉnh hồn nhiên con gái.

— Tôi về nước lấy chồng. Hy vọng khi trở lại không còn gặp ai ở đây nữa.

Thành nói ngay:

— Cô đem hy vọng đến chứ cần gì phải hy vọng.

Kathy tỉnh bơ nói:

— Đâu có đơn giản vậy. Tôi nhận người phải tùy theo “quota” của chính phủ chứ.

Thành ngật ngừng, không muốn buổi vui trở thành cuộc tranh cãi.

— Nhưng không phải mọi chuyện đều giải quyết theo con số.

— Đó là cách làm việc.

— Có những trường hợp vẫn giải quyết được việc mà không...xâm phạm con số.

— Thí dụ đi! Tôi chẳng thấy có trường hợp nào gọi là đặc biệt. Người tỵ nạn nói chung đều muốn đi định cư.

Thành nói chưa chắc. Chàng kể trường hợp của Hòa trọc. Hấn không muốn rời bỏ cái nấm mồ bị rẻ rúng của người hấn trót thương. Thành đọc trong đôi mắt xanh biếc của Kathy sự ngạc nhiên pha cảm động. Chàng bắt trớn kéo câu chuyện sang Xuân, người con gái đã không cần biết đến kết quả cuộc phỏng vấn.

— Thấy chưa, đâu phải ai cũng muốn đi định cư. Họ, hay tất cả chúng tôi, đã đi qua cửa tử để ngay cả niềm tin vào hạnh phúc cũng sút mẻ.

— Anh muốn tôi giúp cô ấy? Kathy đặt vấn đề thẳng tuột.

Thành gật đầu. Kathy rót đầy một ly rượu.

— OK.

Thành như thấy đôi mắt đắm buồn của Xuân sáng lên khi chàng nói sắp đến lúc nàng tới được trạm cuối của cuộc hải trình. Ý nghĩ khiến Thành bồn chồn muốn chạy đi tìm Xuân ngay. Chờ chai rượu cạn sạch, Thành đứng lên nhắc đến giờ giới nghiêm, đến những phiên hà có thể gặp nếu những tên Task-Force ngủi được mùi rượu bay ra từ mồm.

Thành vội vã đi ngược lối cũ, thật mau và tránh xa trại lính. Toàn đảo đã trở nên yên tĩnh, lặng buồn. Lời hứa của Kathy bỗng dật dờ như sóng. Chính chàng vừa mới nói ngay cả niềm tin vào hạnh phúc cũng bị sút mẻ. Không phải chàng nói thế. Chàng chỉ lặp lại câu nói của Xuân ở một lần nào đó khi chàng gỡ nhẹ những sợi tóc rối mềm biếng chải. Chắc chắn là chàng đã đồng ý với nàng như vậy, bởi hành trang nàng có gì đâu trừ một khối đời tan tác đè nặng thơ ngây. Nhưng lần này, đêm nay, chàng sẽ nói vội với nàng tình yêu tự nó không chữa lành vết thương nhưng đủ sức mang gánh nặng người trao cất bước đi hoài.

Thành ngừng lại trước nhà Xuân. Chẳng có ai. Khối

Thông Tin đang phát một bản nhạc quen trước giờ giới nghiêm. Thành nghe tiếng chân chạy thình thịch sau lưng. Một cuộc rượt bắt giữa lính Mã và những người đánh cá lậu chắc. Mà không, Hòa trọc hơ hải chạy đến:

— Anh Thành, anh Thành, em kiếm anh quá trời. Khuôn mặt Hòa trọc dưới ánh đèn nhá nhem trông thật quái dị. Hòa lôi Thành chạy gấp rút. Người ta tìm thấy chị ấy ở chỗ người em tự tử. Hòa giải thích trong tiếng khóc nức hỏn hển. Người ta đã kéo chị ấy vào bờ nhưng không kịp nữa. Chắc tại mấy thằng bơi dở quá. Mấy thằng bác sĩ ở bệnh viện Sick-Bay nói chị ấy chết không phải vì uống nước nhiều mà vì yếu sức thấm lạnh...

Thành đứng trước bệnh viện Sick-Bay, cạnh cái am nhỏ có một nén nhang cháy đỏ của ai đó vừa cắm tưởng niệm một ông già bị dứa “xù” trúng đầu. Khói nhang tan nhanh trong gió chỉ chở kịp một chút hương thơm. Anh đã tưởng tình yêu sẽ thấp hương đời em giông bão, đốt đi hoang lạnh cho ấm hoài ngày mai đi tới. Vậy mà cả tình yêu cũng không chữa lành vết thương em. Anh đã muốn nói với em những điều chưa kịp nói, rằng em đã bị từ chối tất cả, nhưng có một điều không bao giờ từ chối em, đó là tình yêu anh dành cho em. Thế đó, em đã từ chối tình yêu anh như thế ngay tình yêu cũng thành cuộc lưu đày. Tình yêu đã thành cuộc lưu đày, chẳng còn gì nguyên vẹn nữa.

Chàng lặng lẽ trở về nhà trong tiếng hiệu báo giờ giới nghiêm.

LÊ ĐẠI LÃNG



MINH VIÊN

Tên thật là NGUYỄN MINH VIÊN, sinh năm 1940 tại Bắc Ninh (Bắc Việt). Hiện định cư tại San Francisco thuộc tiểu bang California Hoa Kỳ.

Trước năm 1975, giáo chức, quân nhân. Hội viên Văn Bút Việt Nam (từ 1965).

Sau 1975 tỵ nạn tại Hoa Kỳ.

Các báo đang cộng tác: Sóng, Lửa Việt, Văn Nghệ Tiền Phong, Chiến Sĩ Cộng Hòa, Thời Cuộc.

Thi Phẩm đã xuất bản:

- TRẮNG (1965 tại Sài Gòn)
- Thơ MINH VIÊN (1970 Sài Gòn)
- Đêm Việt Nam (Thơ Tuyển 1960, tập 1,2, Hoa Kỳ 1988).
- Mưa Xanh (Tuyển Tập Thơ Tình 1960), Hoa Kỳ 1988

THƯƠNG NHỚ QUÊ XA

Ngậm-ngùi thương-nhớ quê xa
Thừa mùa đông xám thiếu mùa xuân xanh
Tình người sỏi đá lạnh tanh
Dù cùng núi Mẹ chung ngành sông xa

Cha Rồng Tiên thôi hết mặn-mà
Nhặt như nước lã chảy qua ao bèo
Khắp cùng Nam Bắc tiêu-diêu
Lệ hờn lệ tủi rơi nhiều hơn mưa

Ngày buồn trời ngủ say-sưa
Đêm đen đất khóc vật-vờ hồn trắng...
Ta chim mất tổ lạc đàn
Lang-thang xứ lạ âm-thầm xót-xa

Lạnh-lùng năm tháng trôi qua
Niềm đau vong quốc vẫn là vết thương
Ngày đêm rỉ máu trong hồn
Hụt hơi thở ngấn mỗi mòn xác thân...

Bao lâu lê gót đường trần
Ta còn mang nợ giang-san Lạc Hồng...

MINH-VIÊN

VẾT THƯƠNG SÀI GÒN

Trên giòng lịch-sử mộng-mông
Thuyền ta chở nặng nhớ-thương Sài Gòn
Mười năm nhức-nhối trong hồn
Vết-thương-mất-nước vẫn còn đỏ tươi

Ta giờ buồn rách tả-tơi
Lênh-đênh trôi-giạt cuối trời gió mưa
Sầu đời sóng biển nhấp-nhô
Khoang ta tình lạnh ngẩn-ngơ mái chèo

Mười năm lệ tủi rơi nhiều
Xót-xa xơ-xác như điều đứt dây
Em xa còm-cối bóng cây
Thương ta phiêu-bạt như mây lạc ngàn?

Ta còn tên tuổi Việt-Nam
Mất đen mũi tẹt da vàng muôn năm
Mai sau thiếu đất ta nằm
Biển ơi xin gọi cá ăn thịt này!
Sài Gòn thấp-thoảng đầu đây
Ngày xa cách mặt, đêm đây chiêm-bao...
Sài Gòn nghĩa nặng tình sâu
Như cây với cội có nhau vui buồn

Tuổi thơ ta rục rắng hồng
Thanh-xuân: xưa biếc phố-phường thân quen
Hành-trang: tròn mộng sách đèn
Tin yêu trĩu nặng cánh chim vào đời...

Sài-gòn ơi mất nhau rồi
Tim ta héo máu rã-rời thân đi
Mười năm nuốt hận phân-ly
Người yêu thăm-thăm, bạn-bè biệt tăm

Bao giờ ngủ giấc ngàn năm
Thì hồn vong quốc mới tan khối sầu...
Người yêu ơi nhớ Đakao
Thương em mắt sáng như sao đêm hè

Tóc em xanh mát Thị-Nghè
Những chiều Sở-Thú nghe ve hòa đàn
Thương em ngọt giọng oanh vàng
Thướt-tha bướm trắng Trưng-Vương mơ màng...

Nhớ về em rất bẽ-bàng:
Nụ hôn từ-biệt mấy hàng lệ rơi!
Em giờ bóng lẻ thân cô
Có ta trong cõi ngậm-ngùi xót-xa...

Sàigòn ơi đã khác xưa?
Mười năm xa-cách tưởng như hoang-đường!
Chiều nào...phố Nguyễn-Tri-Phương
Có ta ngồi quán bên đường tỉnh say

Bạn bè: ly rượu chia tay
Ly vui là nhạc, ly đầy là thơ
Tiệc tàn điệu thuốc tiễn-đưa
Phút giây hợp mặt đã vừa lòng nhau...
Bây giờ nỗi nhớ dâng cao:
Biển ngăn cách bạn, niềm đau khóc òa!

*

Sàigòn ơi nhớ đêm mưa
Bến xe Lục-Tĩnh buồn thừa-thốt người
Cà-phê quán cóc ta ngồi
Uống hương-vị đắng của đời lẻ-loi

Thuốc tàn từng điệu trên môi
Lưỡi tê cay nỗi ngậm-ngùi chia-xa...
Ta, mình ta tiễn-đưa ta
Xe khuya chuyển bánh lệ nhòa hơn mưa

Vẫy chào bến vắng đèn thưa
Hồn đau...vĩnh biệt...như vừa hôm qua!
Sàigòn ơi vẫn của ta?
Tưởng trong gang tấc mà xa nghìn trùng!
Bao lâu ta sống ta còn
Hồn ta nhức-nhối vết-thương Sàigòn.

THƯ MẸ

Thư Mẹ gửi sang từ Việt-Nam
Lời thư dào-dạt sóng trùng-dương
Lời thư như những lời trần-trối
Của một đời mưa gió bão-bùng.

— Mẹ đã già như trái chám khô
Buồn mênh-mông sông nước vỡ bờ
Quê-hương như nghĩa-trang ngập lụt
Từng mảnh hồn hoang ngộp dưới mờ.

— Mất Mẹ mờ như có mây che
(Cờ đỏ vàng sao vậy bốn bề)
Nồng-nặc không-gian mùi tử-khí
Khói hờn lửa hận khắp sơn khô.

— Tóc Mẹ cần như cỏ phơi sương
(Sợi trắng bơ-vơ bước đường cùng)
Sợ biếc Xuân xưa là dĩ-vãng
Sợ sâu rơi rụng kiếp tàn Đông.

— Lưng Mẹ còng như chiếc vòng cung
(Bảy mươi năm chồng-chất đau-thương)
Chưa phút giây nở mày nở mặt
Đời Mẹ bầm sinh chân lấm tay bùn.

— Mẹ ban ngày như lá héo-hon
Đêm đêm như ngọn đèn chập-chờn
Sinh-lực hao-mòn như bác lụn
Gần đất xa trời trong cô-đơn.

— Mẹ từng giờ thương-nhớ con xa
(Thương con như thuở còn dại-khờ)
Nhớ-thương nước mắt không mưa nữa
Biển lệ trong hồn đã cạn khô.

Lời cuối ngọt-ngào xuôi nước trong
Mẹ khuyên con ghi-khắc trong lòng:
— Tha hương con vẫn là dân Việt
Uống nước nhà Nam phải nhớ nguồn.

MINH-VIÊN

THƯ BẠN

Thư bạn nát nhàu trong giấy hẩm
Chữ gầy xiêu vẹo dáng cây nghiêng
Tâm-tư dàn trải bao giòng máu
Uất-hận hòa chung nổi muộn phiền

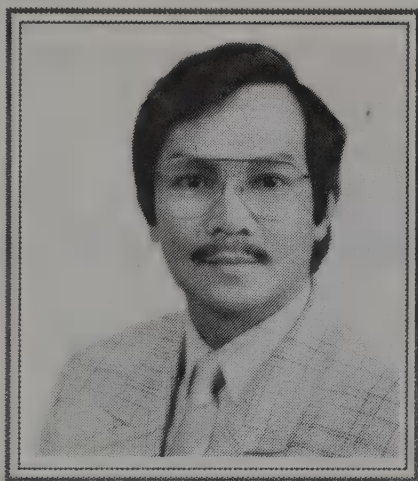
Bạn kể: quê-hương giờ nắng cháy
Tình người hạn-hán như sông khô
Nhân-nghĩa cạn nguồn như suối cạn
Khát thăm cả nước vẫn mong mưa

— Gia-đình lạnh-lùng như quán trọ
Mẹ cha con cái đã ngang nhau
Tôn-ti trật-tự quăng ngoài ngõ
Trên dưới đảo-điên chân lộn đầu

— Trường-học ồn-ào như cái chợ
Thầy trò cũng hoán vị đổi ngôi
Bán buôn chữ nghĩa theo giai-cấp
Chẳng dễ gì xin được chỗ ngồi

— Xã-hội ù-lì như máy cũ
(Người người như ốc rỉ đen thui)
Máy cũ đặt vào xe nước cũ
Chẳng tiến mà xe lại thụt lùi...

Bạn nhắc: gửi về dăm cái chổi
(Quét đường quét chợ để mưa sinh)
Quét Nam quét Bắc cho sạch rác
Bụi-bặm rồi đây cũng xuống sinh!



NGÔ VĂN THỌ

Tên thật NGÔ VĂN THỌ, sinh ngày 28-08-1944, tại làng Bình Ninh, Tỉnh Mỹ Tho.

Trước năm 1975, tốt nghiệp Văn Khoa Sài Gòn. Giám Đốc Trung Tâm Đào Tạo Võ Sĩ Thượng Đồi thuộc Tổng Cuộc Quyền Thuật Việt Nam (Võ Đường Ngô Văn Thọ Mỹ Tho). Giảng viên tình báo chiến dịch Phụng Hoàng.

Sau tháng 4 - 1975, bị Cộng sản bắt giam. Trại tù cuối cùng là trại khổ sai 52A Tỉnh Hà Sơn Bình (miền Bắc Việt Nam). Tháng 1 năm 1983 Cộng sản chuyển về miền Nam, đào thoát. Hiện định cư tại California, Hoa Kỳ.

Làm thơ trong tù. Hiện cộng tác với Tập San Thi Ca (Tây Đức), Sóng (Canada), Ngày Nay (Kansas, Hoa Kỳ), Chứng Nhân (Bắc California, Hoa Kỳ), Diễn Đàn Thanh Niên (Nam California, Hoa Kỳ), Xây Dựng (Texas, Hoa Kỳ)

Thi Phẩm đã xuất bản:

GIỌT BUỒN TRÊN QUÊ HƯƠNG (1988)

Một Nụ Hồng Cho Người Vượt Biển

Một tối em vượt biên
Mất cha đong đầy lệ
Đưa tay gầy mẹ tiễn
“Hết giấc con trở về”

Em bỏ lại sau lưng
Những gì thân thương nhất
Mỗi bước, em ngập ngừng
Nhìn mẹ cha dần khuất

Bao nhiêu ngày lênh đênh,
Bấy nhiêu ngày đói lả
Giữa nước trời mông mênh
Tiếng thét gào sóng cả

Một bầy quỷ dạ xoa
Đầu thai làm cướp biển
Khi trời nổi phong ba
Hè nhau cùng xuất hiện

Đời em bị vỡ tan
Trong tay loài quỷ dữ
Lệ tuôn chảy đôi hàng
Theo kiếp người lữ thứ

Mấy năm chờ tự do
Trên quê người hành hạ
Đâu phải vì cơm no
Sao đời em tươi tả!

Được tin ở quê xưa
Mẹ cha đã khuất bóng
Còn lại gió và mưa
Theo chuỗi ngày vô vọng

Kỷ niệm thời ấu thơ
Em bồi hồi ôn lại
Chỉ là một giấc mơ
Nhớ tiếc ngày bé dại
Ở đâu hử NHÂN-QUYỀN?
Nghĩ gì đây? NHÂN LOẠI
Cho dân tôi bình yên
TÌNH NGƯỜI ơi! Ta gọi

NGÔ VĂN THỌ

BÊN KIA BỜ ĐẠI DƯƠNG

Bên kia bờ đại-dương
Thao-thức suốt canh trường
Mẹ già ngồi khâu áo
Bên ánh đèn thê-lương

Chị hiền đang nấu cháo
Chia đều mấy đứa em
Bao mắt nhìn trần tráo
Vào chiếc muống thân quen

Một đứa vừa đánh rơi
Chén cháo lạt mất rồi
Òa lên, em bật khóc
Chị đau-đớn bồi-hồi

Năm đứa trẻ bụi đời
Cùng ăn một gói xôi
Đứa chửi thề văng tục
“Chừa tao với mầy ơi!”

Như tìm gì mất mát
Một bà lão lom-khom
Bối cào trong thùng rác
Tơi-tả chiếc lưng còm

Anh tù trong khám tối
Len lén đọc thư nhà
Mẹ già đang hấp-hối
Chạnh thấy lòng xót-xa

Những lều “bông-sô” cũ
Chi-chít nơi nghĩa-trang
Người chết không yên ngủ
Người sống cũng điêu-tàn

Bướm buồn bay trong nắng
Bởi vườn cũ không hoa
Toàn những khoai với sắn
Của Dân-Chủ Cộng-Hòa!

Bên kia bờ đại-dương
Địa-ngục phủ thiên-đường
Cửa nhà tù rộng mở
Cả một trời đau-thương

NGÔ VĂN THỌ

BÀI THƠ CHO BẠN

Anh, tôi, từ độ ta buông súng
Máu lệ trào dâng ngút tận trời
Lao-lý đời trai trau chữ Dững
Ta vẫn gọi thầm: “Tổ-quốc ơi!”

Một đêm gặp lại mừng khôn xiết
Lầu vắng đìu-hiu cạnh thánh-đường
Hai mảnh đời đơn cùng thắm thiết
Ngồi nghe nhau kể chuyện tang thương

Có những chiều mưa ngập phố buồn
Người đi hối-hả dưới mưa tuôn
Mà ta lòng bỗng dưng tê lạnh
Và gợn trong hồn chút vẩn-vương

Có những lần ta thức trắng đêm
Lá khô theo gió lốc qua thềm
Tưởng như tiếng nấc thời hoa mộng
Tìm gặp bóng hình trong lãng quên

Có lúc men nồng ta chénh-choáng
Ngâm thơ tôi, ngâm khúc “Hồ Trùng”
Nhốt hết CỘNG thù trong một thoáng
Cho cờ Tổ-quốc rợp quê-hương

Từ độ chia tay người mỗi ngã
Bâng-khuâng nhớ lại tiếng kinh cầu
Sự-nghiệp người trai mang chí cả
Hai bàn tay trắng với đêm thâu

Có lần tôi nhớ...một sớm mai
Tôi qua nhà cũ, đứng bên ngoài
Thềm xưa còn lại đôi chim sẻ
Nghe tiếng chân người, vỗ cánh bay

NGÔ VĂN THỌ

NHẬN ĐƯỢC THƯ NHÀ

Anh có biết nhà mình nay đã dột!
Em không tiền, hôm đó muốn thăm
Ba Gà “kiếm” rồi sáu con, em bán một
Bị lên Phường “học tập” mấy ngày qua!

Bờ mía Ngự em trồng từ năm trước
Nay đốn rồi, theo “Quy hoạch bo-bo”
Làng xóm mình đang chờ “Ông Nhà Nước”
Ban cho mỗi người một bữa ăn no!

Hôm tháng Năm, em mua hàng theo “quý”
Nửa ký đường, bốn ký gạo, khoai lang
Hàng “Quốc Doanh” hiếm như hàng Tây, Mỹ!
Đảng cột dạ dày để có dân ngoan

Được tin muộn chú Tư mình đã mất
Ở trại Nam-Hà phương Bắc xa xăm!
Manh chiếu mỏng gói hồn cầm trong đất
Thím đợi thư từ, chín tháng bặt tăm

Anh có biết con thi vào đại học,
Điểm thì cao, mà đã hỏng mất rồi!
Bởi lý lịch con mình là “Con Ngụy”
Mang quá trình chống CỘNG lúc trong nôi

Mỗi “Con Ngụy” sẽ vươn vai Phù Đổng
Vung roi thiêng thẳng quất bọn hung tàn
Mỗi “Con Ngụy” đều sanh nơi làng Giồng
Lấy hận thù nuôi ý chí dọc ngang!

Thư phong kín giọt lệ lòng em viết
Gởi cho anh cách nửa quả địa cầu
Bao nhiêu chữ, bấy nhiêu tình thắm thiết
Em yên lòng, anh nhớ...chẳng quên đâu

NGÔ VĂN THỌ

MUA QUÀ CHO EM

Chiều Ca-Li anh một mình ra phố
Để tìm mua vài thứ gửi về em
Phố đông người mà chẳng gặp ai quen
Người ta đến và đi trong vội vã

Vải áo em, chọn màu xanh lá mạ
Cho da em bớt cháy ở nông trường
Chiếc khăn quàng màu đất mẹ thân thương
Em đỡ lạnh đêm về đi “hợp tổ”

Quần cho em, vải dày như vải khố
Mặc cho ngày tới tả lúc đào kinh
Ngồi cho mòn chủ nghĩa Mác Lê-Nin
Làm biểu ngữ khi hoan hô chế độ

Nè! Giữ kín ghen em, đừng tiết lộ!
Gói kẹo này mình biếu chú công an
Khu vực ta cho chú bớt ngang tàng
Anh biết chú nhận ngay, không từ khước

Gởi về cho Ba năm mươi viên thuốc
Sợ gởi nhiều nhà nước sẽ thu mua!
Miền Bắc hôm nay chắc gió đổi mùa
Ba còm-cối, chết dần trong tù ngục!

Chiếc đồng hồ cho em hay từng phút
Đếm thời gian tàn phá tuổi xuân hồng
Vùng tương lai là bóng tối mênh mông
Chân em bước trên đường xưa quanh quế

Hộp viết màu cho con ta tập vẽ
Bầu trời Nam tiếng Quốc gọi bơ vơ!
Thục Đế xưa thồn thức dưới trăng mờ
Đêm sắp hết, hồn chưa khô máu lệ!

Quà mua xong, anh gởi ngay kéo trể
Hình dung em chết dở cuối chân trời
Suối lệ buồn theo năm tháng đầy vơi
Sầu chất ngất trên vai gầy cô độc

NGÔ VĂN THỌ

TÂM SỰ VỚI NGƯỜI YÊU

Em có nhớ ngày ta trên biển cả
Nhường cho em những giọt nước sau cùng
Thương em quá khi nhìn em đói lả
Giấu cảm hờn trong ánh mắt rừng-rưng

Em còn nhớ ngày ta trên hoang đảo?
Vào đêm trăng thổn thức ở quê người
Trên gộp đá kê anh em khế bảo
Xa Má rồi em nhớ quá anh ơi!

Em kể chuyện Má sau ngày xuất giá
Về với Ba nơi đồn vắng miền Tây
Ba, người hùng khắc lời thề trên đá
Trước Cộng thù như gặp hội rồng mây

Em nghe Má nói hồi năm Ba chết
Cũng đêm trăng giấc Cộng tấn công đồn
Mới chào đời buồn thương em đâu biết
Má bỗng em về Ngoại sống cô đơn

Nhà Ngoại nghèo Má tháng năm vất vả
Ngồi thâu đêm đan vớng mướn cho người
Từng sợi đay đan chuỗi ngày tàn tạ
Nuôi hận-thù khôn lớn ở trong nơi

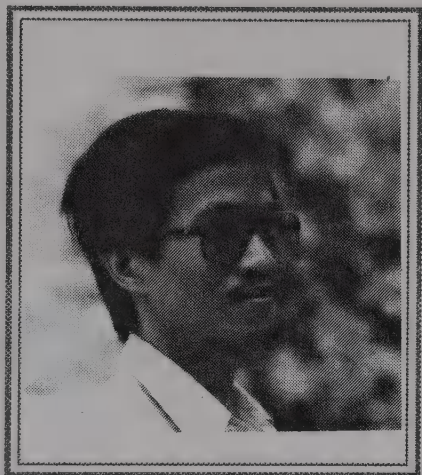
Mình hai đứa đi trên triền cát ướt
Dấu chân buồn cho sóng cuốn trôi đi
Sương lạnh xuống âm-thầm ta đếm bước
Nhạc biển thì thảo đạo khúc sinh ly

Sau ba tháng khi em vào đất Mỹ
Được thư Cô, Má đã vội qua đời
Vì Má đau họ chối từ chữa trị
Lý do là Má “vợ Ngự” em ơi!

Em có biết em trá hình du-lịch
Về quê mình sĩ-nhục Má Ba em
Xây nhà tù cho đồng bào ruột thịt
Quên thù nhà mang nặng túi bon chen

Yêu em lắm nhưng anh đành lổi hẹn
Bởi vì em phản bội bậc sinh thành
Tình mộc mạc song thơ này trọn vẹn
Chở chuyên giùm tất cả mảnh lòng anh

NGÔ VĂN THỌ



NGUYỄN ĐỨC LẬP

Nguyễn Đức Lập sinh năm 1945 tại Quảng Ngãi.

Nguyên Luật Sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn.

Đến Hoa Kỳ 1983. Hiện cư ngụ tại Nam California. Đã cộng tác với các báo: Tin Việt, Làng Văn, Văn Học, Nhân Văn, Hoa Sen, Đất Nước Tôi, Hoa Thịnh Đốn Việt Báo, Đường Sống, Bách Khoa, Sân Khấu Mới, Sức Sống...

Tác Phẩm đã xuất bản:

- NHỮNG ĐÊM KHÔNG NGỦ (Thơ, 1987)
- CUỘC CHIẾN TÀN CHƯA (Truyện Ngắn, 1987)
- Kiếm Đạo 1: BẢO KIỂM TẶNG ANH HÙNG (Truyện dài, 1987)
- Kiếm Đạo 2: THẦN THƠ TRAO HÀO KIỆT (Truyện dài, 1987)
- NGẮN CỔ KHÓ KÊU (Truyện dài, 1989)
- NHẤT BIẾT NHÌ QUEN (Truyện dài, 1990)

TỪ BỐN MƯƠI NĂM TRƯỚC

Bà Giáo Thế, ngồi ở hàng ba, lau lá chuối, chuẩn bị gói bánh ít. Đây là một công việc dễ dàng và đơn giản, nhưng bà làm một cách chăm chú cẩn thận. Bà ngồi trên một cái ghế đôn, xây lưng vô vách. Trước mặt bà là một cái vòm nước nhỏ. Phía tay mặt bà, là một xấp lá chuối xanh mướt. Xấp lá chuối này, bà đã cặm cùi rọc suốt buổi chiều hôm qua, bên vườn cô Hai Xiêm. Bà lấy một miếng lá chuối, để lên một tấm ván nhỏ. Bà nhúng một miếng giẻ màu trắng vô vòm nước. Bà lau miếng lá nhẹ nhàng nhưng kỹ lưỡng. Lau xong một mặt, bà đặt miếng lá lại, lau mặt bên kia.

Ngày mai là ngày giỗ đầu tiên của ông Giáo Thế. Hồi còn sanh tiền, ông Giáo Thế ưa ăn bánh ít khoai mì nhưn dừa. Ông rất khó tánh, đòi hỏi phải làm sao, khi lột lớp lá ra, cái bánh phải có màu nâu lợt, sáng trong và lớp nhưn phải trắng bong. Ông ghét nhất là những cái xơ khoai mì còn lợn cợn trong bánh. “Đám giỗ đầu của ông, thiếu cái gì thì thiếu, nhưng không thể thiếu bánh ít khoai mì...ờ, mà cũng không thể thiếu mấy chùm mận trắng được...”

Bà Giáo Thế, vừa nghĩ tới đó, vừa ngó lên cây mận trước sân. Bà hài lòng khi thấy mấy chùm mận, trái nào trái nấy no tròn, vẫn còn nguyên. Mấy chùm mận này, bà phải theo

giữ kè kè suốt cả tuần nay.

Đám con của con Hai mà nhập với đám con của thằng Ba, thiệt là “một lũ quỷ phá nhà chay”. Mỗi lần mà tụi nó tụ lại, cây trái trong vườn mới khốn khổ liền một khi. Rầy thét bắt mỗi miệng...nhưng, nghĩ cho cùng, rầy tụi nó làm chi cho tội nghiệp. Con nít mà, đứa nào lại không phá. Làm sao mà bắt tụi nó khoanh tay ngồi im một chỗ như hình cây tượng đá cho được. Lại nữa, thời buổi này, tụi nó đâu còn cái gì để mà chơi. Miếng ăn, miếng uống lo cho tụi nó còn chưa đủ...chỉ có đám con của thằng Tư là mủ mĩ mù mì. Nhưng, tụi này giống con gái mẹ nó, “lụt lịt mà một chín một mười”, chớ không phải là cái thứ “hay nói hay cười mà tọt lớt trơn trơn”. Đám con thằng Tư, đã không ra tay thì thôi, một khi đã ra tay, thì thiệt là thần sầu quỷ khốc. Ai dè được tụi nó lấy dây thun ràng vô mỏ của con chó LuLu. Con chó lông xù, sợi dây thun nằm sâu dưới lớp lông. Không ai thấy được. Con chó ngồi ngó đĩa xương cá vụn, chảy nước mắt, kêu ư ử trong cổ họng. Không ai biết tại sao con chó lại bỏ ăn. Còn tụi nó hả? Tụi nó vỗ tay cười...

Bà Giáo Thế lại nhìn ra cây mận một lần nữa. Cây mận này do một tay ổng ương hột, rồi hạ thổ đây mà. Ổng chết một năm rồi, nó mới chịu ra trái chiêng. Cũng may là trái chín kịp vô ngày đám giỗ của ổng. Ngó thấy mấy trái mận, chắc ổng cũng được vui lòng nơi chín suối...

Cô Hai Ngọc Sương ngồi bào dừa kế một bên bà Giáo Thế. Cô hơi ái ngại khi thấy mẹ, tay vẫn đều đều lau lá chuối, mà hồn vía coi bộ để tận ở đâu đâu. Cô độ chừng trong bụng rằng mẹ cô vừa làm việc vừa nhớ đến những kỷ niệm đối với người cha quá cố của cô. Cô tăng hăng một tiếng lớn rồi kiểm điều gởi chuyện với mẹ:

— Coi bộ mấy lá chuối dạo này không được tốt mấy, phải không má? Tàu nào tàu nấy te tua như áo rách, khó

kiếm được một cái lành lặn đặt gói cho tròn cái bánh.

Bà Giáo Thế lắc đầu một cái. Bà định thần một chút để nhớ kỹ coi cô Hai Ngọc Sương vừa nói cái gì. Bà bâng quơ:

— Con nói cái gì...mấy tàu lá chuối?

Cô Hai Ngọc Sương cười nửa miệng:

— Dạ, cái nào cũng rách te tua.

Bà Giáo Thế chất lưỡi:

— Thì nhằm mùa gió mà, con. Người ta nói “gió đưa bụi chuối te tàu” mà. May mà đám chuối của cô Hai Xiêm nằm ở chỗ khuất gió nên mình còn rọc được ba mớ.

Bà bồng thở dài ngang, rồi chép miệng: — Nghĩ cho ba con cũng ngộ. Ổng khoái mùa gió, vậy mà ổng trúng gió chết không kịp cứu.

Nghe mẹ nhắc tới cha, cô Hai Ngọc Sương vội lái qua chuyện khác:

— Ngày mai, má có mời cô Hai Xiêm không vậy?

Bà Giáo Thế thở dài một lần nữa:

— Có cao lương mỹ vị, mâm cao cỗ đầy gì đâu mà mời, con?

Cô Hai Ngọc Sương coi bộ muốn làm tài khôn:

— Ai mình không mời còn được, chớ cô Hai Xiêm dù không có tiếng mời, thế nào cũng chạy qua. Thà là mình có tiếng nói trước để cho cổ khỏi mịch lòng.

Bà Giáo Thế gật gù:

— Cổ đâu có để cho mình kịp mời. Hồi sớm mời, mới gặp mặt má, cổ đã nói rồi. Cổ nói cổ sẽ làm một, hai món gì đó đặt đem qua cúng cha con.

Giọng bà Giáo Thế trở nên ngậm ngùi:

— Nghĩ cho cùng, ông Trời cũng thiệt là bất công. Hiền lành, tốt bụng như cô Hai Xiêm cơ sao lại lận đận tình duyên, gia đạo không tròn?

Bà Giáo Thế nói tới đây, khiến cho cô Hai Ngọc Sương động lòng. Nói theo cái điệu của bà, chắc mấy người đồn bà mà lận đận tình duyên, gia đạo không tròn, phải là cái thứ dữ dằn, “thả chiếu trôi lên, thả mền trôi xuống”... và, cái đám con, dâu nhà này đều là cái thứ dữ dằn như vậy hết. Chồng của cô, hai em trai của cô đều bị bắt đi cải tạo hết ráo, hơn tám năm lẻ vẫn chưa thấy ngày về. Không phải là gia đạo không tròn thì là cái gì? Cô và hai cô em dâu, “đêm nằm vuốt bụng thở dài” suốt chừng ấy tháng nay, có chồng mà cũng như ở giá không phải tình duyên lận đận thì là cái gì?

Cô có vẻ hậm hực:

— Chắc chị em tụi con bị trời trả báo.

Bà Giáo Thế liếc qua cô Hai Ngọc Sương. Ngó thấy bộ mặt cau có của cô, bà mỉm cười. Nói chuyện thiên hạ sao mà đụng tới mối thương tâm của nó làm chi vậy kìa? Thiệt thấy tụi nó cũng tội nghiệp, một đứa con ruột, hai đứa con dâu, đứa nào đứa nấy cũng còn xuân mơn mớn, vậy mà chồng một nơi, vợ một nẻo.

Bà Giáo Thế cúi mặt xuống, làm bộ quan sát tỉ mỉ tám lá chuối. Cũng may, đứa nào đứa nấy đều biết giữ cái đạo vợ nghĩa chồng. Không có đứa nào lộn nài tháo ống, đánh đôi đánh đọ đi ngang về tắt, hốt tro hốt trấu vãi vô bàn thờ ông già tụi nó...

Bà cất giọng hiền hòa:

— Hai à, má nói đây là nói cho hoàn cảnh của cô Hai Xiêm, chứ má không có ý xiên xẹo gì tới con hết. Con đừng

có tự nhiên mà quơ vô mình rồi sanh buồn, sanh giận.

Cô Hai Ngọc Sương chưa kịp nói gì thì chợt nghe một tiếng cười lớn ở sau lưng. Cô Tư Tùng, con dâu út của bà Giáo Thế, một tay bưng rổ khoai mì, một tay cầm cái bàn bào, xăng xái bước tới. Cô ngồi xuống bên cạnh bà Giáo Thế, giọng cô hơi chua, chớ không thanh tao như cô Hai Ngọc Sương:

— Thấy má với chị hai ngồi ngoài này, con cũng xách ra đây làm cho vui.

Bà Giáo Thế vui vẻ:

— Ủ, mài khoai mì con phải để ý một chút. Ba con ổng không ưa mấy cái xơ khoai mì còn lợn cợn trong bánh.

Cô Tư Tùng dạ một tiếng nhỏ, rồi cặm cùi mài khoai mì. Cô nói là “ra đây làm cho vui”, nhưng cô làm thỉnh làm thế, bậm môi trợn mắt đẩy củ khoai trên cái bàn bào. Cô vốn ít nói.

Bà Giáo Thế, dường như, chợt nhớ ra điều gì:

— Ờ, ngày mai có chú Năm mấy con về dự đám giỗ...

Cô Tư Tùng ngưng tay. Cô Hai Ngọc Sương hỏi mau:

— Sao má biết?

Bà Giáo Thế trả lời huyên đãi:

— Chú Năm có viết thư cho má. Má tính nói cho mấy con biết, nhưng lại hụi cứ quên hoài.

Hai mắt cô Hai Ngọc Sương quắc lên. Cô cười lạt một tiếng, rồi gay gắt:

— Chú về đây làm gì? Chú vô trong này, ngồi ở địa vị cao lúc ba còn sống. Năm, sáu năm trời, chú không bước chum về cho ba thấy mặt. Bây giờ, ba chết rồi, chú còn trời

đâu về đây làm gì? Tình nghĩa gì đó mà về? Anh em ruột mà cư xử với nhau đâu khác thể người dưng...

Bà Giáo Thể cau mày. Bà hít vô một hơi dài. Bà tính sẽ giải thích dài dòng cho cô Hai, nhưng không biết nghĩ sao, bà nói gọn:

— Con đừng có giận dỗi quá mà sanh ra nóng nảy, nói một hồi thành ra hỗn. Chuyện này là chuyện của người lớn. Ba con chết rồi, còn có má. Tuy là đồn bà nhưng má cũng biết phải dạy trở ra sao.

Cô Hai Ngọc Sương vẫn còn tức bực:

— Chuyện gì giữa ba với chú Năm, con không cần biết tới. Nhưng, chú đã không ngó mặt tới ba. Tối chừng ba chết, chú cũng không thèm về dòm cái quan tài của ba, ném cho ba một cục đất. Bây giờ, mắc mớ gì mà về?

Bà Giáo Thể đồng dặc:

— Má cũng muốn gặp mặt chú Năm một lần...

Cô Tư Tùng chớp mắt. Cô nhỏ nhẹ, nhưng giọng cô vốn đã chua, lại trở nên chua hơn:

— Con là con dâu. Cái chuyện gút mắc trong gia đình nhà chồng, con không có quyền xen vô...con chỉ xin má có một điều... Bà Giáo Thể chặn lại:

— Từ trước tới nay, má vẫn coi con như con gái của má. Chị Hai vẫn coi con như em ruột. Con đâu phải là người ngoài mà không có quyền bàn chuyện gia đình.

Cô Tư Tùng không để ý tới lời của mẹ chồng. Cô nói tiếp những điều còn lở dở:

— Con chỉ xin một điều...là...tiếp chú Năm là chuyện của má. Má đừng có kêu con ra chào chú làm chi. Chồng con ở tù. Cha của mấy đứa con của con ở tù. Con không có

chào hỏi chú được.

Giọng cô trở nên chắc nịch:

— Lẽ ra, có mặt chú trong nhà, con không nên dặt tụi nhỏ về đây. Nhưng, đám giỗ đầu của ba mà con không về thì thiệt là lỗi đạo...

Bà Giáo Thể nhìn sừng dừa con dâu. Thiệt đúng là cóc mở miệng. Ngoài mặt nó coi bộ hiền lành mà sao trong bụng nó chắc khư vậy kìa? Mà làm sao trách nó được. Chồng nó bị bắt đi cải tạo, mà bây giờ bắt nó ra chào hỏi, xưng con xưng cháu với cán bộ cấp cao, làm sao nó vừa dạ. Tuy nó là dâu con, nhưng làm sao ép bụng nó được...

Bà Giáo Thể thở dài:

— Các con muốn sao, má để mặc tình mặc ý các con. Nhà mình, hồi trước tới giờ, trên kính dưới nhường đã quen. Má có cái ý của má. Má không thể đem cái ý riêng ra mà rúng ép các con được...

* *

Người đàn ông hơi khựng lại khi bà Giáo Thể nói:

— Chú cũng nên vô thắp cho anh chú một cây nhang.

Bà Giáo Thể nói bằng thái độ hết sức nghiêm trọng. Mặt bà lạnh lẽo, hai mắt bà sáng rực. Cái vẻ niềm nở, vui vẻ mới rồi của bà đã biến đâu mất tiêu. Bà nhắc lại như ra lệnh:

— Chú Năm, chú vô thắp cho anh chú một cây nhang.

Năm Lâm, tên người đàn ông, em ruột của ông Giáo Thể, riu riu bước tới trước bàn thờ anh. Bà Giáo Thể đứng bên góc bàn thờ, bà rút một cây nhang, đưa lên ngọn đèn cây đang cháy sáng. Bà lấy tay quạt tắt ngọn lửa trên đầu cây nhang rồi mới đưa cho Năm Lâm. Năm Lâm cầm lấy

cây nhang, hơi ngần ngừ một chút. Lão tính xá qua loa lấy lệ, nhưng ánh mắt của bà Giáo Thể làm lão rùng mình. Lão xá ba xá, cúi đầu thiết thấp. Lão vừa ngước mặt lên, bà Giáo Thể chỉ tay vô bàn thờ cha chồng. Giọng bà sắc lạnh:

— Gần bốn chục năm rồi, chú chưa thấp cho ba được một cây nhang. Hồi ba nằm xuống, chú ở cách đó có một con sông, vậy mà dây rơm mủ bạc của chú không có người đội. Năm Lâm cúi mặt. Lão có cảm tưởng như bà Giáo Thể đang thay mặt những người đã chết trong gia đình lão mà trách cứ lão. Lão bước lại bàn thờ cha như một cái máy. Lần này, tự tay lão lấy nhang... Bà Giáo Thể ra ngồi trên cái di-van. Bà chỉ tay mời Năm Lâm ngồi vào cái ghế cạnh bàn nước. Năm Lâm nhìn một vòng quanh nhà. Lão ngạc nhiên khi thấy nhà cửa vắng hoe. Lão ngáp ngừng:

— Bữa nay đám giỗ ảnh, mà sao tụi nhỏ không có đứa nào về? Bà Giáo Thể đồng dặc:

— Tui đuổi tụi nó về hết rồi. Bữa nay, chú về đây. Chuyện của người lớn, không nên để cho tụi nó biết làm gì. Thiết ra, bà Giáo Thể vừa nói láo. Cô Hai Ngọc Sương, sau khi ra bàn thảo với cô Ba Hòa và cô Tư Tùng, đã đề nghị với bà Giáo Thể là nên cúng sớm. Sau đó, cả ba cô đã dắt hết đám con, dọn hết thức ăn qua nhà cô Hai Xiêm...

Năm Lâm nói nhỏ:

— Tôi về đây để cúng anh và thăm chị với mấy cháu.

Bà Giáo Thể cười lạt:

— Cám ơn chú. Tiếc rằng anh chú đã không còn.

Giọng bà mỉa mai, cay đắng:

— Chú đợi tới ngày giờ này mới về là phải lắm rồi.

Năm Lâm có vẻ bối rối:

— Bộ chị muốn nhắc lại chuyện xưa...

Bà Giáo Thế cười chậm rãi:

— Tui già rồi, lại là phận đờn bà, chuyện thời thế bây giờ, tui biết gì mà nói. Vả lại, tui với chú, gần bốn chục năm không gặp, không nhắc chuyện cũ nói với nhau thì nói chuyện gì bây giờ?

Năm Lâm bỗng trở nên tức bực ngang xương. Sắc mặt của lão chột tái lại. Lão đứng dậy, đi qua đi lại, hăm hừ:

— Người cần nhắc tới chuyện cũ là tôi đây nè, chứ không phải là chị. Chị sướng quá mà. Cái nhà hương hỏa từ đường này, chị ở từ hồi mới bước chân về làm vợ anh Hai, cho tới ngày giờ này. Chị có bị đánh đuổi ra khỏi nhà như con chó như tôi vậy đâu? Chị có bị cấm chỉ bước chân lên phén về tới hàng rào như tôi vậy đâu.

Bà Giáo Thế cười nhẹ:

— Đó, chú thấy chưa? Nỗi hậm hực còn ấp lăm trong bụng chú. Tui không nhắc lại chuyện cũ làm sao mà chú nói ra cho hết được.

Giọng bà trở nên ngậm ngùi:

— Hồi đó, tóc chú đen mượt rậm rì, chứ đâu có còi cọc mà bạc trắng như bây giờ. Da dẻ chú cũng vậy, hồng hào láng lẩy chứ đâu có mét chằng mét uống như vậy.

Năm Lâm quắc mắt:

— Chị nói như vậy là có ý gì? Bộ chị muốn nói rằng tôi đem cái thân tàn ma dại về mà triển lãm trước mắt chị đây sao? Bộ chị quên rằng tuy không được thanh thoi ngồi một chỗ, hưởng nhàn suốt mấy chục năm như anh chị, nhưng tôi đã làm được những điều mà tôi muốn sao? Chỉ vì những điều mong muốn đó mà tôi đã bị anh Hai đánh đuổi ra khỏi nhà. Lại còn bị ba hứa theo anh Hai mà cấm tôi không được

bén mảng về tới hàng rào.

Năm Lâm càng nói càng giận dữ một cách kịch liệt. Lão vung tay giậm cẳng đùng đùng. Bà Giáo Thế vẫn điềm tĩnh. Mặt bà không lộ một chút xúc động nào. Bà còn lấy một miếng trầu, bỏ vô miệng, nhai chóp chép.

Năm Lâm chỉ vô mặt bà Giáo Thế:

— Cả chị cũng vậy. Anh Hai vác đòn gánh đánh tôi, cũng có mặt chị ở đó mà. Chị có thèm hé miệng can được một tiếng nào đâu. Bà Giáo Thế vói tay lấy cái ống nhỏ và phun một bãi nước cốt trầu vô miệng ống nhỏ. Bà cười nửa miệng, không thèm nói một câu. Năm Lâm lại đi tới đi lui một hồi. Không biết tại sao, tự nhiên, lão khe khẽ thở dài. Giọng lão trở nên nhỏ nhẹ:

— Xin lỗi chị. Lẽ ra tôi không nên giận dữ với chị. Hồi đó, anh Hai ảnh không nhìn được biến chuyển của bánh xe lịch sử, ảnh không thấy được yêu cầu của cuộc cách mạng vô sản. Ảnh vẫn nắm lấy ba cái tư tưởng phong kiến lạc hậu. Bởi vậy mà ảnh mới cư xử tàn tệ với tôi.

Giọng lão càng lúc càng lớn hơn:

— Bây giờ thì rõ ràng rồi đó, bánh xe lịch sử chuyển vận và nghiền nát tất cả những trở ngại trên đường. Cuộc cách mạng vô sản thành công. Tôi là thằng con bị coi là ngổ nghịch trong gia đình, nhưng đối với đất nước...

Bà Giáo Thế nhỏ nhẹ:

— Chú muốn nói rằng chú có công lớn với đất nước phải không? Chú muốn về đây nói trước bàn thờ của anh Hai chú điều đó, phải không? Tại sao chú không nói với ảnh lúc ảnh còn sống? Chú về đây, năm, sáu năm ảnh mới chết mà.

Bà Giáo Thế hỏi luôn một hơi. Giọng bà không gay gắt,

mặt bà vẫn hướn dài, nhưng khiến cho Năm Lâm bối rối. Bà Giáo Thể nói bằng một giọng đều đều:

— Chú nói anh chú là phong kiến lạc hậu. Cái gì là phong kiến lạc hậu? Giữ cái đạo lý làm người là phong kiến lạc hậu à? Dạy cho em út, con cái biết hiếu, biết lễ, biết kính, biết nhường là phong kiến lạc hậu à? Anh chú là thầy giáo mà. Anh đâu có thể dạy cho học trò trở thành “vô phụ vô quân”...

Đôi mắt Năm Lâm rục lên. Bà Giáo Thể không để cho lão kịp phản ứng. Bà nói tiếp liền:

— Nhờ ảnh dạy dỗ, mà nhà này ngày hôm nay mới còn thuận thảo, êm ấm như vậy. Dâu, con của tui biết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. Trong khi bao nhiêu gia đình khác đã tan nát hết rồi. Anh Hai của chú là người tâm thường lắm. Ảnh không có cái chí tranh bá đồ vương gì hết, ảnh chỉ muốn giữ cái đạo lý làm người. Ảnh lại làm thầy giáo, ảnh giữ cái đức của ông thầy. Bà Giáo Thể đứng dậy. Bà bước lại cái bàn. Bà rót một ly nước và cầm đưa cho Năm Lâm:

— Chú uống vài hớp nước cho khỏe.

Năm Lâm lúng túng cầm ly nước. Bà Giáo Thể trở lại, bỏ bộ ngồi thiết gọn lên mặt di-van. Bà cười cười:

— Bị chú nói, tui mới nói. Hồi ảnh còn sống, chú về đây thăm gần hết cả làng, mà không có ghé vô nhà nhìn mặt ảnh, tui không có thắc mắc. Ba chú chết, ở cách sông, chú còn không thèm về mà, hà huống gì anh chú. Nhưng, ngày hôm nay chú về, tui mới thắc mắc. Có phải là chú đợi tới cái lúc ảnh không còn mở miệng được chú mới về để nói cái sự thành công của chú hay không?

Đôi tròng mắt của Năm Lâm xoay đảo thiệt mau. Lão lúng túng:

— Tôi...tôi...tôi nói rồi, tôi về đây là để thăm chị và mấy cháu.

Bà Giáo Thế không cười nữa. Giọng bà lạnh lùng:

— Cái chuyện thăm viếng, từng này tuổi rồi, tui cũng hiểu mà. Tự bụng chú, chú cũng hiểu mà. Ngày hôm qua, con Hai nó nói là tình nghĩa gì nữa mà thăm với viếng, tui đã rầy nó hỗn. Nhưng, không phải là nó nói không có lý.

Bà Giáo Thế chỉ tay vô bàn thờ của chồng, bàn thờ của cha mẹ chồng:

— Nhà này là nhà từ đường hương hỏa của dòng họ chú. Nếu trong thâm tâm chú. Chú coi là chú đã thành công trong chí hướng, đã có công lớn với đất nước, tại sao chú không về cáo từ đường ngay khi chú trở về Nam liền đi? Hay bây giờ, tại sao chú không làm đi? Đợi tới tui nhắc chú mới cầm tới cây nhang.

Bà buông thông một câu:

— Thành công hay thất bại, tự bụng chú, chú biết mà. Năm Lâm ngồi phịch xuống ghế. Lão có cảm tưởng như bà chị dâu của lão đã chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ này lâu lắm rồi. Lão lắp bắp:

— Chị...chị...chị đừng có coi tôi như người thù...

Bà Giáo Thế cướp lời:

— Nếu coi chú như người thù thì nãy giờ tui làm thinh. Mấy chục năm trời, tui cứ nghe anh Hai chú nói đi nói lại hoài. Ảnh nói tuy chú với ảnh, đường ai chí nấy, nhưng lúc nào chú cũng là em của ảnh...

Năm Lâm lại cúi mặt thở dài. Bà Giáo Thế ngó chăm chăm vô mặt Năm Lâm, gằn giọng:

— Chú có biết anh chú nói cái gì khi ông sắp mất

không?

Không đợi cho Năm Lâm kịp hỏi, bà trả lời luôn:

— Anh nói, cách mạng mà như vậy, gần bốn chục năm đeo đuổi cách mạng, nó làm sao dám ngó mặt tui... Anh Hai chú có hiểu bụng chú không? Chú nghĩ lại đi...

Nói tới đây, hình như động mối nhớ chồng, bà Giáo Thế rơm rớm nước mắt:

— Nhắc tới chừng nào, tui thương anh chú chừng nấy. Tui mà còn ráng sống đây là vì một đám con dâu, con có chồng mà như ở giá, còn một đám cháu nội, cháu ngoại như không có cha...

Nước mắt bà chảy dài. Bà bệu bạo:

— Chú còn hờn giận anh Hai chú lắm. Nhưng, tự bụng chú, chú cũng phải biết mà. Hồi đó, mười bảy, mười tám tuổi, chú có thể không biết. Chớ bây giờ, gần sáu chục tuổi rồi, không lẽ chú nhìn không ra là cái chuyện anh Hai chú đánh đuổi chú với chuyện chú đi làm cách mạng nó không ăn nhập gì với nhau hết.

Năm Lâm xuôi xị:

— Thôi, tôi đã không muốn nhắc tới chuyện cũ nữa rồi. Chị cũng không nên...

Bà Giáo Thế vẫn chưa chịu im:

— Đã nói thì phải nói cho hết. Chú đem truyền đơn về dấu trên chái bếp, nửa đêm nửa hôm, chú đi tiếp tay cho thằng Tư Cội đốt lùm lúa của ông Chủ Thìn, tui biết hết, tui có mét với anh chú hết, nhưng ổng đâu có đánh chú cái nào, ảnh chỉ khuyên chú nên suy nghĩ kỹ trước khi ra tay... ảnh đánh chú là vì...

Năm Lâm ôm đầu, rên rĩ:

— Thôi...thôi...

Bà Giáo Thế tàn nhẫn, giọng bén như dao xắt chuối:

— Chú không đợi linh mẹ cha, vụng trộm với con gái ông Tám Hóa, con nhỏ có thai, chú lại chú mắc đi làm cách mạng, chú không chịu cưới. Con Hai Thơm thất cổ tự tử, một mạng thành hai. Tám Hóa uống say, nhẩy xuống sông chết theo con. Anh Hai chú đánh đuổi chú, là vì chú vin vô cái cơ cách mạng để phụ bạc, hại chết hai mẹ con Hai Thơm và Tám Hóa...

Mặt Năm Lâm xanh ngắt không còn hột máu, như người chết rồi. Giọng bà Giáo Thế vẫn sắc lẹm bên tai Năm Lâm:

— Cũng như thằng Tư Cội. Nó lén xúc lúa của ông Chủ Thìn đem bán, lấy tiền tổ chức nhậu nhẹt, đồn địch ca xang. Ông Chủ Thìn đánh nói vì tội ăn trộm. Nó bỏ đi làm cách mạng, về đốt lumm lúa của ông Chủ Thìn. Bây giờ, nó về ngồi cao ở tỉnh. Nó về đây, nó lấy chum đập lên mộ bia của ông Chủ Thìn. Cách mạng là vậy đó sao, chú?

Bà Giáo Thế bồng giận dữ, bà đập tay trên mặt di-van dùng dùng. Bà hét lên ong óng:

— Có phải ngày giờ này chú tính về đây để lấy chum đập lên mộ bia của chồng tui không? Chú tưởng tui là đồn bà, tui không nhìn ra bụng dạ của chú à. Chú có giỏi sao chú không đập lên mộ bia của con Hai Thơm, của Tám Hóa kia. Họ chết tức, chết tuổi quá mà...

Bà Giáo Thế bật khóc lớn. Dường như những điều bà vừa nói, vừa làm, đã quá sức chịu đựng của bà. Năm Lâm bật khóc theo. Nước mắt cũng chảy dài trên đôi gò má nhăn nheo của lão. Lão cố dần tiếng nấc:

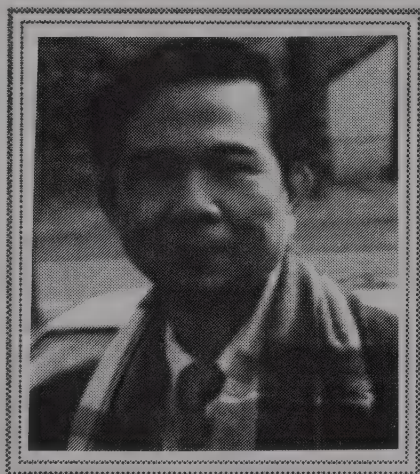
— Em hiểu hết, chị Hai à. Chị nói đúng, em phải đợi anh Hai chết rồi, em mới dám về. Em về để xin chị bao

dung, tìm một chỗ đứng trong nhà từ đường, chớ không về để lên mặt bĩ thữ với hương hồn của anh Hai đâu.

Bà Giáo Thế chỉ tay ra ngoài sân:

— Một bầy cháu con của chú đang đứng ở cách hàng rào kia kia. Tội nó có ra mặt nhìn chú hay không là tùy ở bụng chú. Không biết nghĩ sao, Năm Lâm bước tới bàn thờ ông Giáo Thế. Lão thắp ba cây nhang, cắm lên bát nhang. Lão quì xuống. Mặt lão cúi gằm. Hai vai lão rung rung...

NGUYỄN ĐỨC LẬP



SƠN TÙNG

Tên thật là NGUYỄN MINH NGỌC

Trước ngày 30-04-1975 , Luật Sư tại Sài Gòn.

Hiện định cư tại Virginia, Hoa Kỳ.

Các báo cộng tác: Quan Điểm, Văn Nghệ Tiền Phong, Tiểu Thuyết Nguyệt San (dưới nhiều bút hiệu khác nhau)

CON ĐƯỜNG LÁ ME

Khi mùa mưa vừa dứt, Sài Gòn có những buổi chiều rất đẹp, lúc mà những con đường phủ đầy lá me không còn sũng ướt vì những cơn mưa nối tiếp, bắt đầu khoác một vẻ hoang đường trong ánh nắng mật ngọt của mặt trời miền Nam dường như không còn sức nóng. Không khí Noel đã phảng phất khắp nơi, người ta bỗng cảm thấy tăng thêm cái thú ngồi nơi một quán cà phê ở góc phố, cổ hơi rút lại trong những cơn gió gầy gầy lạnh từ phương Bắc thấm vào, mắt hút theo từng tà áo quỳên bay bên những vành xe đạp khời dậy biết bao cảm xúc.

Mấy năm nay thành phố này đã trải qua nhiều lần thay da đổi thịt quận đàu. Phố xá nay thiếu vắng nhiều những tà áo dài gợi cảm, những bước chân tíu tít, những tiếng cười đông vui, nhưng những con đường phủ đầy lá me vẫn còn đó, những vành xe đẹp chuyên chở bao tự tình lại tăng lên, và ánh nắng dường như chính là ánh nắng mơ hồ của một buổi chiều nào đó trong dĩ vãng...

Tôi đã gặp Lê Trí vào một buổi chiều như vậy. Hắn rà rà cặp chiếc xe đạp vào sát lề đường:

— Cho bơm nhờ anh Hai chút!

Tôi không ngược lên nhìn hắn, cúi húi lộn lại sợi dây sên xe đạp. Tôi biết hắn lấy ống bơm và để kệ hắn. Một lúc

sau hấn để trả lại ống bơm, thay vì cảm ơn hấn nói:

— Chà, buổi chiều đẹp như vậy mà cứ phải cầm cổ lao động thì thật là phí!

Tôi ngược lên, bắt gặp một gương mặt gần như hình vuông, lõm chồm râu ria và một mái tóc bù xù đốm bạc. Tuy vậy, hấn có vẻ chưa già. Hấn giương cặp mắt ốc nhồi nhìn tôi trân trân, mồm há ra trong đó thiếu một cái răng cửa nơi hàm dưới. Bỗng hấn ngửa cổ cười ngất. Đến lượt tôi lạ lùng nhìn hấn:

— Trời ơi! Hấn vừa cười vừa nói. Cứ cười hoài như vậy chắc có ngày tôi cũng hóa điên mất! Ha ha ha! Bác sĩ đập xích lô, giáo sư đi gánh thuê vác mướn, tiến sĩ cử nhân đứng chợ trời...bây giờ tới luật sư sửa xe đạp! Hô hô hô! Ông không nhìn ra tôi ư?

Tôi nhìn hấn, moi óc cố nhớ coi hấn là ai nhưng đành chịu.

— Ông không nhìn ra tôi cũng phải. Hấn đã ngưng cười, nói tiếp. Mấy năm nay cái gì cũng thay đổi cả, dù là gương mặt con người. Đã lâu tôi không soi mặt trong gương, nhưng thỉnh thoảng bắt chợt gặp cái mặt mình xuất hiện nơi một tấm kiếng nào đó tôi đều không tránh khỏi giật mình tưởng như trông thấy một người nào khác, hay một cái đầu khác gắn trên cần cổ của mình...

Hấn ngồi xuống một cục u lồi ra nơi gốc cây me già bên cạnh tôi. Cây me rất lớn, có nhiều loại chùm gởi sống bám dọc trên thân vỏ xù xì rêu phong. Hấn lấy trong túi áo ra một chiếc hộp thiếc cũ rỉ, moi ra một miếng giấy báo nhỏ vò vò trong tay.

— Ông luật sư có hút với tôi một điếu thuốc rê xã hội chủ nghĩa không ạ? Hấn vừa vắn một điếu thuốc vừa nói.

— Xin cảm ơn. Tôi dùng thứ này! Tôi chỉ chiếc điếu

cây để cạnh thùng đồ nghề.

— Khỉ thật! Đời sống có thể phi lý và bi thảm như vậy sao? Hấn cầu nhàu bằng một thứ giọng Huế đặc sệt. Trước đây mình chống lại những điều xấu xa trong xã hội vì muốn cuộc sống tốt đẹp hơn. Nhưng rồi bỗng tất cả đều đảo lộn và cuộc sống trở nên như thế này đây! Hừ, tôi có điên khùng không khi đâm vào mặt tên đại tá tham ô và lộng hành? Không! Lúc ấy tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng hành động đó sẽ đóng góp vào việc thúc đẩy cải thiện một xã hội đang bị một số kẻ quyền cao chức trọng nhưng tồi tệ đẩy tới nguy cơ băng hoại. Tôi rất khâm phục và vô cùng phấn khích khi được ông đứng ra tận tình biện hộ, bất chấp mọi áp lực và không lấy một đồng xu thù lao nào. Tôi hiểu rằng hành động như vậy ông đã tin tưởng vào một nền công lý tuy chưa toàn hảo nhưng cũng dành cho con người một phương tiện tranh đấu cho nhân phẩm và lẽ phải. Vậy mà kết cuộc là như thế này chẳng phi lý và bi thảm hay sao?

Tôi không nhớ Lê Trí thật là bậy, dù vụ án đó xảy ra đã trên mười năm và từ đó tôi ít có dịp gặp lại người thân chủ cũ. Hồi ấy hấn là một ký giả thuộc nhóm tranh đấu, nổi tiếng là một thứ “trâu điên”, đâm húc lung tung.

— Quả thật ông đã thay đổi khá nhiều đấy ông Trí ạ. Tôi nói. Mấy năm nay có rất nhiều điều khiến con người khó mà không thay đổi. Nhưng điều quan trọng là ta có giữ được tinh thần cho khỏi sụp đổ hay không? Đời sống có nhiều điều bi thảm và phi lý thật, nhưng những gì ta đã làm để đóng góp cho sự tốt đẹp của đời sống không bao giờ vô nghĩa hay vô ích, nó sẽ còn mãi cùng với đời sống, làm cho đời sống bớt màu đen tối và đáng sống hơn.

— Ít người nghĩ như ông lắm. Ai ai cũng như đang chìm trong đáy giếng tuyệt vọng, tự nguyện rửa mình, hay tự lừa dối mình bằng những ảo tưởng.

Một cơn gió thổi lùa những chiếc lá me lăn tăn trên mặt đường chạy đuổi theo nhau như những gợn sóng của một con sông nhỏ.

— Lại sắp Noel rồi thì phải? Khỉ thật! Không khí này cứ bắt mình nhớ lại dĩ vãng. Hấn nhìn quanh. Tôi muốn mời ông một ly cà phê, ta sẽ nói chuyện lâu lâu một chút. Cái quán bên kia đường coi bộ được đấy. Ông có phải giao chiếc xe này gấp không?

— Chiếc xe này của một người ở gần đây, lúc nào tôi giao cũng được.

Hấn đứng lên hỏi tiếp:

— Ông có phải đẹp đồ nghề không?

— Không cần. Tôi lắc đầu. Ngồi bên đó mình có thể trông chừng được. Tôi đứng dậy, chùi tay vào một miếng dẻ.

Quán cà phê nằm trong sân một ngôi biệt thự cổ có dàn hoa hoàng lan trước cổng, bàn ghế đủ loại được bày trong sân và vài cái ở ngoài bức tường gạch cũ kỹ rêu phong. Chủ quán là một cô gái có bộ ngực lép xẹp nhưng một đôi mắt to đen khiến người ta liên tưởng tới hai hột nhãn... Một loại tiểu thư bị cơn gió cách mạng thổi ra ngoài cửa ngõ. Đây là một quán cà phê “chui”, không có bằng hiệu. Lê Trí gọi hai tách cà phê “phin” và hai điệu 555.

— Không nên hút thuốc rê ở đây! Hấn nói. Mình cũng tựa hồ như bị bắt buộc phải ở chung với một thằng hôi nách, lâu lâu phải giải phóng cái lỗ mũi một chút để tiếp tục chịu đựng cái mùi khó ngửi. Thú thiệt gặp ông tôi rất ngạc nhiên, ngạc nhiên thấy ông sửa xe đạp thì ít vì chuyện ấy ngày nay cũng không còn lạ nữa, nhưng tôi tưởng ông phải đi đâu rồi kia chứ!

— Đi đâu? Tôi làm ra vẻ nghiêm trang. Đất nước mình

bây giờ hòa bình, độc lập, tự do rồi. Sao lại phải đi đâu?

Hắn nhìn tôi dò xét rồi khẽ bật cười:

— Minh bây giờ trở thành kịch sĩ bất đắc dĩ cả!

Cô tiểu thư hết thời đem cà phê và thuốc lá ra. Cô ta trang điểm đơn sơ và mặc một chiếc áo bà ba trắng có điểm những bông hoa nhỏ màu lam rất dễ thương. Có mùi hoa ngọc lan phảng phất trong không khí.

— Ông có bị đi cải tạo không? Lê Trí hỏi trong lúc giúp tôi mời thuốc lá.

Tôi lắc đầu.

— Không à? Xin chúc mừng ông. Hắn gật gù. Ngày nay vào ngồi tù cũng dễ và bất ngờ như mắc phải một chứng đau bụng tháo dạ đây. Khó mà đề phòng lắm. Minh cẩn thận đến đâu cũng có lúc mắc phải. Chỉ cần một chút xúi xẻo hay sơ ý.

Có một người lạ mặt từ bên kia đường băng ngang, với chiếc áo sơ mi trắng cụt tay không ủi bỏ ngoài có vẻ một cán bộ. Lê Trí cố ý nói lớn:

— Thí dụ một con ruồi, hay cầm một miếng bánh mà quên rửa tay... Mấy năm nay tôi gần như mắc bệnh tháo dạ kinh niên.

Tôi cố nín cười. Người có vẻ cán bộ đã đi xa. Lê Trí thản nhiên nói tiếp:

— Tôi ở trong tù nhiều hơn là ở nhà, hết nhà tù này tới nhà tù khác. Chà! Phải chi tôi là một người kể chuyện có tài, và nếu không bị khóa miệng, tôi sẽ kể được hơn một ngàn lẻ một chuyện... Hôm nay tình cờ gặp ông, tôi xin kể hầu ông một câu chuyện mà tôi thiết nghĩ một luật gia như ông mà không được nghe thì rất uổng. Và lại không khí này cũng gợi cho tôi nhớ tới câu chuyện ấy. Tôi không muốn

để dịp khác vì ngày nay người ta ít có dịp gặp lại nhau lần thứ hai lắm.

Lê Trí nhắc cái “phin” ra khỏi tách cà phê, xúc đường.

— Năm ngoái, tôi ở nhà một người bạn. Hắn bắt đầu kể trong lúc quây cho tan đường. Anh ta dự tính vượt biên cùng với tất cả vợ con nên nhờ tôi coi dùm nhà để phòng khi thất bại trở về còn có chỗ ở. Tôi chỉ có nhiệm vụ giữ căn nhà càng lâu càng tốt, đừng để bị tịch thu. Anh bạn tôi đi được vài ngày thì bọn công an đánh hơi được ngay. Chúng đòi đuổi tôi ra để chiếm nhà, lấy đồ đạc. Tôi áp dụng chiến thuật mềm dẻo và cù nhầy. Chiến thuật này có hiệu quả lắm. Không đuổi tôi ra được, chúng cho một đám bộ đội vào ở phía dưới còn tôi thì ở trên gác. Tôi có tật hay la hét trong khi ngủ mê làm bọn bộ đội rất bức mình vì bị mất ngủ. Tôi dọa chúng là nhà có ma, đêm đêm tôi la hét vì bị ma nhát. Do vụ này mà tôi bị bắt bị đánh gãy hết một cái răng và bị đưa đi cải tạo. — Lê Trí há miệng chỉ vào cái răng gãy. Chắc ông chưa quên trước kia tôi là thằng chỉ trích mạnh nhất việc tra tấn tội nhân cùng những chuyện bê bối trong các nhà tù. Nay thì tôi đã được trả công! Hừm!

Lê Trí nâng tách cà phê:

— Mời ông! Chà, cà phê quán này được đấy chứ! Cà phê bây giờ không còn hương vị như xưa nữa, họ pha trộn tùm lum. Như vậy là khá lắm rồi. Hà, để tôi nói tiếp ông nghe. Tôi vào trại ít lâu, nhờ kinh nghiệm ở tù tôi chạy được một chân làm việc tại nhà bếp. Ai biết được tình trạng thiếu ăn trong các nhà tù bây giờ ắt hiểu rằng bất cứ tên tù nào cũng ao ước địa vị của tôi. Đúng vào hôm tôi xuống nhà bếp, người ta đem xử bắn ba tù nhân. Một ông linh mục và một người đàn bà can tội tham gia tổ chức phản cách mạng, người thứ ba can tội giết cả một gia đình năm người để chỉ cướp được một lượng vàng. Việc hành hình

trong trại giam không phải là chuyện lạ nhưng nó luôn luôn gây ra một sự xúc động trong tù nhân. Điều kỳ cục trong vụ này là kẻ tỏ ra xúc động nhất không phải là một tù nhân mà lại là một chú bộ đội. Đó là một gã người miền Nam chưa quá hai mươi tuổi, dân Sài Gòn chính cống, có học. Tôi bắt gặp gã ngồi rúc trong một xó sau nhà bếp, không nói không rằng, hút thuốc lá và khạc nhổ liên miên. Từ đó tôi để ý thấy mỗi khi có hành hình tội nhân, thằng bộ đội này đều có thái độ như vậy. Có khi ngoài khạc nhổ và hút thuốc lá, gã còn uống cả rượu. Tôi tò mò tìm hiểu nhưng phải hai tháng sau mới cạy được răng gã. Đó là một ngày mưa gió, năm người bị đem ra hành hình một lượt. Không biết thằng nhỏ kiếm rượu ở đâu, uống đến nằm vùi một xó như con chó phải dùi. Không còn chịu nổi những đòn tấn công tâm lý của tôi, gã đã tuôn ra hết những gì gã đang cố giấu kín trong lòng. Để tôi nhớ xem gã đã nói với tôi như thế nào? Lê Trí uống một hớp cà phê. Phải đứng vào vai trò của tên bộ đội mà thuật lại thì câu chuyện mới sống thực và diễn tả được tâm trạng của nó. Đây này, tôi cam đoan không khác lắm với những gì gã đã nói với tôi:

“Em buồn lắm anh ạ. Em đã nộp đơn xin đổi đi nơi khác, em chỉ mong sớm được ra khỏi nơi này. Tuổi trẻ còn mang lý tưởng trong sáng, còn nhìn đời bằng đôi mắt lạc quan, em không chịu nổi bầu không khí u ám ở đây. Nhất là từ ngày xử bắn anh Sáu Hồ. Anh có nghe nói không? Có ạ? Sơ sơ thôi chứ gì? Để em kể rõ anh nghe. Anh ấy can tội giết chết một đồng chí công an. Khi vào đây, anh ấy như một con thú bị đưa vào lò sát sinh. Cao lớn nhưng tiêu tụy, hai cổ tay lở loét vì bị giữ lâu ngày trong một chiếc cùm lớn bằng gỗ gồm hai miếng đóng dính lại bằng đinh mười phân. Khi ấy em còn phụ trách khu trọng tội. Em rất ngạc nhiên vì tư cách hàng hoàng của anh Sáu Hồ vì em đã được cho biết anh ấy là một tội nhân nguy hiểm, một

cựu du đang đã từng bị chế độ cũ kết án tử hình. Anh ấy không bao giờ gây ra chuyện gì rắc rối, bình thản như một con cọp nuôi lâu đã thuần tánh trong chuồng sắt ở sở thú. Điều làm em ngạc nhiên nữa là thái độ của đồng chí Thủ trưởng hồi ấy, tức là Chú Ba Thới. Ông ấy xuống thăm Sáu Hổ hai ba lần, ngày càng tỏ ra trầm tư khó hiểu. Anh Sáu Hổ thì vẫn không có gì thay đổi, vẫn thản nhiên ăn ngủ, đi lại, tập thể dục, và thỉnh thoảng ngâm thơ nho nhỏ. Nội quy trại không cho tù trọng tội được thăm nuôi, em tỏ ý muốn giúp anh ấy liên lạc với gia đình thì anh ấy lắc đầu.

“Gần tới ngày anh Sáu Hổ ra tòa, ông Ba Thới lại xuống thăm và nói chuyện với anh ấy rất lâu. Khi bước ra, em thấy chú ấy rất buồn rầu. Hình như đêm hôm đó chú ấy thức tới sáng bên bình nước trà đậm.

“Anh Sáu Hổ ra tòa và bị xử tử hình đúng như dự đoán. Tuy nhiên điều ấy hình như không gây ảnh hưởng gì tới thái độ và sinh hoạt của anh ấy hàng ngày. Chú Ba Thới thì ngược lại, ngày càng tỏ ra sa sút tinh thần. Rồi bỗng nhiên trước ngày thi hành bản án anh Sáu Hổ, Chú Ba Thới lên đường đi nhận nhiệm sở khác. Trước khi đi, chú ấy gọi em lên phòng riêng.”

Lê Trí ngưng nói để uống cà phê. Hắn chép miệng mấy cái như để thưởng thức hương vị của cái thứ hột kỳ diệu ấy rồi kể tiếp:

— Tôi quên nói với ông thẳng bộ đội này là cháu kêu Ba Thới bằng chú ruột đấy. Nó nói rằng nó rất kinh ngạc khi gặp Ba Thới. Hắn ta như già thêm hàng chục tuổi, tóc bạc trắng, mắt sâu, má cọp. Ba Thới hỏi dò thẳng cháu coi có biết gì về Sáu Hổ không? Cuối cùng Ba Thới cho thẳng cháu biết hắn xin đổi công tác gấp cũng vì Sáu Hổ. Y không muốn là người thi hành bản án tử hình Sáu Hổ. Y kể rằng trước đây, khi y bị đầy ở Côn Đảo, Sáu Hổ cũng bị đem ra

đó sau khi được hoán giảm án tử hình thành khổ sai chung thân. Sáu Hồ là một du đảng khét tiếng ở Sài Gòn thuở trước. Không biết chữ, hung hăng, phá phách, bất trị. Nói chung là một tên tù nguy hiểm, một con người nổi loạn. Tại Côn Đảo, chính Ba Thới đã cảm hóa Sáu Hồ, đem ý thức cách mạng nhồi nhét cho Sáu Hồ, chứng minh cho anh ta thấy nguồn gốc của mọi khổ đau, của tội lỗi, của nhà tù là một xã hội bất công, người bóc lột người, xâu xé lẫn nhau mà sống như bầy chó sói. Xóa bỏ cái xã hội thối nát ấy đi thì sẽ hết khổ đau, hết tội lỗi, hết nhà tù, con người sẽ sống hạnh phúc trong một thiên đường vĩnh cửu. Khà, khà! Rất hấp dẫn phải không? Sáu Hồ đã bị thuyết phục và mê ngay Ba Thới, tin tưởng hết mình vào những gì người cán bộ cộng sản nói. Anh ta thay đổi thái độ, không còn hung hăng phá phách mà sống rất đàng hoàng, bắt đầu học chữ, nuôi lại hy vọng vào đời sống. Khi hòa bình lập lại, Ba Thới về đất liền nhận công tác, y không quên can thiệp cho Sáu Hồ được trả tự do và trở về đất liền. Lúc ấy khởi phải nói, Sáu Hồ như được sinh ra lần thứ hai và rất tin tưởng vào tương lai, hăng hái đi lập nghiệp tại vùng kinh tế mới. Rồi bỗng nhiên, sau một thời gian mỗi người một ngả, Ba Thới gặp lại Sáu Hồ trong một nhà tù của chế độ mới, với một cảnh ngộ hết sức trớ trêu! Sáu Hồ đã thắng thần cho Ba Thới biết niềm tin vào những điều y nói trước đây đã hoàn toàn sụp đổ. Ba Thới muốn cứu Sáu Hồ thoát khỏi án tử hình bằng cách thuyết phục anh ta khai trước tòa án rằng không có ý giết tên công an và tỏ ra ăn năn hối lỗi, nhưng Sáu Hồ không chịu, anh ta khẳng khẳng tuyên bố là tên công an ấy mười lần đáng tội chết, anh ta không ân hận gì vì đã giết hắn. Sáu Hồ gần như công nhiên thách thức việc xử tử y. Ông nghĩ coi, xử tử Sáu Hồ có khác nào xử tử luôn niềm tin vào những gì Ba Thới đã nói và có thể làm lung lay luôn niềm tin trong lòng người cách mạng vô sản ấy? Những viên đạn bắn vào Sáu Hồ cũng đồng thời

nhắm vào Ba Thới. Rứa đó! Đấy chính là điều đã dày vò và có nguy cơ quật ngã Ba Thới. Vì vậy y đã xin đổi công tác. Trước khi đi, y hỏi thằng cháu có muốn xin ân huệ gì không? Thằng cháu cũng xin được đổi đi nơi khác nhưng Ba Thới chỉ chấp nhận cho hắn đổi xuống nhà bếp, còn việc đổi đi cơ quan khác phải chờ Thủ trưởng mới.

Bổng Lê Trí gọi chủ quán tính tiền. Mãi theo dõi câu chuyện đang hồi lý thú, tôi không để ý đến một thanh niên ăn diện hợp thời trang, áo pull, quần jeans, tóc dài. Vừa ngồi xuống một chiếc ghế bên cạnh. Tôi đòi trả tiền nhưng Lê Trí không chịu, hắn dành phần thanh toán và khi nhận tiền thối lại hắn cúi chào cô tiểu thư có bộ ngực lép một cách khá lịch sự rồi kéo tôi đứng dậy. Vừa đi hắn vừa nói nhỏ vào tai tôi:

— Tôi dám cá với ông, chém chết thằng kia cũng là một con bò vàng (1) trá hình. Chúng hóa trang rất giỏi và trà trộn cùng khắp. Ta trở lại gốc cây me đi, tôi sẽ kể tiếp ông nghe.

Một đám con gái đi học về, cười đùa khúc khích trên đường. Gió lùa những chiếc lá me nhỏ vào trong những mái tóc dài. Những đôi guốc gỗ xinh xắn khua nhẹ trên mặt đường như truyền vào tận trong tim con người bao âm hưởng êm đềm.

— Đẹp hỉ! Quê hương như ri mà khổ đau, mà đầy nước mắt hỉ! Lê Trí ngồi xuống chỗ cũ, nơi cục u lớn dưới gốc cây me già. Tôi kể tới đâu rồi hè? A, nhớ rồi. Tên bộ đội ấy nói rằng hắn cố gọi chuyện Sáu Hổ nhưng chẳng hiểu được gì nhiều. Y chỉ xác nhận những gì Ba Thới đã nói và ngổ ý muốn nhờ gã bộ đội một việc, sau khi y chết thì chuyển giùm về cho một người con gái có tên là Thu Vân một bài thơ, do chính y viết trong khi chờ bị xử bắn. Gã bộ đội đã giữ đúng lời, nhưng thay vì chỉ bỏ bài thơ vào thùng ở bưu

điện, hắn đã lặn lội tới tận vùng kinh tế mới. Theo lời hắn thì Thu Vân còn trẻ lắm và “đẹp như một cô công chúa bị đầy trong truyện cổ tích”. Nàng là con của một sĩ quan “Ngụy” tử trận vào những ngày cuối cùng của chiến tranh, nàng theo gia đình lên vùng kinh tế mới một lượt với Sáu Hồ. Nàng không khóc khi được tin Sáu Hồ đã bị bắn nhưng “tái mét và run bần bật như bị nhúng vào nước đá.” Khi đọc bài thơ thì nước mắt nàng mới bắt đầu tuôn ra “như không bao giờ ngừng, như trong người nàng có một suối nước và chảy ra từ hai con mắt”. Nàng không nói gì về nàng và Sáu Hồ, nhưng dân chúng ở đây đang xầm xì bàn tán rất nhiều về chuyện đó. Thằng bộ đội lưu lại đấy hai ngày và đã tìm hiểu được phần sau của câu chuyện. Hắn nói rằng một người có một dĩ vãng bất hảo như Sáu Hồ mà muốn làm lại cuộc đời không phải là dễ. Có lẽ leo lên núi cao còn không khó bằng. Lúc đầu, dân chúng ở đây đa số còn e dè và nghi ngờ Sáu Hồ. Chỉ có một số rất ít người đem lại cho anh ta một cảm giác nồng ấm tình người, trong đó có Thu Vân. Sáu Hồ thường giúp gia đình nàng những công việc nặng nhọc và tình yêu đã dần dần nảy nở giữa hai người. Một cựu tù nhân “trở về từ cõi chết” và “cô công chúa bị lưu đầy”, một cuộc tình của tiểu thuyết phải không? Chính dĩ vãng của Sáu Hồ đã giữ một vai trò quan trọng trong thảm kịch. Số là người ta bắt đầu nghi ngờ Sáu Hồ khi hoa màu tại các rẫy xa nhà liên tiếp bị mất trộm. Một số kẻ xấu mồm càng ngày càng xầm xì xoi mói tới quá khứ của Sáu Hồ. Sáu Hồ không phải là loại người có thể khoanh tay ngồi yên để chịu tiếng oan như vậy. Anh ta tìm cách tự thanh minh cho mình. Đêm đêm Sáu Hồ nằm rình tại nông trường của Hợp tác xã và cuối cùng đã đụng đầu bọn trộm. Chúng chém Sáu Hồ một dao và chạy thoát thân nhưng Sáu Hồ cũng bắt được một tên. Thật bất ngờ, tên ăn trộm đậu phộng lại chính là em trai của Thu Vân. Hắn tỏ ra hết sức sợ hãi và hối hận, van xin Sáu Hồ bỏ qua vụ

này để danh dự gia đình khỏi bị hoen ố và có cơ hội hồi cải. Sáu Hồ đành để hấn đi, không rõ vì tình yêu, vì muốn làm một cử chỉ anh hùng hay vì kinh nghiệm bản thân đã dạy anh ta rằng một cử chỉ khoan hồng đối với một kẻ phạm tội ban đầu có thể cứu vãn tương lai một người. Sáu Hồ cũng không lạ gì hoàn cảnh khó khăn của gia đình Thu Vân, vì không quen cày cuốc, vì thiếu người đàn ông. Nhưng chính hành động cao cả ấy lại hết sức tai hại cho Sáu Hồ. Tên công an xã đã theo dõi Sáu Hồ từ lâu và không bỏ lỡ dịp lập công. Có một động cơ mạnh mẽ thúc đẩy tên công an loại trừ Sáu Hồ là chính hấn đang ghen tức địa vị của Sáu Hồ trong trái tim cô con gái của viên sĩ quan “ngụy”. Sáu Hồ bị bắt, bị giam tại xã mấy ngày để điều tra với đủ ngón tra tấn dã man, sau cùng bị giải lên huyện, không phải chỉ với tội trộm mà còn bị “tình nghi tham gia tổ chức phản cách mạng, phá hoại chính sách kinh tế nhà nước và tiếp tế cho tàn quân.” Sáu Hồ là con người từng một thời ngang dọc không dễ gì chịu đựng được một sự bức hiếp thô bạo như vậy. Dọc đường lên huyện, mặc dầu bị còng tay, anh ta vẫn có thể đánh chết viên công an và toan đào thoát nhưng bị truy lùng bắt lại.

Lê Trí lại lấy chiếc hộp thiếc ra, vắn một điều thuốc. Tôi hỏi:

— Ông có biết được bài thơ của Sáu Hồ gửi cho người tình không nhỉ?

— À...à...tí nữa thì quên mất! Lê Trí gật đầu. Có chứ! Thành bộ đội có chép cho tôi một bản. Tôi đọc nhiều lần nên cũng nhớ, nhưng không dám bảo đảm đúng 100% với nguyên bản. Để tôi đọc ông nghe. Đọc thôi nhé, tôi không biết ngâm thơ đâu. Lê Trí châm lửa hút một hơi thuốc rê. Bài thơ của một tên tù hai lần bị xử chết, đọc đáo lắm chứ! Hấn nhip đôi dép nhựa cà khổ xuống hè đường. Bài thơ có tựa đề là “Để Lại Cho Em”

Ngày mai anh ra bãi bắn
 Để nhận vài viên đạn vào tim,
 Anh muốn để lại cho em
 Những dòng chữ, không! những giòng máu
 Đã uất nghẹn trong tim anh từ những ngày thơ ấu

*

Dù người ta sẽ bịt mắt anh khi dẫn ra pháp trường
 Không cho anh nhìn lần cuối bầu trời thân thương,
 Nhưng anh vẫn thấy tất cả...
 Anh vẫn thấy em, vẫn thấy tất cả
 Anh vẫn thấy những con đường lá me,
 Ôi! Những con đường lá me!
 Tuổi ngọc ngà em thường đi trong đó,
 Anh đứng ngoài xa lạ như con thú hoang trong thành
 phố,
 Anh vẫn thấy lại tất cả những ước mơ
 Của một đời chỉ bước đi trên đau khổ, hận thù...

■

Người ta sẽ bịt miệng không cho anh nói
 Dù chỉ một lời trần trối
 Trước khi đời đời lặng im
 Nhưng anh vẫn có thể gọi tên em
 Mãi...mãi...như hàng lá me thì thào trong gió...
 Anh vẫn có thể hét lên ngàn lời phẫn nộ!

*Ôi! Cuộc đời sao lắm bi thương! Sao quá chán chường!
Chỉ thương em người con gái rất trẻ
Bị dọa dầy trong niềm đau quê mẹ,
Nắng lửa nông trường đốt cháy tóc xanh,
Sỏi đá ruộng rừng dẫm nát gót chân thị thành...
Thân nhỏ đơn côi mỗi mòn trông đợi
Người tình không bao giờ trở lại
Không bao giờ trở lại
Không còn bao giờ trở lại...*

Lê Trí lặng im chốc lát rồi lắc lư cái đầu như một con gà chọi:

— Con người này có thể đã phạm một số lỗi lầm nhưng tại sao hẳn lại không có quyền được sống, hỉ?... Hẳn trầm ngâm di mẩu thuốc lá dưới chân rồi chột ngắc lên nói lớn. Theo tôi, điều bi thảm nhất trong câu chuyện này không phải là ở những gì tôi đã kể với ông.

— Hừ? Hừ! Còn cái gì nữa?. Tôi lạ lùng hỏi.

— Rửa đó! Lê Trí gật gù. Thằng bộ đội nói nó trở về trại không được bao lâu thì nhằm lễ Noel. Một số tù muốn được hành lễ nhưng bị ngăn cấm. Không khí trong trại rất căng thẳng. Nửa đêm bỗng có mấy tiếng súng nổ bên ngoài trại. Người ta xầm xì là có tù vượt trại nhưng không ai biết chắc là đã xảy ra chuyện gì. Sáng ra, người ta tìm thấy xác một người con gái ở ngoài nghĩa địa, nơi chôn những người tù chết trong trại và những người bị hành hình. Không ai biết tông tích nàng, ngoại trừ thằng bộ đội đã kể với tôi câu chuyện này. Nó đã chạy ra xem xác và nhận diện được nàng.

Mặt trời xuống thật mau, gió hình như lạnh hơn. Tôi lấy chiếc điều cày, kéo một hơi dài cho đến lúc tắt lửa. Tôi kiếm được một miếng giấy và yêu cầu Lê Trí chép cho tôi bài thơ của Sáu Hồ. Hấn kê tờ giấy lên đùi cặm cùi viết. Chép xong hấn trao tờ giấy cho tôi, đứng dậy nói:

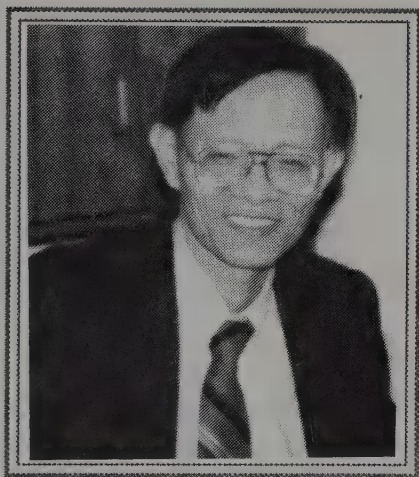
— Nếu còn có dịp gặp lại ông, tôi sẽ kể hầu ông một chuyện khác.

— A này... Tôi ngập ngừng hỏi trong lúc hấn toan bước đi. La hét trong lúc ngủ mê mà cũng bị tù hay sao? Người ta có cho biết ông bị tội gì không?

— Tội gì à? Hấn quay lại mở lớn đôi mắt ốc nhồi nhìn tôi. Ông thật đúng là một luật sư và chưa...tiến bộ! Nhưng nếu tôi quên không nói cho ông biết thì cũng là một sơ sót lớn. Tôi đã nói mà, còn dễ hơn là bị một chứng ỉa chảy! Tội của tôi là tội “nhát ma bộ đội” đấy, ông Luật sư ạ! Ha ha ha! Ông có tin hay không thì tùy ông! Hô hô hô!

Hấn đã đạp xe đi khá xa...nhưng tôi còn nghe tiếng cười của hấn vang động, dường như càng lúc càng lớn hơn...

SƠN TÙNG



TRẦN HOÀI THƯ

Tên thật là TRẦN QUÝ SÁCH, sinh ngày 16-12-1942 tại Đà Lạt. Hiện định cư tại New Jersey, Hoa Kỳ. Tốt nghiệp kỹ sư điện toán năm 1984.

Đã học tại Đại học Huế và Khoa học sàigòn.

Trước 1975, nhập ngũ khóa 24, Trường Bộ Binh Thủ Đức.

Phóng viên chiến trường từ 1972-1975.

Viết trên các tạp chí: Văn, Bách Khoa, Văn Học, Thời Tập, Văn Đề, Trình Bày, Khởi Hành, Nghiên Cứu Văn Học và Ý Thức.

Tác phẩm đã xuất bản:

- NỖI BƠ VƠ CỦA BẦY NGỰA HOANG
- NGỌN CỎ NGẬM NGÙI
- MỘT NƠI NÀO ĐỂ NHỚ

Sau 1975, ở hải ngoại đã và đang cộng tác với Quê Mẹ, Sóng, Lửa Việt, Văn Học, Nhân Văn và Độc Lập.

RA ĐI TRONG ĐÊM GIAO THỪA

Cuối cùng chàng cũng xa dần ngôi nhà với bao nhiêu kỷ niệm. Bỏ đi vào đêm giao thừa, có mẹ khóc thầm sau cổng. Không dám quay mặt lại, nhưng biết chắc mẹ vẫn còn đứng lặng nhìn theo. Và chẳng dám nhìn lên trời cao, sợ phải bắt gặp một vì sao để phải mang theo mà muốn khóc. Không dám nhìn cho hết những gì trên con đường cũ, con đường nâng bước chân mình từ thuở tập đi cho đến ngày khôn lớn. Từ cột đèn, từ quán nhỏ, từ hàng giậu nhà ai, từ lan can lầu đã một thời cho mình sống với tuổi trẻ dại khờ. Có phải mình sợ mình yếu mềm. Nhưng cố sao, khi bước đi trong đêm giao thừa, mình mới hiểu mình đang nghẹn ngào, đang phẫn nộ. Thương cho một đêm mà ngày xưa, nghe cả mùi hương của bông vạn thọ, bông cúc, và hiểu hơn bao giờ ý nghĩa cho một cuộc trở về. Cái bồi hồi từ lúc đón chiếc xe hàng càng lúc càng tăng lên, đến khi xuống xe qua phà, thấy thành phố lên đèn, thấy bến sông vắng lặng, thấy bến chợ không còn bán buôn, thấy người người dường như hiền hậu hơn, bao dung hơn. Và người thanh niên lang bạc năm nào trở lại mái nhà xưa, để như một cuộc tạ lỗi, để đôi mắt ba sáng, để mắt mẹ long lanh mừng mừng tủi tủi, để cái thế giới từ lâu bỏ quên nay bỗng ấm lại rất dịu dàng. Như tiếng nhạc mừng xuân nồng. Như bộ lư đèn sáng ngời dưới ánh đèn sáp. Như chút ngất ngây từ hương trầm cuống

quít cùng với hương bông nguyệt quế, vạn thọ, lài ~~rau~~ vườn. Mỗi lần trở về đề mình cảm thấy mình bé nhỏ lại. Mẹ sẽ thúc hối cưới vợ để mẹ sớm có cháu bông. Mẹ sẽ thuật lại ngày mẹ đau, cô bé hàng xóm luôn luôn mang quà đến bệnh viện săn sóc. Mình chỉ biết cười, không nói. Nhưng lòng mình đâm cảm động lạ lùng. Rõ ràng đêm này đã làm mỗi người nhỏ bé lại. Rõ ràng cuối cùng con người cần phải có chỗ trở về.

Nhưng đêm giao thừa này, thay vì trở về, chàng lại bỏ đi. Thay vì mừng mừng tủi tủi, mẹ lại đau đớn đằng sau cánh cửa. Ngày nào, mẹ không quên mừng tuổi đứa con của mẹ bằng phong giấy đỏ với những đồng bạc mới, bây giờ mẹ cũng mừng tuổi chàng với chiếc nhẫn yêu dấu nhất của đời mẹ — biểu tượng cho lòng chung thủy sắt son, cho một đời tận tụy làm vợ làm mẹ. Mừng tuổi chàng hay cái kỷ vật trời trăn từ một người mẹ? Ngày xưa phong thơ đỏ mong thẳng con vui, ngày nay chiếc nhẫn cưới trọn đời trên ngón tay mẹ mong thẳng con sinh tồn trong khi cuối bến bờ kia, đất Mỹ giàu mạnh nhất thế giới. Tại sao mẹ lại giục giã, khuyến khích chàng ra đi? Tại sao mẹ lại chấp nhận cái định mệnh tàn bạo nhất của một người đàn bà: Biết một ngày con mình sẽ không còn dịp để trở lại. Tại sao? Tại sao mẹ lại nói: Mẹ gần đất xa trời rồi. Mẹ chỉ mong ngày đó, mẹ được chôn cạnh mộ ba... khi chàng van lơn mẹ ra đi cùng chàng. Thì ra ai cũng muốn được một lần trở về. Và lần trở về đích thực. Cho dù bên kia thế giới đi nữa. Cho dù ngủ giấc ngàn năm đi nữa.

Đêm bỏ đi, có gì để nhớ. Nhưng chắc chắn một điều, phải mang theo bên đời một đêm của Việt Nam trong địa ngục. Đêm leo lét ngọn đèn để muộn. Đêm lặng câm của hương trầm, khói bếp giao thừa. Đêm bàng hoàng thảng thốt tiếng chó sủa băng quơ. Đêm rờn rợn những bóng công an tuần tiểu. Có gì để nhớ nữa. Qua nhà thờ. Thấy gì ở bãi

sân trống vắng. Chỉ thấy cái bóng hiu hắt ở ngôi nhà ông mục sư. Ông đứng yên lặng, bóng ông in mập mờ giữa khung cửa. Chàng cúi đầu bước đi như chạy trốn. *Chúa ở nơi nào có sự đau khổ*. Ông mục sư đã gần giọng, nhấn mạnh ở lời giảng. Và cái bóng hình ông cô độc giữa cõi đêm này đã mang đầy đủ ý nghĩa cho một sự thách đố. Còn nữa. Còn em nữa. Em cũng ở lại cùng sự đau khổ. Em đã nhắc lại lời giảng của ông mục sư già. Em không nghe anh cầu khẩn, van lơn, rồi giận hờn: “Tại sao em lại chịu đựng trong cái địa ngục này. Tại sao em không nghĩ đến đời còn lại của em?...” Còn nữa. Qua cái quán nhỏ cuối đường lộng gió từ con sông thành phố, để nhớ Q. Mới hồi chiều Q. còn đến kêu cửa: Đất trời xứ Huế còn ai nữa ở đây, trừ mây và tao hồi hai đứa ra quán gió. Gió sông miên man mang cả lời thơ của Hoàng Gổ Quý dạo nào: *Em đi dáng mỏng như là gió. Phơi tuổi vàng ta trên ngọn cây*. Gió từ phía cồn phía bãi, nơi đó đêm nay chàng sẽ đến, sẽ theo ghe ra cửa biển. Gió hiu hắt như tự những bến đò, bến sông, bến cồn, bến đá của quê hương. Gió như tự Hải Vân, Đèo Cả, Đại Lãnh, Sông Cầu, người lên cao nhìn xuống biển, xuống rừng mà mơ đến một ngày hòa bình. Và gió chiều nay, bạn từ Huế bỏ đi, chàng cũng tự Huế mà bỏ đi, làm chàng phải cay nồng đôi mắt. Phải vì hơi rượu đế, trái ớt xiêm cay, hay vì nghĩ đến ngày bạn sẽ phải sống sờ, kinh ngạc: *Thì ra thằng Tân đã đi rồi. Tại sao nó không chịu nói với tao một tiếng*. Bên cạnh Q. vẫn vui, vẫn tiếp tục kể về những ngày tháng cũ: Hồ Minh Dũng ở tù chưa ra. Lữ Quỳnh đi bán chợ trời sau những ngày làm than ở xứ Huế. Thằng N. đã bán linh hồn cho quỷ. Thằng Thái Ngọc san đi dép Bình Trị Thiên. Phan Duy Nhân từ bưng trở về lập tòa án nhân dân. Q. kể, bình thản chịu đựng: Còn tao bây giờ đi chăn vịt phương Nam, mỗi ngày vác sào tìm vui qua trăm linh hồn nhỏ. Tìm vui. Lữ Quỳnh đi bán chợ trời. Hồ Minh Dũng chưa ra. Còn Q. áo vá vai, trở thành người thi sĩ. Còn Dân, điên loạn.

Còn Quyền vượt ngục biệt tăm. Còn chàng... hơi rượu đế nồng nặc, đôi mắt cay xè. Nhìn ra con sông chiều. Cuối năm mặt trời đi ngủ sớm. Giòng sông sậm lại. Người con gái lảng giềng đạp chiếc xe đạp lướt qua, mang đằng sau thùng thuốc lá. Chàng nhìn theo, thấy lồng ngực mình nặng theo vòng xe lăn.

Đó là những gì chàng đã mang theo trước khi lao vào cõi đêm tối của một đêm giao thừa. Cửa sông. Cửa biển. Trạm công an. Bãi cạn. Cuộc ra đi sao mà tội nghiệp. Đó là cái giá của một cuộc kiếm tìm? Cố gắng nhìn lại đằng sau, nơi có lẽ là quê hương của mình, đất nước của mình. Chỉ thấy vài ánh đèn leo lét. Chỉ thấy cái bóng tối chịu đựng. Một người nào đó đã thốt lên: Đến giao thừa rồi. Câu nói như nhát dao. Mới cảm nhận hơn bao giờ về một sự mất mát. Của mình? Hay của đồng bào mình? Sao chẳng nghe tiếng pháo của ngày hòa bình? Sao chẳng nghe cả một lời chúc tụng ở nơi này?

Cái giá của một cuộc kiếm tìm. Sáng mùng một, con thuyền ra hải phận quốc tế. Tiếng kêu mừng réo gọi từ lòng khoang, từ trên boong. Nổi xúc động tột cùng khi biết mình đã thoát, đã đạt được cơn ước mơ. Thấy biển thật là xanh. Thấy trời cũng thật là gần. Thấy mây cũng thật là trắng. Thấy cả mặt người cũng thật tươi sáng. Tự Do. Tự Do. Một người đàn ông mừng đến điên khùng, hét: Đả đảo Cộng sản. Đả đảo Cộng sản. Và dội vào con tim mọi người. Và đáp lại: Đả đảo. Dường như mọi uẩn ức, mọi dồn nén, mọi đau khổ, mọi tức tưởi, mọi đêm đen, mọi ngày khổ sai, mọi giờ bị rình rập đều trút hết, bỏ hết vào tiếng la hét điên cuồng. Một người lính đã xé cuốn sổ quản chế. Hết mỗi tuần đến đồn công an, đến khóm phường, để trình diện. Hết công an mật vụ gọi mời. Hết nhục nhã. Hết cúi đầu. Hết cái hình ngôi sao đỏ như máu đỏ lòm in trên trang sổ tay. Đó chính là cái giá của cuộc kiếm tìm. Nhưng giá đó

không phải dừng lại ở đây. Bởi vì biển Thái Bình vẫn còn mênh mông vô tận, và bến bờ vẫn còn xa thẳm mù khơi. Bởi vì con thuyền mười bốn thước như một chiếc lá giữa trùng điệp sóng gào, và dưới kia, chắc chắn là những tên cướp biển, giết người, hãm hiếp đàn bà phụ nữ. Còn nữa. Thấy hải hùng từ tiếng rầm rắc phát lên từ thành ván, và khoang thuyền càng lúc càng ngập nước. Thấy kinh hoàng khi con thuyền bị sóng đẩy lên chót vót, và hụp hẳn trong lòng sâu vô định. Thấy để mà biết cái giá này. Thấy để mà nghĩ là hàng trăm ngàn bộ xương đồng bào đã nằm tức tưởi dưới đáy biển. Thấy để mà liên tưởng đến bao nhiêu máu đã hòa trong biển Đông. Và có người vì không chịu nổi *cái-thấy-ấy*, nên đã tính chuyện trở lại. Người đó là chủ tàu. *Thà ở tù còn hơn bị chết*. Ông ta van lơn. Nhưng không một ai nghe lời cầu khẩn của ông ta. Một người đàn bà la lớn: Thà chết còn hơn sống với Cộng sản. Mọi người đáp lời: Thà chết! Thà chết!

Cuối cùng, cửa tầng địa ngục đã đóng lại. Trời lại trong xanh. Mặt nước lại êm đềm. Những đàn cá bắt đầu lại nô giỡn cùng ánh nắng mặt trời và sóng bạc. Nhưng một cửa tầng địa ngục mới nữa lại mở ra. Hai chiếc tàu hải tặc đã có mặt tự lúc nào. Chúng dừng lại cách thuyền chưa đầy một trăm thước. Mười phút sau, chúng bắt đầu ào đến, kè vào mạn thuyền. Cái giá của một cuộc kiếm tìm lại bắt đầu trả. Những người con gái. Những thiếu phụ. Một người thiếu nữ đã nhảy xuống biển. Người mẹ nhảy theo. Hai người con gái bị dẫn qua tàu hung thần. Một người đàn ông bị búa đập vào gáy, hai tay chưa kịp đỡ. Một người đàn bà ôm chặt con vào lòng, không cho tên cướp bồng đi, đã bị đập xuống lòng khoang. Và các bà già, đàn bà đang quì trên boong lạy như mưa bắc, bên cạnh người con gái lóa lờ. Ánh nắng đã bị bóng hung thần che khuất, chỉ thấy bóng tối đen của gương mặt bị che phủ bởi mái tóc dài mà gió biển

làm tung bay tờ tả.

Đó là những gì chàng đã mang theo cho cuộc kiếm tìm. Đó là những gì chàng phải nhớ khi giao thừa trở lại. Không quán gió, nhưng quán gió cứ ám ảnh điệp trùng. Không bóng tối, nhưng hình ảnh con đường vào đêm giao thừa với những ngọn đèn leo lét như ma trời, cứ chập chờn không nguôi, với ông mục sư già cô độc giữa bóng đêm. Q. với cây sào chần trăm linh hồn nhỏ, em bật run đôi vai trước giờ ly biệt và người con gái lảng giềng đêm giao thừa đi bán thuốc lá, và thân thể lửa lò nào trên biển. Dưới đường, tuyết lại phủ trắng cả vỉa hè, trắng cả mái ngói, và óng ánh dưới ánh điện néon. Những chiếc xe thả đèn sáng lướt qua, vội vàng. Những đứa bé vừa chạy vừa ném những bánh tuyết. Và ở nơi này, căn phòng ấm cúng của Sơn rộn ràng một băng nhạc mừng xuân. Thật kỳ lạ. Ở một nơi mà mọi người đã có sẵn mùa xuân, thì xuân không trở về. Còn ở một nơi, đất trời tuyết băng, thì người ta đang mừng xuân mới...

Sơn là người bạn tốt. Hấn đã hiểu tâm trạng của một người tỵ nạn mới đặt chân lên xứ người. Xấu xí. Dần vật. Bàng hoàng. Hấn đã hiểu tại sao chàng lại đứng lặng bên khung cửa. Hấn rủ chàng đi xem chợ Tết. Hấn cười: Rồi mày sẽ thấy sự thật về những người đi trước. Chàng gật đầu. Ở, biết đâu mình còn gặp một thằng bạn xưa.

Nhưng chàng biết mình không thể đứng giữa cái giảng đường nồng nặc mùi dầu thơm, và mùi da thịt. Chàng biết mình quá lẻ loi và xa cách với cái thế giới này. Các cụ bà áo gấm, vòng ngọc thạch, hột xoàn, kim cương. Các cô thiếu nữ má phấn môi hồng, mắt tô than, và bờ vai hờ căng tràn nhục dục. Và các người đàn ông thì quá đổi lịch sự. Sơn giới thiệu chàng cho một số người quen biết: Đây là anh Tần, người mới đến Mỹ chưa được một tuần. Họ chia mừng dùm chàng, ái ngại dùm chàng. Có người hỏi chàng về Việt Nam. Chàng trả lời mếu máo. Rồi họ lại tiếp tục nói chuyện.

Về job, về xe, về nhà. Một người đàn ông hỏi nhỏ bà cụ mặc áo dạ nhung, mang đôi hài đen cần hột cườm và chiếc vòng ngọc thạch trên cổ: Thưa cụ, thế cụ định chừng nào về Việt Nam. Bà cụ trả lời: Có lẽ vài tháng nữa ông ạ, tôi đợi vé máy bay từ bên Canada... Chàng bàng hoàng. Bỗng nhiên chàng nhớ đến mẹ chàng, nhớ đến mỗi lần lên thăm nuôi chàng, mái tóc mẹ càng ngày càng trắng xóa. Chàng nhớ đến chiếc nhẫn quý báu nhất của đời mẹ, và đêm cuối cùng, mẹ khóc mà không dám tiễn chàng ra bến sông... Rồi đến hình bóng cô độc nhưng đầy uy dũng của vị tu hành trong vùng giặc, và chiếc áo vá vai của người bạn thơ nổi tiếng một thời. Chàng lại nghe lại lời nói dội vang từ một điểm nào trên biển động: thà ở tù còn hơn bị chết. Và hai mẹ con lao mình trên biển. Và bóng tối của gương mặt người con gái lóa lờ. Họ chưa đủ đánh thức lương tâm của đồng bào hay sao? Nỗi nhục nhã của họ, và nỗi chịu đựng ghê hờn của họ chưa đủ khơi dậy con tim của đồng bào hay sao? Tù ngục đọa đầy, biển trời thống khổ chưa đủ thức tỉnh lòng họ sao? Chàng muốn cởi áo, cởi quần, trần truồng để cho cái thế giới này thấy thế nào là một con người vừa đến từ đất nước họ. Chàng muốn đứng giữa hội trường để họ có thể nhìn rõ những vết hằn tù tội, mái tóc trắng bạc của một người đồng loại trẻ tuổi. Chàng điên cuồng ước được mặc lại chiếc quần đùi bằng vải bao cát, và chiếc áo vá trăm mảnh, để họ nhận chân được cái Việt Nam mà họ sắp “du lịch”. Nhưng chàng vẫn đứng yên. Đứng yên giữa một thế giới quá đổi kỳ lạ. Đứng yên mà giọt lệ chột trào ra từ khóe mắt.

TRẦN HOÀI THƯ



TRẦN MỘNG TÚ

Tên thật là TRẦN MỘNG TÚ, sinh ngày 19-12-1943 tại Hà Đông.

Làm cho Hãng thông tấn AP (The Associated Press) từ năm 1967 đến 1975.

Bắt đầu làm thơ ở Việt Nam vào năm 1969 trên các báo: Sống, Đời, Văn Nghệ Tiền Phong, Hòa Bình.

Sau năm 1975, ở hải ngoại cộng tác với các báo:

Hồn Việt, Người Việt, Thế Kỷ 21, Văn (Hoa Kỳ), Làng Văn (Canada), Độc Lập (Tây Đức).

Hiện định cư tại Washington (Hoa Kỳ).

LỜI KỶ NỮ

Cha phơi xương trắng đường biên giới
Mẹ nhật tự do đáy biển xanh
Hải tặc bắt em vào Vọng Các
Bán cành hoa dập cho lâu xanh

Khách tự bên trời lạc bước qua
Dạo tìm hoa lạ, kiếm hương xa
Gặp em giữa một đêm trăng khuyết
Ngỡ ngàng đôi mắt ta với ta

Nước mắt em rơi trên gối lụa
Tay em bé nhỏ khách tựa đầu
Tay em ví được mềm hơn gấm
Cùng khách gượng vui lấp nỗi sầu

Lòng khách có trăm điều muốn hỏi
Em còn gì nữa để tiếc than
Ôi! Giá tự do cay đắng quá
Biển xô, sóng nhật mảnh hồng nhan

Nào đâu có phải mình em nhục
Mình em trong vũng bùn hôi tanh
Khách ơi! Cuối vườn lâu xanh đó
Ngàn bông hoa Việt bị chiết cành

Nàng Kiều dẫu có thân lưu lạc
Mười lăm năm thay áo hoàn lương
Gái Việt rơi vào tay hải tặc
Mong gì được thấy lại cố hương

Chén cuối xin cùng em uống cạn
Tiễn khách ngày mai đi thật xa
Xin nhẹ lau khô dùm mắt lệ
Nghe em hát khúc "Hậu Đình Hoa".

Đừng trách em không “vong quốc hận”
Ngày cười, đêm khóc cuộc tỉnh say
Trái tim để lại trên đầu sóng
Da thịt đau thương đếm từng ngày.

Một mai khách trở về đất Việt
Nhớ đêm trăng khuyết gặp nhau đây
Tìm hộ cho em người viết sử
Ghi lên bằng máu vết nhơ này.

TRẦN MỘNG TÚ

GỌI NẮNG

Nắng ở đây hiếm hoi như hạnh phúc
Anh có về gọi nắng đến cho em
Anh có về mang theo chút tình riêng
Em sưởi ấm trong những ngày mưa bụi

Gió ở đây hay làm em bối rối
Tình ở đây tình bay nhẹ như mây
Anh có về buộc hộ dưới chân mây
Trái tim nhỏ của ngày yêu nhau đó

Mưa ở đây mưa nhiều hơn lệ nhỏ
Những hạt mưa xanh lam ướt đêm dài
Anh có về tay đặt nhẹ lên vai
Đôi vai lạnh vì tóc mây đã cắt

Sương ở đây một giòng sông sữa đặc
Bướm muôn màu cũng gầy cánh trong sương
Vết chân ai cũng xóa vội bên đường
Tình cách núi mong gì nhìn thấy mặt

Con blue jay trên cành thông đợi nắng
Gọi tên anh nghe rất đổi lạ lòng
Chim quên tên hay tình đã thay lòng
Tiếng chim gọi nào nùng không âm vọng

TRẦN MỘNG TÚ

KIỆP SAU

Đêm qua em nằm mơ
Mẹ đem em gả chồng
Cho một chàng thi sĩ
Số chàng rất long đong

Hai vợ chồng làm thơ
Trong một gian lầu cổ
Mái dột mái cứ dột
Làm thơ vẫn làm thơ

Thơ chàng dán trên vách
Thơ em che trời mưa
Một đàn con tám đứa
Lớn lên chỉ mê thơ

Ngoài vườn đầy hoa nở
Trong hồn ngập mộng mơ
Cửa lầu thường bỏ ngõ
Nên Xuân đến bốn mùa

Thơ chàng làm em đọc
Thơ em con đánh vần
Chàng không biết trừ, cộng
Em chẳng biết chia, nhân

Mặc người đời mua bán
Mặc cuộc đời hơn thua
Cả nhà làm thi sĩ
Nên nghèo xác nghèo xơ

Em cầu cùng Thượng Đế
Kiếp sau có lấy chồng
Xin lấy chàng thi sĩ
Dẫu biết chàng tay không

TRẦN MỘNG TÚ 4/89

TRÁI TIM HỒNG

Có một khoảng không trong hồn em trống lăm
Người đi qua sao không ghé lại thăm
Hồn em đỏ như cây mùa thu đứng
Chờ lá vàng về phủ đến trăm năm

Tóc hồn giận nên tóc chia ngàn sợi
Người không về đo sợi ngắn sợi dài
Tay chung thủy dấu hoài trong đáy túi
Ngón cô đơn chờ đan ngón tay người

Giầy con gái bỏ quên trong góc tủ
Người không về nên chân chẳng muốn đi
Đôi chân nhỏ tay ai thường ấp ủ
Những đêm trăng thơm ngát đóa tường vi

Trán ngây thơ tương tư mùi khói thuốc
Người không về mắt cũng nhạt màu nâu
Môi bớt đỏ, và răng cười bớt trắng
Em nhớ người em khóc suốt đêm đầu

Em sẽ chết với mảnh hồn trống đỏ
Chúa đứng đón em ở cửa Thiên Đàng
“Con trả Chúa trái tim hồng lãng mạn
Dưới thế gian con đại dột cho chàng”

TRẦN MỘNG TÚ

LỤC BÁT TRẦN MỘNG TÚ

Bướm Tuyết

Xô khung cửa hẹp bước ra
Trăm con bướm tuyết bay xa vào lòng
Cánh nào gãy vụn bên song
Cánh nào gãy giữa mệnh mông mái hồn

Đông Trắng

Mùa Đông trắng giữa mái nhà
Câu thơ trắng giữa hồn ta vô đề
Bông hoa trắng giữa đam mê
Mối tình trắng giữa lời thề bồng tan

Tuyết Tan

Đóa tan trên ngón tay gầy
Đóa tan trên sợi tóc mây hững hờ
Đóa tan trên một bài thơ
Hồn em đóa ấy bao giờ mới tan

MỤC LỤC

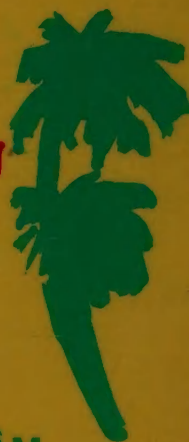
Vào Tập	Trang 5
ANH VÂN	Trang 7
BÙI BÍCH HÀ	Trang 23
ĐOÀN ĐỨC NHÂN	Trang 37
HỒ CÔNG TÂM	Trang 51
LÊ ĐẠI LÃNG	Trang 61
MINH VIÊN	Trang 79
NGÔ VĂN THỌ	Trang 89
NGUYỄN ĐỨC LẬP	Trang 103
SƠN TÙNG	Trang 121
TRẦN HOÀI THU'	Trang 139
TRẦN MỘNG TÚ	Trang 149



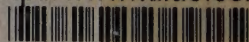
TUYỂN TẬP THƠ VĂN

1990

- ANH VÂN • BÙI BÍCH HÀ
- ĐOÀN ĐỨC NHÂN • HỒ CÔNG TÂM
- LÊ ĐẠI LÃNG • MINH VIÊN
- NGÔ VĂN THỌ • NGUYỄN ĐỨC LẬP
- SƠN TÙNG • TRẦN HOÀI THƯ
- TRẦN MỘNG TÚ



<http://www.tuluc.com>



Item ID: 3003324

Price: \$10.00

Set: 1

Loc: C-9